

Viện Nghiên cứu và Đào tạo về Quản lý



# Thuế

## - Thủ tục

trong hoạt động

# HẢI QUAN

## Xuất Nhập Khẩu



# 185

vướng mắc & giải đáp

Nhà xuất bản Tài chính

Tủ sách **NHÀ QUẢN LÝ**

---

Biên soạn

LÊ ANH CƯỜNG

NGUYỄN THỊ MAI - PHẠM ÁNH HỒNG

**185** VƯỚNG MẮC & GIẢI ĐÁP VỀ  
**THUẾ, THỦ TỤC HẢI QUAN**  
TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

Hà Nội - 2003

# LỜI NÓI ĐẦU



*Trong những năm qua, nhiều văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung nhằm tạo một hành lang pháp lý thuận lợi đáp ứng yêu cầu phát triển thực tế của đất nước nói chung và lĩnh vực xuất nhập khẩu nói riêng.*

*Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các tổ chức, doanh nghiệp vẫn còn gặp không ít những vướng mắc, khó khăn trong các vấn đề về thuế, thủ tục hải quan, hồ sơ chứng từ thanh toán... Điều này làm cho các doanh nghiệp lúng túng, chậm trễ trong việc xử lý các tình huống thực tiễn, từ đó hạn chế hiệu quả hoạt động kinh doanh.*

*Nhằm tháo gỡ phần nào những khó khăn, vướng mắc nêu trên, qua hoạt động cung cấp thông tin, tư vấn pháp lý và trực tiếp cơ sở thực tế cùng doanh nghiệp, Viện Nghiên cứu và Đào tạo về Quản lý (VIM) đã tiến hành cập nhật, chọn lọc và biên soạn cuốn sách **“185 vướng mắc và giải đáp về Thuế, Thủ tục hải quan trong hoạt động xuất nhập khẩu”**.*

*Được trình bày dưới dạng Hỏi-Đáp, cuốn sách gồm 4 chương:*

*Chương I - Vướng mắc về Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.*

*Chương II - Vướng mắc về Thuế GTGT đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu.*

*Chương III - Vướng mắc về Hoá đơn, Chứng từ và Hạch toán kế toán.*

*Chương IV - Vướng mắc về Thủ tục Hải quan.*

185 tình huống trong cuốn sách là những vướng mắc thực tế trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp cùng những hướng dẫn, giải đáp của các cơ quan chức năng như Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan...

Hวัง vọng, cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích, thiết thực đối với các nhà quản lý, chủ doanh nghiệp, cán bộ xuất nhập khẩu và những người quan tâm đến lĩnh vực phức tạp này.

Mọi góp ý hoặc yêu cầu giải đáp về nội dung cuốn sách cũng như các vấn đề pháp luật kinh doanh khác, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ:

**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN LÝ**  
**Trung tâm Thông tin và Tư vấn doanh nghiệp**  
38 Bà Triệu, Hà Nội  
Tel: (04) 9348151 - 9361913 \* Fax: (04) 9360084

## CHƯƠNG I

# VƯỚNG MẮC VỀ **THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

**CHƯƠNG I****Trang**

|     |                                                                                          |    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.  | Miễn thuế, hoàn thuế đối với hàng xuất khẩu buộc phải nhập khẩu trở lại.                 | 10 |
| 2.  | Hoàn thuế nhập khẩu đối với trường hợp thất lạc hồ sơ.                                   | 12 |
| 3.  | Hoàn thuế trong trường hợp đối tác nước ngoài thanh toán bằng đồng đô la (USD) tiền mặt. | 14 |
| 4.  | Hoàn thuế nhập khẩu trong trường hợp xuất khẩu hàng tại chỗ.                             | 15 |
| 5.  | Hoàn thuế đối với hàng vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.         | 17 |
| 6.  | Điều kiện được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu.                 | 21 |
| 7.  | Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để mở rộng quy mô sản xuất.       | 22 |
| 8.  | Nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định.                                         | 23 |
| 9.  | Điều kiện miễn thuế nhập khẩu đối với hàng mẫu.                                          | 25 |
| 10. | Điều kiện để được miễn truy thu thuế nhập khẩu.                                          | 26 |
| 11. | Điều kiện để được áp giá tính thuế theo hợp đồng ngoại thương.                           | 28 |
| 12. | Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu nhập khẩu sản xuất hàng xuất khẩu.               | 29 |
| 13. | Áp dụng Thuế nhập khẩu ưu đãi.                                                           | 30 |
| 14. | Áp dụng Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt.                                        | 30 |

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

|     |                                                                        |    |
|-----|------------------------------------------------------------------------|----|
| 15. | Áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu thông thường.                         | 31 |
| 16. | Điều kiện được miễn thuế xuất nhập khẩu.                               | 32 |
| 17. | Các trường hợp hàng hoá không chịu thuế xuất, nhập khẩu.               | 35 |
| 18. | Thời hạn nộp hồ sơ để được hoàn thuế nhập khẩu.                        | 37 |
| 19. | Các trường hợp được hoàn thuế xuất nhập khẩu.                          | 38 |
| 20. | Hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu nhập khẩu phải tái xuất.   | 40 |
| 21. | Nộp hồ sơ hoàn thuế nhập khẩu quá thời hạn quy định.                   | 41 |
| 22. | Thời điểm tính thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.                   | 42 |
| 23. | Điều kiện áp dụng thời hạn nộp thuế nhập khẩu là 275 ngày.             | 43 |
| 24. | Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu.               | 44 |
| 25. | Hoàn thuế đối với hàng tạm nhập - tái xuất.                            | 45 |
| 26. | Điều kiện hàng nhập khẩu hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi.        | 47 |
| 27. | Hoàn thuế nhập khẩu trong trường hợp hàng nhập khẩu phải tái xuất.     | 48 |
| 28. | Giảm thuế nhập khẩu hàng do tổn thất trong vận chuyển.                 | 50 |
| 29. | Các trường hợp không được áp giá tính thuế theo hợp đồng ngoại thương. | 51 |
| 30. | Xác định giá tính thuế hàng hoá xuất nhập khẩu.                        | 53 |
| 31. | Điều kiện được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng quà biếu, quà tặng.    | 56 |

|     |                                                                              |    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|----|
| 32. | Áp dụng giá tính thuế hàng nhập khẩu.                                        | 57 |
| 33. | Xác định giá tính thuế nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm.   | 61 |
| 34. | Xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu đối với doanh nghiệp liên doanh.       | 63 |
| 35. | Phương pháp xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu từ giá EXW.                | 64 |
| 36. | Xây dựng bổ sung giá tính thuế trong trường hợp nào?                         | 65 |
| 37. | Giá tính thuế hàng nhập khẩu từ khu chế xuất vào thị trường nội địa.         | 67 |
| 38. | Thuế suất thuế nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hoá.                             | 67 |
| 39. | Trình tự kê khai Hải quan tính thuế hàng hóa nhập khẩu.                      | 68 |
| 40. | Thời hạn nộp hồ sơ và xét hoàn thuế xuất, nhập khẩu.                         | 69 |
| 41. | Thời hạn thông báo thuế.                                                     | 70 |
| 42. | Thời hạn nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.                                 | 72 |
| 43. | Thuế đối với linh kiện nhập khẩu để sản xuất lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh.    | 75 |
| 44. | Thuế nhập khẩu linh kiện và chi tiết phục vụ sản xuất thử.                   | 77 |
| 45. | Thuế đối với hàng xuất khẩu tại chỗ thanh toán đối trừ công nợ.              | 77 |
| 46. | Thủ tục xoá nợ thuế.                                                         | 79 |
| 47. | Xác định thuế nhập khẩu đối với thiết bị đồng bộ, thiết bị toàn bộ tháo rời. | 80 |

## **Chương I - Vương mác về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

|     |                                                                                     |    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 48. | Hoàn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị tạm nhập tái xuất.                    | 81 |
| 49. | Thời hạn nộp thuế nhập khẩu đối với máy móc và hàng tiêu dùng.                      | 82 |
| 50. | Thủ tục hoàn thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.     | 83 |
| 51. | Miễn thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với hàng viện trợ không hoàn lại.                | 85 |
| 52. | Miễn thuế nhập khẩu đối với ô tô tải và máy điều hoà nhập khẩu tạo tài sản cố định. | 86 |
| 53. | Giảm thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu từ Lào.                              | 88 |
| 54. | Thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với phần mềm nhập khẩu qua mạng Internet.             | 89 |
| 55. | Phân loại và tính thuế nhập khẩu, thuế GTGT thiết bị đồng bộ, toàn bộ.              | 90 |
| 56. | Truy thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.                                            | 91 |
| 57. | Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế xuất nhập khẩu.                      | 92 |
| 58. | Xử phạt vi phạm về thuế đối với hàng hoá nhập khẩu.                                 | 94 |
| 59. | Điều kiện, thủ tục hồ sơ đối với hàng nhập khẩu thuộc diện xét miễn thuế.           | 96 |

**1. Miễn thuế, hoàn thuế đối với hàng xuất khẩu buộc phải nhập khẩu trở lại.**

*Doanh nghiệp của chúng tôi hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực xuất khẩu hàng hoá. Trong nhiều trường hợp, vì các lý do khác nhau, chúng tôi phải nhập khẩu trở lại những lô hàng đã xuất khẩu cho đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, khi nhận về lô hàng của mình, có trường hợp chúng tôi được hoàn thuế xuất khẩu, có trường hợp chúng tôi phải nộp thuế nhập khẩu. Vậy quy định của pháp luật xử lý vấn đề này như thế nào?*

**Giải đáp:** Về vấn đề này, ngày 23 tháng 5 năm 2003, Tổng cục Hải quan đã có hướng dẫn thống nhất thực hiện tại hải quan các địa phương như sau:

Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu hàng nhưng vì lý do nào đó buộc phải nhập khẩu trở lại Việt Nam thì được *xét hoàn thuế xuất khẩu* đã nộp và *không phải nộp thuế nhập khẩu* của lô hàng đó (khi nhập khẩu trở lại).

**Điều kiện:**

Để được hoàn lại số thuế xuất khẩu đã nộp và không phải nộp thuế nhập khẩu, doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Hàng được thực nhập trở lại Việt Nam trong thời hạn tối đa là một năm, kể từ ngày thực tế xuất khẩu.

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

- Hàng hoá chưa qua quá trình sản xuất, gia công, sửa chữa hoặc sử dụng ở nước ngoài.

- Hàng nhập khẩu trở lại Việt Nam phải cùng cửa khẩu đã xuất khẩu hàng hoá đó.

### **Hồ sơ:**

Hồ sơ xét hoàn thuế xuất khẩu đã nộp và không phải nộp thuế nhập khẩu gồm:

- Công văn đề nghị xét hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu trong đó phải nêu rõ lý do phải nhập khẩu trở lại Việt Nam;

- Thông báo của khách hàng nước ngoài hoặc thoả thuận với khách hàng nước ngoài về việc nhận lại hàng, có nêu rõ lý do, số lượng hàng trả lại.

- Tờ khai hải quan hàng xuất khẩu, hợp đồng mua bán ngoại thương ký với khách hàng nước ngoài về việc nhận lại hàng, có nêu rõ lý do, số lượng hàng trả lại.

- Tờ khai hải quan hàng xuất khẩu, hợp đồng mua bán ngoại thương ký với nước ngoài, hoá đơn bán hàng cho phía chủ hàng nước ngoài.

- Biên lai nộp thuế.

- Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu trở lại, có ghi rõ số hàng này trước đây đã được xuất khẩu theo tờ khai Hải quan hàng xuất khẩu nào và kết quả kiểm hoá cụ thể của Hải quan cửa khẩu, xác nhận là hàng nhập khẩu trở lại Việt Nam.

- Hợp đồng uỷ thác xuất nhập khẩu (nếu là hàng XNK uỷ thác).

Doanh nghiệp cần lưu ý, trường hợp hàng phải nhập khẩu trở lại Việt Nam vẫn còn trong thời hạn nộp thuế xuất khẩu thì không phải nộp thuế xuất khẩu tương ứng với số hàng thực tế nhập khẩu trở lại.

## **2. Hoàn thuế nhập khẩu đối với trường hợp thất lạc hồ sơ.**

*Qua quá trình vận chuyển hàng hoá, doanh nghiệp chúng tôi bị thất lạc một số giấy tờ như: tờ khai xuất khẩu, tờ khai nhập khẩu, biên lai thu thuế... Các giấy tờ này đều là bản gốc để làm thủ tục hoàn thuế nhập khẩu. Vậy doanh nghiệp chúng tôi phải làm thế nào để được xác nhận là đủ điều kiện hoàn thuế nhập khẩu?*

**Giải đáp:** Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan đã có hướng dẫn xử lý cụ thể như sau:

Trước hết, doanh nghiệp phải làm thủ tục khai báo bị thất lạc các loại giấy tờ nêu trên tại cơ quan Hải quan. Căn cứ công văn đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan Hải quan sẽ giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

### **1. Trường hợp doanh nghiệp bị thất lạc tờ khai nhập khẩu:**

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Doanh nghiệp phải có văn bản giải trình, cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thất lạc tờ khai là có thật. Cơ quan Hải quan sẽ kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ gốc lưu hiện có để giải quyết thủ tục hoàn (không thu) thuế nhập khẩu cho doanh nghiệp.

### **2. Trường hợp doanh nghiệp bị thất lạc tờ khai xuất khẩu:**

2.1 Trường hợp tờ khai xuất khẩu và tờ khai nhập khẩu được đăng ký tại cùng một đơn vị Hải quan thì thực hiện theo hướng dẫn trên.

2.2 Trường hợp tờ khai xuất khẩu đăng ký tại đơn vị Hải quan khác (không phải là đơn vị Hải quan giải quyết thủ tục hoàn thuế).

- Doanh nghiệp đề nghị bằng văn bản gửi đơn vị Hải quan nơi doanh nghiệp đăng ký tờ khai xuất khẩu: Trên cơ sở ý kiến của doanh nghiệp, cơ quan Hải quan có trách nhiệm đối chiếu với bộ hồ sơ xuất khẩu gốc lưu tại đơn vị để có cơ sở xác nhận về số lượng, chủng loại hàng hoá thực xuất của tờ khai xuất khẩu kèm theo bản sao tờ khai xuất khẩu đó gửi cho đơn vị Hải quan nơi giải quyết thủ tục hoàn thuế nhập khẩu cho doanh nghiệp 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ để theo dõi. Trong văn bản này nêu rõ "*tờ khai xuất khẩu số... ngày...tháng... năm... của công ty chưa làm thủ tục hoàn thuế*".

- Đơn vị Hải quan nơi giải quyết thủ tục hoàn thuế nhập khẩu: Căn cứ văn bản xác nhận và tờ khai (bản sao) của đơn vị hải quan nơi doanh nghiệp mở tờ khai xuất khẩu gửi đến để giải quyết thủ tục hoàn thuế (không thu) thuế nhập khẩu cho doanh nghiệp.

**3. Hoàn thuế trong trường hợp đối tác nước ngoài thanh toán bằng đồng đô la (USD) tiền mặt.**

*Doanh nghiệp tôi có nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu. Khi xuất khẩu hàng hoá đối tác nước ngoài có thanh toán bằng đô la (USD) tiền mặt. Vậy doanh nghiệp tôi phải đảm bảo điều kiện gì để được hoàn lại số thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu?*

**Giải đáp:** Về vấn đề này Tổng cục thuế có hướng dẫn cụ thể như sau:

Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá mà đối tác nước ngoài thanh toán bằng tiền mặt USD cho doanh nghiệp xuất khẩu, để được hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu đã dùng vào sản xuất hàng xuất khẩu thì doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Có Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước về việc cho thu bằng tiền mặt USD từ xuất khẩu; và

(ii) Có xác nhận của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản về việc doanh nghiệp đã nộp số tiền mặt USD đó vào tài khoản theo đúng nội dung quy định trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước.

**4. Hoàn thuế nhập khẩu trong trường hợp xuất khẩu hàng tại chỗ.**

*Doanh nghiệp nhập khẩu vật tư, nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu tại chỗ, sau khi hoàn thành thủ tục xuất khẩu tại chỗ, doanh nghiệp có được xét hoàn lại thuế nhập khẩu đối với phần vật tư, nguyên liệu tương ứng với sản phẩm xuất khẩu tại chỗ không? Thủ tục, hồ sơ quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Doanh nghiệp nhập khẩu vật tư, nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu tại chỗ, sau khi hoàn thành thủ tục xuất khẩu tại chỗ, doanh nghiệp được xét hoàn lại thuế nhập khẩu đối với phần vật tư, nguyên liệu tương ứng với sản phẩm xuất khẩu tại chỗ.

**Thủ tục hồ sơ xét hoàn thuế nhập khẩu:**

- Công văn đề nghị hoàn lại thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu tại chỗ, trong đó giải trình cụ thể về số lượng, trị giá nguyên liệu, vật tư nhập khẩu sử dụng để sản xuất ra hàng bán cho khách hàng nước ngoài phù hợp với chủng loại, số lượng mặt hàng xuất khẩu theo tờ khai hàng xuất khẩu tại chỗ, bao gồm các nội dung: số tờ khai hàng nhập khẩu; mặt hàng, số lượng, trị giá nguyên liệu, vật tư nhập khẩu; số lượng sản phẩm sản xuất đã xuất khẩu; số thuế nhập khẩu đã nộp; số thuế nhập khẩu đề nghị hoàn;

- Giải trình mức tiêu hao thực tế nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất một đơn vị sản phẩm xuất khẩu tại chỗ của doanh

ngiệp và giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tính chính xác đúng đắn của báo cáo;

- Tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư; Hợp đồng mua bán ngoại thương hàng nhập khẩu;

- Thông báo thuế, Biên lai nộp thuế nhập khẩu;

- Hợp đồng mua bán ngoại thương ký với thương nhân nước ngoài theo đúng quy định của Luật Thương mại, trong đó ghi rõ mặt hàng, số lượng, tên và địa chỉ của doanh nghiệp nhận hàng tại Việt Nam;

- Hợp đồng nhập khẩu ký với thương nhân nước ngoài của Doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ; Tờ khai hàng hoá xuất khẩu tại chỗ, nhập khẩu tại chỗ (có đóng dấu và xác nhận sao y bản chính của giám đốc doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ).

Các chứng từ, giấy tờ trong hồ sơ xin hoàn thuế, Giám đốc doanh nghiệp (hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp) phải cam kết về tính xác thực, hợp pháp hợp lệ và chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về số liệu, tài liệu cung cấp.

Khi sản phẩm đã xuất khẩu tại chỗ doanh nghiệp thuộc đối tượng được hoàn thuế nhập khẩu gửi hồ sơ hoàn thuế nhập khẩu tới cơ quan Hải quan (nơi làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư) để được xem xét hoàn thuế nhập khẩu.

Căn cứ vào hồ sơ quy định nêu trên, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét và ra quyết định hoàn thuế nhập khẩu.

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Trường hợp nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, nếu sản phẩm thực xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế theo quy định thì không phải nộp thuế nhập khẩu tương ứng với số hàng thực tế xuất khẩu. Hồ sơ xét không thu thuế thực hiện như quy định đối với hồ sơ xét hoàn thuế như trên, riêng Biên lai nộp thuế được thay bằng Thông báo thuế chính thức của cơ quan Hải quan.

### **5. Hoàn thuế đối với hàng vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.**

*Trong trường hợp hàng hoá nhập khẩu là nguyên, vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu thì việc hoàn thuế được quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại điểm g, mục I, phần E Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính thì hàng là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được hoàn thuế tương ứng với tỷ lệ xuất khẩu thành phẩm:

a/ Các loại vật tư, nguyên liệu được hoàn lại thuế bao gồm:

- Vật tư, nguyên liệu trực tiếp cấu thành thực thể sản phẩm;
- Vật tư, nguyên liệu trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không trực tiếp chuyển hóa thành hàng hoá hoặc không cấu thành thực thể sản phẩm bao gồm: giấy, phấn, bút vẽ, bút vạch dấu, đinh ghim quần áo, mực sơn in, bàn chải quét keo, chổi quét keo, khung in lưới, kẹp tẩy, dầu đánh bóng...

nếu doanh nghiệp xây dựng thành định mức tiêu hao cho đơn vị sản phẩm và giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm về định mức này.

**b/ Các trường hợp được xét hoàn thuế bao gồm:**

- Các doanh nghiệp nhập nguyên liệu, vật tư rồi trực tiếp sản xuất hoặc tổ chức đưa gia công và nhận sản phẩm về để xuất khẩu (kể cả trường hợp liên kết sản xuất hàng xuất khẩu);

- Các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa tiêu thụ trong nước sau đó tìm được thị trường xuất khẩu và đưa số nguyên liệu, vật tư này vào sản xuất hàng xuất khẩu, đã thực xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài;

- Các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu thuộc phần vốn góp đầu tư của bên nước ngoài trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, sau đó xuất khẩu cho khách hàng nước ngoài hoặc cho công ty chính (công ty mẹ) ở nước ngoài.

**c/ Hồ sơ xét hoàn thuế:**

- Công văn đề nghị hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp của doanh nghiệp, trong đó có phương án giải trình cụ thể về số lượng hàng xuất khẩu, mức tiêu hao thực tế nguyên liệu nhập khẩu, số thuế nhập khẩu đã nộp, số thuế nhập khẩu xin hoàn;

- Hợp đồng xuất khẩu hàng hóa ký kết với nước ngoài (trong đó có ghi rõ số lượng, qui cách, phẩm chất, chủng loại... hàng xuất khẩu) và hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu;

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

- Tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu nguyên liệu, vật tư đã thanh khoản Hải quan;

- Tờ khai Hải quan hàng xuất khẩu có xác nhận thực xuất của Hải quan cửa khẩu;

- Biên lai nộp thuế;

- Hợp đồng uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu (nếu là xuất nhập khẩu uỷ thác).

Định mức tiêu hao nguyên liệu, vật tư sử dụng vào sản xuất sản phẩm xuất khẩu do doanh nghiệp xây dựng và giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tính chính xác đúng đắn của định mức, đăng ký với cơ quan Hải quan (nơi làm thủ tục nhập khẩu và xuất khẩu sản phẩm sau này). Việc đăng ký định mức với cơ quan Hải quan phải được tiến hành trước khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm. Trường hợp đăng ký định mức không đúng với mức tiêu hao sản xuất thực tế thì doanh nghiệp phải báo cáo ngay với cơ quan Hải quan nơi đã đăng ký định mức để làm căn cứ hoàn thuế khi thực tế xuất khẩu sản phẩm. Đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng tiêu thụ trong nước, sau đó tìm được thị trường xuất khẩu doanh nghiệp phải xây dựng định mức tiêu hao gửi cơ quan Hải quan trước khi làm thủ tục xin hoàn thuế. Giám đốc doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về định mức này. Thuế nhập khẩu được hoàn được xác định trên mức tiêu hao thực tế, nhưng không quá định mức tiêu hao đăng ký.

Trường hợp thấy có nghi vấn về định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu thì cơ quan Hải quan có thể trưng cầu giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành về

## Tủ sách **NHÀ QUẢN LÝ**

mặt hàng đó để làm cơ sở xem xét giải quyết hoàn thuế cho doanh nghiệp. Hàng năm, cơ quan Hải quan chủ trì phối hợp với cơ quan thuế địa phương tổ chức kiểm tra định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu liên quan đến việc giải quyết hoàn thuế nhập khẩu.

Đối với trường hợp một loại nguyên liệu nhập khẩu về để sản xuất nhưng thu được hai hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau (nhập khẩu lúa mì để sản xuất bột mì thu lại được hai sản phẩm là bột mì và cám mì; Nhập khẩu condensate để lọc dầu thu được sản phẩm là xăng và diesel...) nhưng chỉ xuất khẩu một loại sản phẩm sản xuất ra, thì số thuế nhập khẩu được hoàn được tính theo phương pháp phân bổ như sau:

|                                                                               |   |                                                                                            |          |                                                         |
|-------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------|
| <i>Số thuế nhập khẩu được hoàn (tương ứng với sản phẩm thực tế xuất khẩu)</i> | = | <i>Tỷ lệ giữa trị giá của sản phẩm xuất khẩu và tổng trị giá của các sản phẩm thu được</i> | <i>x</i> | <i>Số thuế nhập khẩu của nguyên vật liệu nhập khẩu.</i> |
|-------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------|

Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu nếu thực xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế thì không phải nộp thuế nhập khẩu tương ứng với số hàng thực tế xuất khẩu. Hồ sơ xét không thu thuế như quy định hồ sơ xét hoàn thuế. Riêng biên lai nộp thuế được thay bằng thông báo thuế chính thức của cơ quan Hải quan.

**6. Điều kiện được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu.**

*Công ty chúng tôi được cấp giấy phép đầu tư trước ngày có hiệu lực thi hành Quyết định 176/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu, vậy chúng tôi có được hưởng ưu đãi theo quyết định này không?*

**Giải đáp:** Trong trường hợp này, nếu công ty có các dự án đủ điều kiện hưởng ưu đãi theo Quyết định 176/1999/QĐ-TTg thì được miễn thuế nhập khẩu nguyên vật liệu, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong thời hạn 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất.

Các dự án được hưởng ưu đãi gồm:

1- Các dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư và các dự án đầu tư vào vùng núi, vùng sâu, vùng xa quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2- Các dự án khuyến khích đầu tư theo Danh mục A và địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Danh mục C ban hành kèm theo Nghị định số 35/2002/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi Danh mục A, B và C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày

8/7/1999 quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10;

3- Dự án sản xuất linh kiện, phụ tùng cơ khí, điện, điện tử có giá trị gia tăng cao, sử dụng nhiều nguyên liệu vật tư trong nước;

4- Dự án đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ để sản xuất xe đạp, quạt điện, máy động lực nhỏ 6-15 CV, đóng tàu biển quy định tại Điều 3 Quyết định số 29/1998/QĐ-TTg ngày 9/2/1998 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp hỗ trợ phát triển một số lĩnh vực thuộc ngành cơ khí.

**7. Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để mở rộng quy mô sản xuất.**

*Chúng tôi là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp dùng nguồn vốn khấu hao nhập khẩu máy móc thiết bị để mở rộng quy mô dự án thì có được miễn thuế nhập khẩu không?*

**Giải đáp:** Theo Điều 57 Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, thì doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu khi nhập khẩu máy móc, thiết bị bằng nguồn vốn khấu hao để tạo tài sản cố định, mở rộng quy mô dự án... thay thế, đổi mới công nghệ. Bộ Thương mại (hoặc cơ

## Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

quan do Bộ Thương mại uỷ quyền) quyết định danh mục máy móc thiết bị nhập khẩu được miễn thuế căn cứ vào giải trình kinh tế kỹ thuật và thiết kế kỹ thuật của dự án do Doanh nghiệp nộp.

### **8. Nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định.**

*Chúng tôi là một công ty liên doanh mới thành lập hiện đang chuẩn bị nhập khẩu dây chuyền máy móc thiết bị (MMTB) từ phía đối tác liên doanh, trong dây chuyền đó có cả thiết bị cũ và các thiết bị do phía đối tác mua mới để lắp đặt cho nhà máy liên doanh tại Việt nam (đây là phần vốn góp bằng tài sản của phía đối tác). Vậy để nhập khẩu dây chuyền MMTB nêu trên chúng tôi cần phải chuẩn bị những thủ tục gì? Thuế nhập khẩu và thuế GTGT được áp dụng như thế nào?*

#### **Giải đáp:**

##### **1. Về thuế nhập khẩu:**

Trường hợp máy móc thiết bị do phía đối tác nhập khẩu nằm trong Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại thời kỳ 2001-2005 (Phụ lục số 02, Thông tư 11/2001/TT-BTM ngày 18 tháng 4 năm 2001 của Bộ Thương mại) thì phải được Bộ Thương mại phê duyệt. Hồ sơ đề nghị nhập khẩu gửi đến Bộ Thương mại được thực hiện theo quy định tại mục 2.

## **Tủ sách NHÀ QUẢN LÝ**

---

Thông tư 22/2000/TT-BTM ngày 15/12/2000 hướng dẫn thực hiện Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật ĐTNN tại Việt nam về xuất nhập khẩu và các hoạt động thương mại khác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Theo quy định tại Điều 57 và Điều 60 Nghị định 24/2000/NĐ-CP thì doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định hình thành doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu. Nếu MMTB cần nhập khẩu có thuế suất thuế nhập khẩu 5% thì doanh nghiệp không cần làm thủ tục miễn thuế. Ngược lại, nếu MMTB mà doanh nghiệp nhập khẩu muốn được miễn thuế nhập khẩu thì doanh nghiệp phải gửi cho cơ quan hải quan cửa khẩu giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư và danh mục MMTB cần nhập khẩu, đã được cơ quan cấp giấy phép đầu tư phê duyệt và doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan hải quan để thực hiện miễn thuế nhập khẩu

### **2. Về thuế GTGT.**

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 thì MMTB, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được mà doanh nghiệp cần nhập khẩu tạo tài sản cố định thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Để xác định MMTB nhập khẩu để hình thành tài sản cố định không phải nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, doanh nghiệp phải xuất trình cho cơ quan hải quan hồ sơ sau:

- Hợp đồng nhập khẩu, nếu nhập khẩu uỷ thác phải có hợp đồng uỷ thác nhập khẩu.

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

- Xác nhận MMTB nằm trong dây chuyền nhập khẩu tạo tài sản cố định thuộc loại trong nước chưa sản xuất được. Giấy xác nhận phải có chữ ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

### **9. Điều kiện miễn thuế nhập khẩu đối với hàng mẫu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi đang chuẩn bị ký kết hợp đồng gia công hàng xuất khẩu cho một đối tác nước ngoài, nay chúng tôi muốn nhập khẩu trước một số lượng hàng về làm mẫu nhưng không biết quy định của pháp luật hiện hành về vấn đề này như thế nào. Doanh nghiệp chúng tôi có được miễn thuế nhập khẩu đối với lô hàng mẫu không?*

**Giải đáp:** Về vấn đề này, ngày 18/6/2003, Tổng cục Hải quan đã có hướng dẫn cụ thể như sau:

Trường hợp các doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu và có nhu cầu nhập khẩu hàng mẫu thì được miễn thuế nhập khẩu đối với lô hàng này nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp phải có hợp đồng xuất khẩu sản phẩm, trong đó quy định rõ hàng mẫu không phải thanh toán và ghi cụ thể số lượng mẫu.

- Về hình thức mặt hàng: Hàng mẫu nhập khẩu chỉ sử dụng được vào mục đích làm mẫu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu (Ví dụ: sản phẩm có in rõ các chữ thể hiện là hàng mẫu hoặc nếu trên sản phẩm không in thì người nhập khẩu hoặc hải quan phải đóng dấu hoặc viết lên sản phẩm đó chữ "**Hàng mẫu**" khi kiểm tra hàng);

- Bộ chứng từ lô hàng khi làm thủ tục hải quan phải thể hiện rõ là hàng mẫu;

- Số lượng hàng mẫu cho một mã hàng là đơn chiếc.

Do vậy, trường hợp doanh nghiệp của bạn cần nhập khẩu số lượng mẫu hàng nhiều hơn (vì phải sản xuất ở nhiều địa điểm khác nhau) thì doanh nghiệp phải có văn bản giải trình gửi cơ quan Hải quan xem xét giải quyết cho trường hợp cụ thể.

### **10. Điều kiện để được miễn truy thu thuế nhập khẩu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi có nhập khẩu một lô hàng lớn nhưng vì nguyên nhân khách quan nên vẫn nợ thuế. Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại thời điểm hiện nay là rất khó khăn chúng tôi muốn được xoá nợ thuế phải truy thu có được không và điều kiện thủ tục như thế nào?*

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

**Giải đáp:** Trường hợp doanh nghiệp bạn cố nợ thuế nhập khẩu do nguyên nhân khách quan thì doanh nghiệp phải gửi hồ sơ đến Hải quan địa phương để được kiểm tra, phân loại nguyên nhân truy thu thuế và xác nhận.

Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị xoá nợ thuế truy thu trong đó giải trình rõ mặt hàng, số nợ thuế truy thu, nguyên nhân của việc truy thu;
- Quyết định truy thu của Hải quan ghi rõ số tiền truy thu thuộc Tờ khai nào, cho mặt hàng nào (photo có đóng dấu của doanh nghiệp);
- Tờ khai hàng hoá nhập khẩu ghi rõ tên đơn vị nhập khẩu, tên hàng hoá nhập khẩu có kèm theo kết quả kiểm hoá và tính thuế của Hải quan;
- Bản mô tả đặc điểm, cấu tạo, tính chất của mặt hàng và kết quả giám định làm căn cứ để cơ quan Hải quan tính thuế (nếu có);
- Xác nhận của cơ quan Hải quan nơi thu thuế về số nợ thuế truy thu của đơn vị.

Trên cơ sở kiến nghị của cơ quan Hải quan địa phương, Tổng cục Hải quan sẽ kiểm tra đối chiếu lại để gửi lên Bộ Tài chính (Tổng cục thuế). Tổng cục thuế sẽ kiểm tra lại số liệu và báo cáo Bộ Tài chính hướng xử lý đối với từng trường hợp cụ thể theo đúng trình tự quy định tại Thông tư số 32/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/4/2002.

## **11. Điều kiện để được áp giá tính thuế theo hợp đồng ngoại thương.**

*Công ty chúng tôi có nhập khẩu hàng hoá và có đủ điều kiện để được áp dụng giá tính thuế theo hợp đồng mua bán ngoại thương. Tuy nhiên, tại điều khoản thanh toán của hợp đồng mua bán ngoại thương, chúng tôi không ghi rõ ràng cụ thể tên ngân hàng thanh toán và việc thanh toán 100% trị giá lô hàng qua ngân hàng. Vậy hợp đồng đó có được coi là hợp lệ theo quy định của pháp luật để được áp giá tính thuế theo hợp đồng hay không?*

**Giải đáp:** Một trong các điều kiện để hàng hoá nhập khẩu được áp giá tính thuế theo hợp đồng ngoại thương là phải thanh toán 100% giá trị lô hàng nhập khẩu qua Ngân hàng thương mại bằng một loại đồng tiền được hai bên thoả thuận theo đúng các phương thức thanh toán quốc tế như L/C, TTR, TT, DA hoặc DP (trừ phương thức thanh toán L/C thì chỉ cần ghi thanh toán bằng L/C và không thể hiện thanh toán bằng phương thức khác).

Mặt khác, trong hợp đồng mua bán ngoại thương phải ghi rõ tên ngân hàng thanh toán. Trường hợp tên ngân hàng trên hợp đồng khác với tên ngân hàng thực tế thanh toán thì doanh nghiệp phải kê khai báo cáo với cơ quan hải quan khi mở tờ khai hải quan thì mới coi là hợp đồng hợp lệ.

## **Chương I - Vương mác về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Các trường hợp thanh toán TTR, TT, DA, DP nếu không ghi cụ thể trên hợp đồng là “thanh toán 100% trị giá lô hàng qua ngân hàng” nhưng trước khi nhận hàng doanh nghiệp chứng minh bằng chứng từ ngân hàng là thanh toán 100% trị giá lô hàng qua ngân hàng thì được chấp nhận đủ điều kiện về thanh toán 100% trị giá lô hàng qua ngân hàng.

### **12. Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu nhập khẩu sản xuất hàng xuất khẩu.**

*Doanh nghiệp nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm đã thực xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế nhập khẩu. Vậy doanh nghiệp có được miễn thuế nhập khẩu đối với số nguyên liệu đó không?*

**Giải đáp:** Theo quy định hiện hành, hàng hoá là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được xét hoàn thuế tương ứng với tỷ lệ xuất khẩu thành phẩm. Nếu thực xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế quy định tại mục III, phần C, Thông tư 172/1998/TT/BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính thì không phải nộp thuế nhập khẩu tương ứng với số hàng thực tế đã xuất khẩu. Riêng biên lai nộp thuế được thay thế bằng thông báo thuế của cơ quan Hải quan về số thuế phải nộp. Thẩm quyền giải quyết hoàn thuế thuộc cơ quan Hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu.

### **13. Áp dụng thuế nhập khẩu ưu đãi.**

*Thế nào là thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi?  
Điều kiện để được áp dụng thuế suất thuế nhập  
khẩu ưu đãi đối với hàng hoá là gì ?*

**Giải đáp:** Thuế suất ưu đãi là thuế suất chỉ áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước hoặc khối nước có thỏa thuận về đối xử tối huệ quốc trong quan hệ Thương mại với Việt Nam được quy định cụ thể cho từng mặt hàng trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi.

Điều kiện để được áp dụng thuế suất ưu đãi:

- Hàng hóa nhập khẩu có giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) từ nước hoặc khối nước đã có thỏa thuận về đối xử tối huệ quốc trong quan hệ Thương mại với Việt Nam. Nước hoặc khối nước đó phải nằm trong danh sách các nước hoặc khối nước do Bộ Thương mại thông báo đã có thỏa thuận về đối xử tối huệ quốc trong quan hệ Thương mại với Việt Nam;

- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) phải phù hợp với quy định của Bộ Thương mại.

### **14. Áp dụng Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt.**

*Thế nào là Thuế suất ưu đãi đặc biệt. Điều kiện để được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt là gì?*

## **Chương I - Vương mãc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

**Giải đáp:** Thuế suất ưu đãi đặc biệt là thuế suất được áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước hoặc khối nước mà Việt Nam và nước hoặc khối nước đó đã thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu theo thể chế khu vực thương mại tự do, liên minh quan thuế hoặc để tạo thuận lợi cho giao lưu thương mại biên giới và trường hợp ưu đãi đặc biệt khác. Thuế suất ưu đãi đặc biệt được áp dụng cụ thể cho từng mặt hàng theo quy định trong thỏa thuận.

Điều kiện để được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt:

- Hàng nhập khẩu có giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) từ nước hoặc khối nước đã có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu đối với Việt Nam. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) phải phù hợp với quy định của Bộ Thương mại;
- Hàng nhập khẩu phải là những mặt hàng được quy định cụ thể trong thỏa thuận và phải đáp ứng đủ các điều kiện đã ghi trong thỏa thuận.

### **15. Áp dụng Thuế suất thuế nhập khẩu thông thường.**

*Thế nào là thuế suất thuế nhập khẩu thông thường và cách tính như thế nào?*

**Giải đáp:** Thuế suất thông thường là thuế suất được áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước không có thỏa thuận về đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam.

Thuế suất thông thường cao hơn 50% (năm mươi phần trăm) so với thuế suất ưu đãi của từng mặt hàng quy định tại Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi và được tính như sau:

$$\text{Thuế suất thông thường} = \text{Thuế suất ưu đãi} + (\text{Thuế suất ưu đãi} \times 50\%)$$

### 16. Điều kiện được miễn thuế xuất, nhập khẩu.

*Những trường hợp nào và điều kiện để được miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu?*

**Giải đáp:** Tổ chức, cá nhân khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc các trường hợp được miễn thuế theo qui định tại Điều 12 Nghị định 54/CP ngày 28/08/1993 hướng dẫn Luật thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu của Chính phủ gồm:

1/ Hàng viện trợ không hoàn lại theo Dự án viện trợ hoặc Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam với các tổ chức của nước ngoài hoặc văn bản thỏa thuận viện trợ hoặc thông báo viện trợ;

2/ Hàng tạm nhập - tái xuất; hàng tạm xuất - tái nhập để tham dự hội trợ, triển lãm;

3/ Hàng hóa là tài sản di chuyển được miễn thuế theo định mức như sau:

- Đối với tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân người nước ngoài khi được phép vào công tác, làm việc tại Việt Nam thực hiện theo qui định tại Thông tư Liên Bộ Thương mại - Ngoại giao - Tài chính - Tổng

## **Chương I - Vướng mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

cục Hải quan số 04/ TTLB ngày 12/2/1996 hướng dẫn việc nhập khẩu hoặc mua tại Việt Nam, tái xuất khẩu và chuyển nhượng những vật dụng cần thiết phục vụ cho nhu cầu công tác, sinh hoạt của các cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự, tổ chức quốc tế được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam và Thông tư Liên Bộ số 04 /TTLB ngày 20/10/1996 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/TTLB ngày 12/2/1996.

- Đối với hàng là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân Việt Nam được phép đưa ra nước ngoài để kinh doanh và làm việc khi hết thời hạn chuyển về nước được miễn thuế đối với những tài sản đã đưa ra nước ngoài nay đưa trở về nước.

- Một số mặt hàng là tiêu dùng (cụ thể như: ô tô, xe máy, tivi, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, dàn âm thanh đang sử dụng) của gia đình cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài được phép định cư tại Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu mỗi thứ một chiếc cho mỗi hộ gia đình (hoặc cá nhân).

4/ Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của khách xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu Việt Nam theo định mức qui định tại Nghị định số 66/2002/NĐ-CP ngày 1/7/2002 quy định mức hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh và quà biếu, tặng nhập khẩu được miễn thuế.

5/ Đối với hàng nhập khẩu, xuất khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam theo qui định của Pháp luật Việt Nam, và phù hợp với các công ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia được thực hiện theo hướng dẫn tại các Thông tư Liên Bộ Thương mại - Ngoại giao - Tài chính - Tổng cục Hải quan số 04/ TTLB ngày 12/2/1996

hướng dẫn việc nhập khẩu hoặc mua tại Việt Nam, tái xuất khẩu và chuyển nhượng những vật dụng cần thiết phục vụ cho nhu cầu công tác, sinh hoạt của các cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự, tổ chức quốc tế được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam và Thông tư Liên Bộ số 04 /TTLB ngày 20/10/1996 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/TTLB ngày 12/2/1996.

6/ Đối với hàng hóa nhập khẩu để phục vụ gia công cho phía nước ngoài rồi xuất khẩu theo hợp đồng đã ký, được miễn thuế đối với các trường hợp:

- Vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để gia công;

- Vật tư tham gia vào quá trình sản xuất, gia công (giấy, phấn, bút vẽ, bút vạch dấu, đinh ghim quần áo, mực sơn in, bàn chải quét keo, khung in lưới, kẹp tẩy, dầu đánh bóng...) nếu doanh nghiệp xây dựng được định mức tiêu hao và tỷ lệ hao hụt;

- Hàng làm mẫu phục vụ cho gia công;

- Máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ gia công được thỏa thuận trong hợp đồng gia công. Hết thời hạn thực hiện hợp đồng gia công phải tái xuất; nếu không tái xuất thì phải kê khai nộp thuế theo quy định;

- Sản phẩm gia công xuất trả (nếu có thuế xuất khẩu).

Giám đốc doanh nghiệp nhận gia công chịu trách nhiệm về việc sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu vào mục đích gia công; trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

## **Chương I - Vương mác về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm gia công do phía nước ngoài thanh toán thay tiền công gia công khi nhập khẩu đều phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định.

7/ Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải do các nhà thầu nước ngoài mang vào Việt Nam theo phương thức tạm nhập, tái xuất để phục vụ thi công công trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) được miễn thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu khi tái xuất.

Khi kết thúc thời hạn thi công công trình, dự án nhà thầu nước ngoài phải tái xuất, nếu không tái xuất phải kê khai nộp thuế nhập khẩu theo quy định.

Bộ Tài chính giao Tổng cục Hải quan căn cứ vào các quy định trên để tổ chức thực hiện việc giải quyết miễn thuế cho từng trường hợp. Khi giải quyết miễn thuế đối với các trường hợp nêu tại mục 1, 2, 3, 5, 6 và 7, cơ quan Hải quan phải ra quyết định miễn thuế cho từng trường hợp theo đúng thẩm quyền và tổ chức lưu giữ hồ sơ theo quy định. Khi có quyết định miễn thuế cơ quan Hải quan phải thanh khoản số thuế nhập khẩu được miễn và ghi rõ trên Tờ khai Hải quan Hàng xuất nhập khẩu: "Hàng miễn thuế theo Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....".

### **17. Các trường hợp hàng hoá không chịu thuế xuất, nhập khẩu.**

*Những loại hàng hoá nào không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu, nhập khẩu?*

## Tủ sách **NHÀ QUẢN LÝ**

**Giải đáp:** Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sau khi làm thủ tục Hải quan, theo Điều 3 của Nghị định số 54/CP ngày 28/08/1993 gồm:

1/ Hàng quá cảnh và mượn đường qua lãnh thổ Việt Nam.

2/ Hàng kinh doanh theo phương thức chuyển khẩu, bao gồm các hình thức:

- Hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam.

- Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.

- Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.

Trong quá trình vận chuyển, lưu kho trên lãnh thổ Việt Nam hàng hóa quá cảnh, mượn đường, chuyển khẩu phải chịu sự giám sát và quản lý theo quy định của cơ quan Hải quan từ khi nhập khẩu đến khi xuất khẩu, không được tiêu thụ tại thị trường Việt Nam. Trường hợp đặc biệt, hàng hóa tiêu thụ tại Việt Nam phải được phép của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và phải làm đầy đủ thủ tục Hải quan.

3/ Hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất và hàng hóa từ khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất xuất khẩu ra nước ngoài (trực tiếp hoặc qua các cửa khẩu

Việt Nam) hoặc hàng hóa đưa từ khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất này sang khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất khác trong lãnh thổ Việt Nam.

4/ Hàng viện trợ nhân đạo.

### **18. Thời hạn nộp hồ sơ để được hoàn thuế nhập khẩu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi thường xuyên nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu và thực hiện thanh toán tiền hàng theo phương thức trả chậm qua ngân hàng. Trong trường hợp này thời hạn nộp hồ sơ hoàn thuế được quy định như thế nào và doanh nghiệp phải đảm bảo những điều kiện gì?*

**Giải đáp:** Hiện nay, các doanh nghiệp khi làm thủ tục hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu phải nộp hồ sơ cho cơ quan thuế trong thời hạn là 60 ngày, kể từ ngày xuất khẩu hàng hoá. Tuy nhiên quy định này đã gây ra nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với những doanh nghiệp thực hiện thanh toán trả chậm qua ngân hàng vì phải bổ sung chứng từ thanh toán trong bộ hồ sơ hoàn thuế.

Để tháo gỡ những khó khăn nêu trên, Tổng cục Hải quan đã có Công văn chấp thuận cho các doanh nghiệp nộp hồ sơ hoàn thuế chậm sau 05 ngày kể từ khi hết thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng, đối với các lô hàng nhập nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, để được hưởng thời hạn trên, doanh nghiệp phải

đảm bảo hợp đồng xuất khẩu có điều khoản thanh toán trả chậm thông qua ngân hàng.

### **19. Các trường hợp được hoàn thuế xuất nhập khẩu.**

*Theo quy định của pháp luật hiện hành, hàng hoá của doanh nghiệp được hoàn thuế Xuất, Nhập khẩu trong những trường hợp nào?*

**Giải đáp:** Căn cứ mục I phần E Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 54/CP ngày 28/08/1993, số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, các trường hợp hàng hoá xuất nhập khẩu được hoàn thuế quy định như sau:

- a. Hàng nhập khẩu đã nộp thuế mà còn lưu kho, lưu bãi tại cửa khẩu dưới sự giám sát của cơ quan Hải quan được phép tái xuất.
- b. Hàng xuất khẩu đã nộp thuế xuất khẩu nhưng không xuất nữa.
- c. Hàng đã nộp thuế xuất nhập khẩu nhưng thực tế lại xuất khẩu hoặc nhập khẩu ít hơn.
- d. Hàng nhập khẩu chưa phù hợp về chất lượng quy cách, phẩm chất so với hợp đồng thương mại đã ký với nước ngoài, do phía nước ngoài gửi sai, có giấy giám định của cơ quan chức năng, giám định của Nhà nước, có xác nhận của chủ hàng nước ngoài thì

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Cục hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào kết quả kiểm hoá hàng thực nhập khẩu và đối chiếu với các quy định hiện hành của Nhà nước để xem xét quyết định việc cho nhập hàng hoá hoặc bắt buộc tái xuất. Đồng thời tính lại số thuế nhập khẩu phải nộp để thu thuế phù hợp với hàng thực nhập khẩu trong trường hợp có sự thay đổi về thuế suất, giá tính thuế. Nếu doanh nghiệp đã nộp số tiền thuế nhập khẩu quá số thuế nhập khẩu tính lại theo hàng thực nhập khẩu thì sẽ được hoàn lại số đã nộp thừa, nếu nộp thiếu thì phải nộp bổ sung.

e. Trường hợp đối tượng nộp thuế nhầm lẫn trong kê khai thì được hoàn trả tiền thuế nộp quá trong thời hạn một năm trở về trước (tính đến ngày nộp Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) kể từ ngày kiểm tra, phát hiện.

f. Hàng vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được hoàn thuế tương ứng với tỷ lệ xuất khẩu thành phẩm.

g. Hàng tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu hoặc hàng tạm xuất khẩu để tái nhập khẩu.

h. Hàng hóa từ thị trường nội địa xuất vào khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất.

i. Hàng đã xuất khẩu nhưng vì lý do nào đó buộc phải nhập khẩu trở lại Việt Nam.

j. Hàng nhập khẩu nhưng vì lý do nào đó buộc phải tái xuất ra nước ngoài (xuất trả lại chủ hàng nước ngoài hoặc tái xuất sang nước thứ ba) được xét hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp tương ứng với số lượng tái xuất và không phải nộp thuế xuất khẩu.

k. Hàng là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập - tái xuất hoặc mượn - tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất và các mục đích khác, khi nhập khẩu phải kê khai nộp thuế nhập khẩu theo quy định, khi tái xuất ra khỏi Việt Nam sẽ được hoàn thuế nhập khẩu. Số thuế nhập khẩu được hoàn được xác định trên cơ sở giá trị sử dụng còn lại của máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển khi tái xuất khẩu tính theo thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam (trường hợp thực tế đã hết giá trị sử dụng thì không được hoàn lại thuế).

### **20. Hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu nhập khẩu phải tái xuất.**

*Vừa qua, doanh nghiệp chúng tôi có nhập khẩu một lô hàng là nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng lô hàng không đảm bảo chất lượng do lỗi của phía nước ngoài. Chúng tôi muốn xuất trả phía nước ngoài thì có được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp không?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính thì hàng nhập khẩu nhưng vì lý do nào đó buộc phải tái xuất ra nước ngoài (xuất trả lại chủ hàng nước ngoài hoặc tái xuất ra nước thứ ba) được xét hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp tương ứng với số lượng tái xuất và không phải nộp thuế xuất khẩu.

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Như vậy, trường hợp của doanh nghiệp bạn nếu đã nộp thuế nhập khẩu cho lô hàng nguyên vật liệu thì sẽ được xét hoàn lại thuế nhập khẩu tương ứng với số lượng hàng hoá đã tái xuất. Đồng thời khi tái xuất hàng trả lại nước ngoài doanh nghiệp không phải nộp thuế xuất khẩu.

### **21. Nộp hồ sơ hoàn thuế nhập khẩu quá thời hạn quy định.**

*Hiện nay, quy định của pháp luật về thời hạn nộp hồ sơ hoàn thuế nhập khẩu như thế nào? Trong trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ quá thời hạn quy định có được xét hoàn thuế không?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại điểm 3, mục I, phần E Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 1998 của Bộ Tài chính thì chậm nhất trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xuất khẩu hoặc kể từ ngày thực hiện xong một hợp đồng, thoả thuận hợp đồng, các đối tượng thuộc diện được xét hoàn lại thuế nhập khẩu phải hoàn thành hồ sơ để thực hiện thủ tục hoàn thuế.

Trường hợp quá thời hạn nộp hồ sơ theo quy định, phát sinh lần đầu và do nguyên nhân khách quan (như doanh nghiệp mới đi vào hoạt động, phía nước ngoài thanh toán tiền hàng chậm, gặp thiên tai, hoả hoạn...) thì xử phạt vi phạm hành chính và xử lý hoàn thuế cho doanh nghiệp. Lần xin hoàn thuế tiếp theo doanh nghiệp phải thực hiện hoàn thuế theo đúng quy định.

## **22. Thời điểm tính thuế đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu.**

*Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được tính thuế vào thời điểm nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Thông tư 26/2003/TT-BTC ngày 1/4/2003 hướng dẫn về thời điểm tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thì:

1. Thời điểm tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là ngày mà tổ chức, cá nhân đăng ký tờ khai hàng xuất khẩu, nhập khẩu với cơ quan Hải quan. Thuế được tính theo thuế suất và giá tính thuế tại ngày đăng ký tờ khai hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Trong thời hạn tám (8) giờ làm việc, kể từ khi tiếp nhận Tờ khai hàng hoá, xuất khẩu, nhập khẩu cơ quan Hải quan phải thông báo chính thức cho đối tượng nộp thuế số thuế phải nộp.

- Đối với một số mặt hàng có số lượng nhập khẩu mỗi lần lớn (như sắt, thép, phôi thép, xi măng, clinke, xăng dầu, phân bón ) và những mặt hàng bắt buộc phải có giám định tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Chính phủ trước khi được phép lưu thông trên thị trường Việt Nam, thì thời hạn thông báo thuế được kéo dài nhưng không quá 3 ngày làm việc do Tổng cục Hải quan quy định cụ thể.

- Đối với những mặt hàng bắt buộc phải có giám định tiêu chuẩn kỹ thuật mới xác định được mã số theo danh mục Biểu thuế,

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

tình trạng cũ, mới của hàng hoá để đảm bảo chính xác cho việc tính thuế, thì thời hạn thông báo thuế được kéo dài quá 3 ngày, nhưng không quá 15 ngày làm việc.

Cơ quan giám định, cơ quan kiểm tra chất lượng Nhà nước có trách nhiệm đảm bảo hoàn thành thời gian giám định, kiểm tra chất lượng đối với các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu để cơ quan Hải quan thông báo thuế cho đối tượng nộp thuế.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Bộ Thương mại, Bộ Tài chính quy định cụ thể các cơ quan có thẩm quyền giám định, kiểm tra chất lượng hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và quy định cơ quan quyết định cuối cùng trong trường hợp có khiếu nại.

### **23. Điều kiện áp dụng thời hạn nộp thuế nhập khẩu là 275 ngày.**

*Để được áp dụng thời hạn nộp thuế nhập khẩu là 275 ngày doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện gì?*

**Giải đáp:** Điều kiện để doanh nghiệp được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày đối với vật tư nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, đó là:

- Có hợp đồng xuất khẩu
- Đối tượng nộp thuế không nợ thuế quá thời hạn quy định tại thời điểm nhập khẩu và có đăng ký vật tư nguyên liệu nhập khẩu.

Đối với một số trường hợp đặc biệt, do chu kỳ sản xuất, dự trữ vật tư nguyên liệu của doanh nghiệp dài hơn 9 tháng như đóng tàu, thuyền chế tạo máy thì doanh nghiệp có thể giải trình, xin giãn thời hạn nộp thuế.

### **24. Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi là đơn vị đầu mối nhập khẩu máy móc, thiết bị cung cấp cho các doanh nghiệp đóng tàu. Vậy trong trường hợp này, doanh nghiệp chúng tôi có được miễn thuế nhập khẩu cho những lô hàng nói trên không?*

**Giải đáp:** Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị để cung cấp cho đối tượng là các doanh nghiệp đóng tàu tạo tài sản cố định thì được miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải đảm bảo đầy đủ điều kiện sau:

- Máy móc, thiết bị đó phải thuộc loại trong nước chưa sản xuất được.
- Doanh nghiệp đóng tàu phải đăng ký danh mục và kế hoạch nhập khẩu định kỳ (quý, 6 tháng, năm) các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (nằm trong dây chuyền công nghệ) để tạo tài sản cố định phục vụ cho việc đóng tàu.
- Giấy báo trúng thầu ghi rõ tên đơn vị trúng thầu và hàng hoá mời thầu phù hợp với dự án đầu tư.

## Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

- Hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị giữa Đơn vị nhập khẩu thiết bị và Doanh nghiệp đóng tàu phù hợp với kết quả trúng thầu.

### **25. Hoàn thuế đối với hàng tạm nhập - tái xuất.**

*Điều kiện và trình tự thủ tục để hàng hoá tạm nhập - tái xuất được hoàn thuế xuất nhập khẩu như thế nào?*

**Giải đáp:** Đối với hàng tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu hoặc hàng tạm xuất khẩu để tái nhập khẩu được xét hoàn thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu khi tái nhập, thuế xuất khẩu khi tái xuất trong các trường hợp sau:

- Hàng tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu hoặc hàng tạm xuất khẩu để tái nhập khẩu theo phương thức kinh doanh hàng tạm nhập - tái xuất; hàng tạm xuất - tái nhập và hàng nhập khẩu uỷ thác cho phía nước ngoài, phải có:

- + Công văn đề nghị hoàn lại thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã nộp;

- + Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Thương mại (hoặc cơ quan được uỷ quyền) cấp trong đó có ghi rõ hàng tạm nhập - tái xuất; hàng tạm xuất - tái nhập và hàng nhập khẩu uỷ thác cho phía nước ngoài (nếu có);

- + Tờ khai Hải quan hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu có thanh khoản và xác nhận thực nhập, thực xuất của cơ quan

## **Tủ sách NHÀ QUẢN LÝ**

---

Hải quan về số lượng, trọng lượng và chủng loại hàng hóa xuất, nhập;

+ Hợp đồng mua bán ngoại thương ký với người bán và người mua hoặc hợp đồng nhập khẩu uỷ thác ký với nước ngoài;

+ Biên lai nộp thuế;

+ Hợp đồng uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu (nếu là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu uỷ thác).

- Đối với hàng nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam được phép nhập để làm đại lý giao, bán hàng cho nước ngoài: Hàng hóa nhập khẩu để bán cho các phương tiện của các hãng nước ngoài trên các tuyến đường Quốc tế qua cảng Việt Nam và các phương tiện của Việt Nam trên các tuyến đường quốc tế theo qui định của Chính phủ, phải có:

+ Công văn xin hoàn lại thuế nhập khẩu;

+ Công văn của Bộ thương mại cho phép nhập khẩu trong đó có ghi rõ hình thức kinh doanh (nhập khẩu để bán cho các máy bay nước ngoài hạ cánh tại Việt Nam, bán cho máy bay Việt Nam bay chuyển quốc tế...).

+ Tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu;

+ Biên lai nộp thuế;

+ Hóa đơn bán hàng;

+ Tờ khai Hải quan hàng xuất khẩu có xác nhận thực xuất của Hải quan cửa khẩu;

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

+ Hợp đồng làm đại lý giao bán hàng và hợp đồng, hoặc thỏa thuận cung cấp hàng.

Đối với đồ uống phục vụ trên các chuyến bay quốc tế thì tờ khai Hải quan hàng xuất khẩu được thay bằng phiếu giao nhận đồ uống có xác nhận của Hải quan sân bay.

Trường hợp hàng tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu hoặc hàng tạm xuất khẩu để tái nhập khẩu, nếu đã thực tái xuất khẩu hoặc tái nhập khẩu trong thời hạn nộp thuế thì không phải nộp thuế nhập khẩu hoặc xuất khẩu tương ứng với số hàng thực tế đã tái xuất hoặc tái nhập khẩu. Hồ sơ xét không thu thuế như quy định hồ sơ xét hoàn thuế (riêng biên lai nộp thuế được thay bằng thông báo thuế chính thức của cơ quan Hải quan).

### **26. Điều kiện hàng nhập khẩu hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi.**

*Chúng tôi là doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu. Vậy xin cho biết điều kiện để hàng hoá nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là gì ?*

**Giải đáp:** Để được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi, hàng hoá phải đáp ứng điều kiện sau:

- Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) từ nước hoặc khối nước đã có thỏa thuận về đối xử tối huệ quốc trong

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

+ Hợp đồng làm đại lý giao bán hàng và hợp đồng, hoặc thỏa thuận cung cấp hàng.

Đối với đồ uống phục vụ trên các chuyến bay quốc tế thì tờ khai Hải quan hàng xuất khẩu được thay bằng phiếu giao nhận đồ uống có xác nhận của Hải quan sân bay.

Trường hợp hàng tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu hoặc hàng tạm xuất khẩu để tái nhập khẩu, nếu đã thực tái xuất khẩu hoặc tái nhập khẩu trong thời hạn nộp thuế thì không phải nộp thuế nhập khẩu hoặc xuất khẩu tương ứng với số hàng thực tế đã tái xuất hoặc tái nhập khẩu. Hồ sơ xét không thu thuế như quy định hồ sơ xét hoàn thuế (riêng biên lai nộp thuế được thay bằng thông báo thuế chính thức của cơ quan Hải quan).

### **26. Điều kiện hàng nhập khẩu hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi.**

*Chúng tôi là doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu. Vậy xin cho biết điều kiện để hàng hoá nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là gì ?*

**Giải đáp:** Để được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi, hàng hoá phải đáp ứng điều kiện sau:

- Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) từ nước hoặc khối nước đã có thỏa thuận về đối xử tối huệ quốc trong

quan hệ thương mại với Việt Nam. Nước và khối nước đó phải nằm trong danh sách các nước hoặc khối nước do Bộ Thương mại thông báo đã có thoả thuận về đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam, kể cả trường hợp nước và khối nước được Chính phủ Việt Nam cho áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi.

- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) phải phù hợp với qui định của Bộ Thương mại.

- Trường hợp hàng hoá nhập khẩu từ các nước hoặc khối nước không có thoả thuận về đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam phải nộp thuế theo thuế suất thông thường.

### **27. Hoàn thuế nhập khẩu trong trường hợp hàng nhập khẩu phải tái xuất.**

*Hàng nhập khẩu nhưng buộc phải tái xuất được hoàn thuế theo những điều kiện, trình tự, thủ tục như thế nào?*

**Giải đáp:** Hàng nhập khẩu nhưng vì lý do nào đó buộc phải tái xuất ra nước ngoài (xuất trả lại chủ hàng nước ngoài hoặc tái xuất sang nước thứ ba) được xét hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp tương ứng với số lượng tái xuất và không phải nộp thuế xuất khẩu, với điều kiện:

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

- Hàng được tái xuất ra nước ngoài trong thời hạn tối đa 6 tháng kể từ ngày thực nhập khẩu;
- Hàng hóa chưa qua quá trình sản xuất, gia công, sửa chữa hoặc sử dụng tại Việt Nam;
- Hàng tái xuất ra nước ngoài phải cùng cửa khẩu đã nhập khẩu hàng hóa đó.

**Hồ sơ xét hoàn thuế nhập khẩu đã nộp và không phải nộp thuế xuất khẩu gồm:**

- Công văn đề nghị xét hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu, trong đó nêu rõ lý do xuất trả lại hàng cho chủ hàng nước ngoài hoặc tái xuất sang nước thứ ba (ghi rõ số lượng, chủng loại... hàng tái xuất);
- Hợp đồng mua hàng ký với nước ngoài; hóa đơn bán hàng của phía nước ngoài;
- Tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu được cơ quan Hải quan kiểm hóa có ghi rõ số lượng, chất lượng, chủng loại hàng nhập khẩu;
- Biên lai nộp thuế;
- Văn bản thỏa thuận trả lại hàng cho phía nước ngoài có ghi rõ lý do hoặc hợp đồng bán hàng cho phía nước ngoài trong đó có ghi rõ số lượng, chất lượng và chủng loại, xuất xứ hàng...;
- Tờ khai Hải quan hàng xuất khẩu có xác nhận thức xuất của Hải quan cửa khẩu, trong đó có ghi rõ số lượng, chất lượng, chủng

loại hàng xuất khẩu và hàng xuất khẩu là theo tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu nào;

- Hóa đơn kiểm phiếu xuất kho hoặc hóa đơn bán hàng của hàng xuất khẩu;

- Hợp đồng uỷ thác xuất nhập khẩu (nếu là hàng xuất nhập khẩu uỷ thác);

Trường hợp hàng nhập khẩu không phù hợp với hợp đồng thì phải có kết quả giám định hàng hóa của cơ quan có chức năng giám định Nhà nước.

Đối với số hàng hóa do phía nước ngoài gửi bù số lượng đã xuất trả lại do không phù hợp với hợp đồng thì doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế nhập khẩu theo quy định.

Trường hợp hàng phải tái xuất còn trong thời hạn nộp thuế nhập khẩu quy định tại thì không phải nộp thuế nhập khẩu tương ứng với số hàng tái xuất. Hồ sơ xét không thu thuế nhập khẩu như quy định hồ sơ xét hoàn thuế (riêng biên lai nộp thuế được thay bằng thông báo thuế của cơ quan Hải quan).

### **28. Giảm thuế nhập khẩu hàng do tổn thất trong vận chuyển.**

*Trường hợp công ty tôi nhập khẩu hàng hoá thuộc diện được miễn kiểm tra, sau khi nhận hàng mới phát hiện hàng hoá bị tổn thất vậy chúng tôi có được xét giảm thuế nhập khẩu*

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

*không? Trường hợp chúng tôi chưa nhận hàng nhưng có nghi ngờ về việc tổn thất trong quá trình vận chuyển thì xử lý như thế nào?*

**Giải đáp:** Về trường hợp này, theo quy định tại Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính thì:

- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn kiểm tra, nếu việc tổn thất được phát hiện sau khi doanh nghiệp đã nhận hàng (sau khi hàng hoá đã thông quan) thì không thuộc trách nhiệm của cơ quan Hải quan. Do vậy, cơ quan hải quan không có cơ sở để xác định hàng hoá bị tổn thất trước hay sau khi thông quan nên không thể xác định hàng hoá bị tổn thất để xem xét giảm thuế nhập khẩu cho doanh nghiệp.

- Trường hợp hàng hoá thuộc diện được miễn kiểm tra, nếu doanh nghiệp nghi ngờ có tổn thất trong quá trình vận chuyển từ nước ngoài đến cửa khẩu nhập thì doanh nghiệp phải có văn bản đề nghị cơ quan hải quan kiểm tra hàng hoá hoặc mời cơ quan chức năng giám định trong khi hàng hoá còn nằm dưới sự giám sát, quản lý của cơ quan hải quan.

- Do vậy, trường hợp của Quý công ty nếu việc tổn thất được phát hiện sau khi doanh nghiệp đã nhận hàng thì không có cơ sở để xem xét giảm thuế.

### **29. Các trường hợp không được áp giá tính thuế theo hợp đồng ngoại thương.**

*Trong trường hợp hàng hoá nhập khẩu không có hợp đồng hoặc có hợp đồng nhưng không thanh toán qua ngân hàng hoặc giá ghi trên hợp đồng quá thấp thì cơ quan Hải quan sẽ áp giá tính thuế như thế nào?*

**Giải đáp:** Về nguyên tắc, các hàng hoá không thuộc danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế thì được tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng. Tuy nhiên, nếu hàng hoá này không đủ điều kiện để áp giá theo hợp đồng thì phải áp giá theo Bảng giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu không thuộc danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế (ban hành theo Quyết định số 149/2002/QĐ- BTC ngày 19 tháng 12 năm 2002).

Theo đó, hàng hoá bị coi là không đủ điều kiện để áp giá theo hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Hàng hoá nhập khẩu không có hợp đồng;
- Hàng hoá nhập khẩu theo hợp đồng nhưng: (i) hình thức và nội dung hợp đồng không theo đúng quy định; (ii) doanh nghiệp không thực hiện thanh toán giá trị hàng hoá qua ngân hàng; hoặc (iii) bên nhập khẩu không thực hiện việc nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Hàng hoá có đủ các điều kiện nêu trên nhưng mức giá ghi trên hợp đồng thấp hơn 80% so với mức giá tính thuế quy định tại Bảng giá.
- Hàng hoá nhập khẩu theo phương thức hàng đổi hàng, hàng đổi công lao động...

**30. Xác định giá tính thuế hàng hoá xuất nhập khẩu.**

*Giá trị hàng hoá để tính thuế xuất khẩu, nhập khẩu được căn cứ vào đâu và xác định như thế nào?*

**Giải đáp:** Căn cứ mục II phần B Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính, giá tính thuế hàng hoá xuất, nhập khẩu được xác định như sau:

**1. Trường hợp áp giá tính thuế theo Hợp đồng:**

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán ngoại thương, có đủ nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại ngày 10/05/1997 (trừ các mặt hàng thuộc danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế) thì giá tính thuế được xác định theo hợp đồng ngoại thương phù hợp với các chứng từ có liên quan đến việc mua, bán. Cụ thể:

a/ Đối với hàng xuất khẩu là giá bán cho khách hàng tại cửa khẩu xuất (giá FOB), không bao gồm phí bảo hiểm (I) và chi phí vận tải (F).

b/ Đối với hàng nhập khẩu là giá mua tại cửa khẩu nhập (CIF) bao gồm cả phí bảo hiểm (I) và chi phí vận tải (F). Nếu nhập khẩu bằng đường bộ là giá mua theo điều kiện biên giới Việt Nam (DAF).

c/ Giá tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu áp dụng đối với khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất tại Việt Nam là giá thực tế mua, bán tại cửa khẩu khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất theo hợp đồng.

d/ Đối với trường hợp hàng nhập khẩu, có bao gồm hàng bảo hành theo hợp đồng (kể cả trường hợp gửi hàng sau) nhưng trong hợp đồng không tính thanh toán riêng đối với số hàng hóa bảo hành thì giá tính thuế trên hợp đồng là giá bao gồm cả phần bảo hành.

e/ Đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải đưa ra nước ngoài để sửa chữa, thì giá tính thuế khi nhập khẩu trở lại Việt Nam là chi phí sửa chữa theo hợp đồng đã ký với nước ngoài.

g/ Đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải đi thuê thì giá tính thuế là giá thuê theo hợp đồng đã ký với nước ngoài.

h/ Đối với hàng hóa do phía nước ngoài gia công cho phía Việt Nam, thì giá tính thuế khi nhập khẩu là giá trị thực tế của hàng hóa nhập khẩu trừ đi giá trị của nguyên liệu, vật tư, hàng hóa xuất ra nước ngoài để gia công, theo hợp đồng đã ký (thuế suất thuế nhập khẩu tính theo mặt hàng gia công thực tế nhập khẩu và xuất xứ của hàng hóa là xuất xứ của nước nhận gia công, giá trị thực tế hàng nhập khẩu được xác định theo giá tính thuế quy định tại Mục II, Phần B Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính).

i/ Đối với hàng hóa nhập khẩu đã đưa vào sử dụng tại Việt Nam phải truy thu, thì giá tính thuế truy thu được xác định trên cơ sở giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa tại thời điểm tính truy thu thuế, theo kết quả giám định chất lượng hàng hóa của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được tính cụ thể như sau:

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

- Giá trị sử dụng còn lại từ 30% trở xuống, thì giá tính thuế bằng 10% của giá nhập khẩu hàng mới.
- Giá trị sử dụng còn lại trên 30% đến 50%, thì giá tính thuế bằng 20% của giá nhập khẩu hàng mới.
- Giá trị sử dụng còn lại trên 50% đến 70%, thì giá tính thuế bằng 30% của giá nhập khẩu hàng mới.
- Giá trị sử dụng còn lại trên 70% đến 85%, thì giá tính thuế bằng 45% của giá nhập khẩu hàng mới.
- Giá trị sử dụng còn lại trên 85%, thì giá tính thuế bằng 60% của giá nhập khẩu hàng mới.

### **2. Đối với một số mặt hàng Nhà nước quản lý giá:**

Giá tính thuế là giá theo Bảng giá của Bộ Tài chính quy định. Trường hợp giá trên hợp đồng mua, bán ngoại thương cao hơn giá quy định tại Bảng giá của Bộ Tài chính thì tính theo giá hợp đồng.

**3. Đối với hàng hóa nhập khẩu** không đủ điều kiện để xác định giá tính thuế theo hợp đồng hoặc hàng hóa nhập khẩu theo các phương thức khác không thông qua hợp đồng mua, bán (như hàng biếu, tặng, xuất nhập khẩu phi mậu dịch, hoạt động xuất nhập khẩu của cư dân biên giới...); không thanh toán qua Ngân hàng (như hàng đổi hàng, hàng trả công...):

Giá tính thuế được thực hiện theo Bảng giá tính thuế của Bộ Tài chính quy định (đối với các mặt hàng Nhà nước quản lý giá) hoặc của Tổng cục Hải quan quy định (đối với các mặt hàng Nhà nước không quản lý giá).

### **31. Điều kiện được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng quà biếu, quà tặng.**

*Được biết pháp luật hiện hành quy định hàng là quà biếu, tặng thuộc diện miễn thuế nhập khẩu. Chúng tôi phải tuân thủ điều kiện gì để được miễn thuế và trong trường hợp này có giới hạn định mức không?*

**Giải đáp:** Hàng là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng cho doanh nghiệp hoặc cá nhân Việt Nam thuộc diện được miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, doanh nghiệp hoặc cá nhân khi nhập khẩu mặt hàng này sẽ chỉ được miễn thuế theo một định mức nhất định do Bộ Tài chính quy định.

Cụ thể, hàng hoá là quà biếu, quà tặng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng cho các doanh nghiệp Việt Nam thì được xét miễn thuế với giá trị hàng hoá không vượt quá 3.000 USD (ba ngàn đô la Mỹ). Riêng hàng là quà biếu, tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cá nhân người Việt Nam thì chỉ được xét miễn thuế cho mỗi cá nhân với lô hàng có giá trị không quá 100 đô la Mỹ (USD). Nếu 1 lô hàng được tặng cho nhiều người thì mỗi cá nhân cũng chỉ được miễn thuế trong phạm vi không quá 100 USD và tổng trị giá lô hàng cũng không được vượt quá 1.000 USD.

Tuy nhiên, trên thực tế hàng hoá ghi tặng gửi cho cá nhân nhưng là tặng cho 1 doanh nghiệp (có xác nhận của doanh nghiệp) và hàng hoá đó do doanh nghiệp quản lý và sử dụng thì mức miễn thuế được áp dụng đối với đối tượng là doanh nghiệp.

## **Chương I - Vướng mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Mọi lô hàng quà biếu, tặng nếu vượt định mức quy định nêu trên thì phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cho toàn bộ lô hàng. Để được miễn thuế doanh nghiệp hoặc cá nhân phải đảm bảo đầy đủ hồ sơ như: Công văn đề nghị xét miễn thuế nhập khẩu; Giấy phép nhập khẩu do cơ quan hải quan cấp (nếu có); Thông báo hay quyết định hoặc thoả thuận tặng hàng của chủ hàng; Hồ sơ liên quan đến việc nhập khẩu lô hàng là quà biếu tặng.

### **32. Áp dụng giá tính thuế hàng nhập khẩu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, trong quá trình thực hiện Thông tư 08/2002/TT-BTC ngày 23/1/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng giá tính thuế nhập khẩu theo hợp đồng mua bán ngoại thương, chúng tôi luôn gặp phải những vướng mắc về áp dụng giá tính thuế hàng nhập khẩu. Vậy xin được làm rõ hơn các quy định của pháp luật hiện hành về vấn đề này?*

**Giải đáp:** Ngày 23/1/2002, Bộ Tài chính có ban hành Thông tư 08/2002/TT-BTC hướng dẫn việc áp dụng giá tính thuế hàng nhập khẩu theo hợp đồng mua bán ngoại thương. Theo đó, đối tượng áp dụng giá tính thuế theo hợp đồng mua bán ngoại thương là hàng hoá của các tổ chức, cá nhân được phép nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam.

### **1. Các trường hợp không áp dụng giá tính thuế theo hợp đồng mua bán ngoại thương.**

Các hàng hoá sau đây không áp dụng giá tính thuế hàng nhập khẩu theo giá ghi trên hợp đồng mua bán ngoại thương:

- Hàng hoá nhập khẩu thuộc Danh mục các mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế có giá ghi trên hợp đồng thấp hơn giá ghi tại Bảng giá tối thiểu do Bộ Tài chính ban hành thì giá tính thuế nhập khẩu là giá ghi tại Bảng giá tối thiểu.

- Hàng nhập khẩu không thuộc Danh mục các mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế nhưng không đủ điều kiện áp dụng giá tính thuế nhập khẩu theo hợp đồng mua bán ngoại thương: Hàng nhập khẩu theo các phương thức khác không thông qua hợp đồng mua bán (hàng nhập khẩu phi mậu dịch, hàng nhập khẩu của cư dân biên giới,...), không thanh toán qua Ngân hàng (hàng đổi hàng, hàng trả công...) thì giá tính thuế nhập khẩu là giá do Tổng cục Hải quan quy định phù hợp với nguyên tắc định giá tính thuế nhập khẩu quy định tại Điều 7 Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

### **2. Các trường hợp được áp dụng giá tính thuế theo hợp đồng mua bán ngoại thương.**

**2.1 Hàng hoá nhập khẩu của các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài** (không phân biệt hàng nằm trong hay ngoài danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế) thì tính thuế nhập khẩu theo giá ghi trên hoá đơn hàng hoá nhập khẩu nếu giá ghi trên hoá đơn là giá mua thực tế phải thanh toán bao gồm cả chi phí vận tải (F)

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

và phí bảo hiểm (I); có đủ các điều kiện quy định tại mục 1 phần III Thông tư 08/2002/TT-BTC ngày 23/1/2002 của Bộ Tài chính.

Nếu hàng hoá nhập khẩu của Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không đủ các điều kiện nêu tại mục 1 phần III Thông tư 08/2002/TT-BTC ngày 23/1/2002 của Bộ Tài chính thì không được tính thuế theo giá ghi trên hoá đơn hàng hoá nhập khẩu.

***2.2 Đối với hàng hoá nhập khẩu về làm nguyên liệu, vật tư trực tiếp đưa vào sản xuất.***

Chỉ áp dụng giá tính thuế nhập khẩu theo giá ghi trên hợp đồng mua bán ngoại thương đối với nguyên liệu, vật tư trực tiếp đưa vào sản xuất nếu có đủ các điều kiện quy định tại Mục 1, phần III Thông tư 08/2002/TT-BTC ngày 23/1/2002 của Bộ Tài chính; doanh nghiệp nhập khẩu (hoặc uỷ thác nhập khẩu) không có nợ thuế quá hạn thuộc diện cưỡng chế ở khâu nhập khẩu; hàng hoá là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu đảm bảo phù hợp với Danh mục nguyên, vật liệu nhập khẩu để sản xuất sản phẩm đã đăng ký với Cơ quan Hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu.

Không áp dụng giá tính thuế nhập khẩu theo giá ghi trên hợp đồng mua bán ngoại thương đối với trường hợp nhập khẩu bán sản phẩm hay sản phẩm dùng để đóng chai, đóng gói, chọn lọc, phân loại, lắp ráp đơn giản mà các công việc này không làm thay đổi đặc điểm, tính chất của sản phẩm cho dù việc nhập khẩu các mặt hàng này có đáp ứng các quy định tại mục 2.2 phần III của Thông tư 08/2002/TT-BTC ngày 23/1/2002 của Bộ Tài chính.

Khi làm thủ tục hải quan nhập khẩu, doanh nghiệp không đăng ký việc nhập khẩu nguyên liệu, vật tư trực tiếp đưa vào sản

xuất và đã được xác định giá tính thuế theo quy định chung nhưng sau khi thông quan lại có văn bản đăng ký và xin làm thủ tục xác nhận nguyên liệu, vật tư đưa vào sản xuất thì không tính lại thuế.

Cơ quan hải quan kiểm tra các văn bản, giấy tờ xác định điều kiện và năng lực sản xuất của Doanh nghiệp như Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, văn bản tự xác định năng lực, công suất sản xuất của doanh nghiệp để đảm bảo việc nhập khẩu nguyên liệu phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, cơ quan hải quan chấp nhận bản Đăng ký Danh mục nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm của Doanh nghiệp và áp giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng mua bán ngoại thương.

Cơ quan hải quan thực hiện quản lý đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu đưa vào sản xuất được hưởng giá tính thuế theo hợp đồng như sau:

- + Tên Doanh nghiệp.
- + Bản đăng ký Danh mục nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất.
- + Tờ khai hải quan (số, ngày).

Cứ 6 tháng một lần cơ quan hải quan yêu cầu Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư trực tiếp đưa vào sản xuất và được áp giá theo giá ghi trên hợp đồng phải nộp Báo cáo kê khai, quyết toán số lượng hàng nhập khẩu đưa vào sản xuất theo các tiêu thức sau:

- + Số lượng hàng đã nhập.
- + Số lượng hàng đã đưa vào sản xuất.

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

+ Số lượng hàng còn lại.

+ Số lượng hàng chuyển nhượng không đưa vào sản xuất (nếu có).

Căn cứ vào Báo cáo kê khai, quyết toán của Doanh nghiệp, cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra, đối chiếu hàng thực nhập và thực tế đã đưa vào sản xuất. Trường hợp nếu Doanh nghiệp không đưa vào sản xuất sẽ bị truy thu thuế chênh lệch giữa giá tối thiểu và giá hợp đồng. Trong thời hạn quá 30 ngày, Doanh nghiệp không nộp Báo cáo thì cơ quan hải quan yêu cầu doanh nghiệp nộp Báo cáo, khi đó mới áp giá tính thuế theo hợp đồng đối với nguyên liệu đưa vào sản xuất của các lô hàng tiếp theo.

Trường hợp doanh nghiệp nhượng bán nguyên liệu đưa vào sản xuất đã được tính theo giá hợp đồng, ngoài việc truy thu thuế còn phải xử phạt nộp chậm theo quy định hiện hành.

Trường hợp nhập khẩu nguyên liệu trực tiếp đưa vào sản xuất mà giá nhập khẩu quá thấp so với mức giá tối thiểu, mức giá kiểm tra hay mức giá nhập khẩu quá bất hợp lý thì có quyền yêu cầu Doanh nghiệp chứng minh tính trung thực, khách quan của giá ghi trên hợp đồng, nếu còn nghi ngờ thì tiến hành kiểm tra sau thông quan.

### **33. Xác định giá tính thuế nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm.**

*Doanh nghiệp chúng tôi có nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất sản phẩm thì việc xác định giá tính thuế theo phương thức nào?*

**Giải đáp:** Căn cứ vào phần III, mục 2.2 của Thông tư 08/2002/TT-BTC ngày 23/01/2002 của Bộ Tài chính, theo đó, doanh nghiệp có nhập khẩu hàng hoá về làm nguyên liệu, vật tư trực tiếp đưa vào sản xuất sản phẩm được tính thuế nhập khẩu theo giá ghi trên hợp đồng mua bán ngoại thương, nếu đảm bảo các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp nhập khẩu không có nợ thuế quá hạn thuộc diện cưỡng chế ở khâu nhập khẩu;

- Vật tư, nguyên liệu nhập khẩu đảm bảo phù hợp với Danh mục nguyên, vật liệu nhập khẩu để sản xuất sản phẩm đã đăng ký với Cơ quan Hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu;

- Hàng hoá nhập khẩu được áp dụng giá tính thuế nhập khẩu theo hợp đồng mua bán ngoại thương phải có đủ các điều kiện sau:

(i). Hợp đồng mua bán ngoại thương phải bằng văn bản, có đầy đủ nội dung chủ yếu gồm: Tên hàng (là tên thương mại thông thường); Số lượng; Giá cả; Phương thức thanh toán.

(ii). Thực hiện thanh toán 100% trị giá lô hàng nhập khẩu qua Ngân hàng thương mại bằng một loại đồng tiền được hai bên thỏa thuận theo đúng các phương thức thanh toán Quốc tế như L/C, TTR, T/T, D/A, D/P. Trường hợp đã thực hiện thanh toán qua Ngân hàng giá trị lô hàng nhập khẩu trước khi nhận hàng thì phải xuất trình chứng từ thanh toán với Cơ quan Hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu hàng hoá. Nếu việc thanh toán được thực hiện sau khi nhận hàng thì trên hợp đồng mua bán phải thể hiện rõ thời hạn thanh toán.

(iii). Doanh nghiệp nhập khẩu thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Khi làm thủ tục nhập khẩu doanh nghiệp nhập khẩu phải nộp (một lần) cho cơ quan Hải quan (nơi làm thủ tục nhập khẩu) Bản sao Bản đăng ký áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có ý kiến chấp nhận của cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế (Bản sao có đóng dấu sao y bản chính của doanh nghiệp).

### **34. Xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu đối với doanh nghiệp liên doanh.**

*Chúng tôi là Doanh nghiệp liên doanh hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có nhập khẩu hàng hoá thuộc nhóm các mặt hàng nhà nước quản lý giá thì việc xác định giá tính thuế đối với hàng hoá này như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định của Thông tư 08/2002/TT-BTC ngày 23/01/2002 của Bộ Tài chính thì đối tượng không áp dụng giá tính thuế theo hợp đồng mua bán ngoại thương là hàng hoá nhập khẩu thuộc Danh mục các mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế có giá ghi trên hợp đồng thấp hơn giá ghi tại Bảng giá tối thiểu do Bộ Tài chính ban hành thì giá tính thuế nhập khẩu là giá ghi tại Bảng giá tối thiểu.

Nhưng do Doanh nghiệp của bạn là Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam nên việc nhập khẩu hàng hoá thuộc

Danh mục các nhóm mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế sẽ được tính thuế nhập khẩu theo giá ghi trên hoá đơn hàng nhập khẩu (giá CIF) nếu giá ghi trên hoá đơn là giá mua thực tế phải thanh toán. Doanh nghiệp phải có trách nhiệm chứng minh giá ghi trên hoá đơn là giá thực tế phải thanh toán.

### **35. Phương pháp xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu từ giá EXW.**

*Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu hàng hoá theo giá EXW, vậy căn cứ nào để hải quan xác định giá tính thuế nhập khẩu (giá CIF)?*

**Giải đáp:** Việc xác định giá tính thuế được quy định tại Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 29/12/1998 của Bộ Tài chính, theo đó giá tính thuế hàng nhập khẩu được xác định theo hợp đồng ngoại thương phù hợp với giá mua tại cửa khẩu nhập (CIF) bao gồm chi phí bảo hiểm (I) và chi phí vận tải (F).

Trường hợp Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hoá theo giá EXW thì việc xác định giá tính thuế như sau:

- Cơ quan Hải quan yêu cầu Doanh nghiệp nhập khẩu cung cấp đầy đủ chứng từ (chi phí phát sinh trong nội địa nước xuất khẩu: I và F ...) để xác định giá CIF từ giá EXW.
- Trường hợp căn cứ chứng từ của Doanh nghiệp xuất trình có thể xác định được giá FOB hoặc giá CIF từ giá EXW.

- Trường hợp Doanh nghiệp nhập khẩu không xuất trình hoặc không thể xuất trình các chứng từ nêu trên, cơ quan hải quan không đủ điều kiện xác định giá CIF thì cơ quan hải quan sẽ xác định giá tính thuế nhập khẩu trên cơ sở giá tối thiểu hoặc giá xây dựng theo quy định của pháp luật. Nếu sau này cơ quan hải quan xác định được chi phí I, F và các chi phí khác có liên quan để xác định được giá mua, nếu giá này cao hơn giá tối thiểu thì sẽ truy thu.

### **36. Xây dựng bổ sung giá tính thuế trong trường hợp nào?**

*Chúng tôi được biết, có những trường hợp hàng hoá nhập khẩu do Cục trưởng Cục Thuế địa phương xây dựng bổ sung giá tính thuế nhập khẩu. Vậy có những hàng hoá nhập khẩu nào không phải xây dựng bổ sung giá tính thuế và việc xây dựng bổ sung giá tính thuế này dựa trên những phương pháp nào?*

**Giải đáp:** Theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan thì chỉ các mặt hàng nhập khẩu chưa được quy định giá tính thuế trong các bảng giá của Bộ Tài chính thì Cục trưởng Cục Hải quan địa phương mới được quyền xây dựng bổ sung giá tính thuế theo các quy định cụ thể của Cục Hải quan.

**Các mặt hàng không phải xây dựng giá tính thuế bao gồm:**

1. Hàng hoá nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Hàng hoá nhập khẩu làm nguyên liệu, vật tư trực tiếp đưa vào sản xuất và có đủ điều kiện được áp giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng ngoại thương.

3. Hàng hoá nhập khẩu là đối tượng được miễn thuế, xét miễn thuế nhập khẩu (quy định cụ thể tại điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 mục I và các điều 1, 2, 3, 4, 5 mục II phần D Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 1998 của Bộ Tài chính).

4. Hàng có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi từ 5% trở xuống và có đủ điều kiện áp giá tính thuế theo hợp đồng, trừ các mặt hàng máy in vi tính, máy in minilab.

5. Hàng hoá nhập khẩu thuộc các dự án đầu tư do cấp Bộ trở lên phê duyệt và hồ sơ đủ điều kiện áp giá tính thuế theo hợp đồng.

Mức giá tính thuế bổ sung của Cục hải quan địa phương được xác định bằng một trong các phương pháp theo trình tự sau và dừng ngay ở phương pháp xây dựng được giá tính thuế:

- Dựa vào giá tính thuế hàng tương tự
- Dựa vào giá chào bán
- Phương pháp khấu trừ
- Dựa vào giá ghi trên hợp đồng (Riêng với phương pháp này chỉ thực hiện khi không thể xây dựng được giá theo 3 phương pháp trên).

**37. Giá tính thuế hàng nhập khẩu từ khu chế xuất vào thị trường nội địa.**

*Doanh nghiệp chúng tôi hoạt động trong khu chế xuất, nếu xuất khẩu hàng hoá vào thị trường nội địa thì giá tính thuế được xác định như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định hiện hành, giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu là giá mua tại cửa khẩu (giá CIF) bao gồm cả phí bảo hiểm (I) và chi phí vận tải (F). Giá tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu áp dụng đối với khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất tại Việt Nam là giá thực tế mua bán tại cửa khẩu khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất theo hợp đồng.

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, hàng hóa nhập khẩu từ khu chế xuất tại Việt Nam vào thị trường nội địa nếu có đủ các điều kiện áp dụng giá tính thuế theo quy định hiện hành thì được áp dụng giá ghi trên hợp đồng, phù hợp với giá thực tế mua bán tại cửa khẩu khu chế xuất, theo điều kiện giao hàng đã được thoả thuận trên hợp đồng mua bán.

**38. Thuế suất thuế nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hoá.**

*Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu một lô hàng máy móc, thiết bị không đồng bộ, trong đó có thiết bị vừa đủ điều kiện áp dụng chính sách thuế theo tỷ lệ nội địa hoá vừa thuộc diện áp dụng theo CEPT. Vậy trong trường hợp này lô hàng được áp thuế như thế nào?*

**Giải đáp:** Đối với trường hợp nhập khẩu hàng hoá không đồng bộ vừa đủ điều kiện áp dụng thuế theo tỷ lệ nội địa hoá vừa thuộc diện áp dụng thuế theo CEPT, Bộ Tài chính hướng dẫn như sau:

(i) Nếu doanh nghiệp áp dụng thuế theo tỷ lệ nội địa hoá thì doanh nghiệp phải áp dụng chung một mức thuế suất theo tỷ lệ nội địa hoá cho toàn bộ Danh mục hàng nhập khẩu, mặc dù trong Danh mục có một số chi tiết đủ điều kiện áp dụng theo CEPT;

(ii) Nếu doanh nghiệp áp dụng thuế theo CEPT thì chỉ những chi tiết đủ điều kiện sẽ được áp dụng theo CEPT, những chi tiết còn lại không đủ điều kiện thì áp dụng theo mức thuế suất ưu đãi chung mà không được áp dụng mức thuế theo tỷ lệ nội địa hoá.

### **39. Trình tự kê khai Hải quan tính thuế hàng hóa nhập khẩu.**

*Trình tự kê khai tính thuế đối hàng hoá nhập khẩu được phép làm thủ tục hải quan tại các địa điểm ngoài cửa khẩu nhập khẩu được tiến hành như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại mục I phần C Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính thì mỗi lần doanh nghiệp có hàng hóa được phép nhập khẩu phải kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung theo quy định của cơ quan Hải quan, nộp tờ khai hàng hóa nhập khẩu và nộp thuế nhập khẩu cho cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu.

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được phép làm thủ tục thông quan tại các địa điểm ngoài cửa khẩu nhập khẩu, thì trình tự kê khai tính thuế được thực hiện như sau:

Cơ quan Hải quan tại địa điểm thông quan có trách nhiệm tiếp nhận tờ khai hàng nhập khẩu và toàn bộ hồ sơ có liên quan đến lô hàng nhập khẩu để làm thủ tục nhập khẩu, sau đó chuyển cho cơ quan Hải quan có cửa khẩu nhập khẩu.

Cơ quan Hải quan có cửa khẩu nhập khẩu có trách nhiệm kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ nhập khẩu của lô hàng để đối chiếu với các chứng từ có liên quan đến việc nhập khẩu (tại cảng, hãng tàu...) và quyết định việc cho phép chuyển lô hàng về nơi làm thủ tục thông quan ngoài cửa khẩu.

Sau khi kiểm hóa, tính thuế cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục thông quan ngoài cửa khẩu phải có trách nhiệm bàn giao một bộ hồ sơ Hải quan hàng nhập khẩu (kèm theo thông báo thuế phải nộp) cho cơ quan Hải quan cửa khẩu hàng nhập để lưu theo dõi. Hàng hóa vận chuyển từ cửa khẩu nhập khẩu đến nơi làm thủ tục thông quan ngoài cửa khẩu phải chịu sự giám sát, quản lý theo quy định của cơ quan Hải quan.

### **40. Thời hạn nộp hồ sơ và xét hoàn thuế xuất, nhập khẩu.**

*Thời hạn nộp hồ sơ và thời hạn xét hoàn thuế xuất nhập khẩu được quy định chi tiết như thế nào?*

## **Tủ sách NHÀ QUẢN LÝ**

---

**Giải đáp:** Căn cứ điểm 3 mục 1 phần E Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 1998 của Bộ Tài chính thì:

*- Thời hạn nộp hồ sơ xét hoàn thuế:*

Chậm nhất trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xuất khẩu, nhập khẩu hoặc kể từ ngày thực hiện xong một hợp đồng, thỏa thuận hợp đồng các đối tượng thuộc diện được xét hoàn lại thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu phải hoàn thành hồ sơ theo quy định gửi cơ quan có thẩm quyền, để xem xét giải quyết hoàn lại thuế theo quy định.

*- Thời hạn xét hoàn thuế:*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định của đối tượng được xét hoàn lại thuế, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm ký quyết định hoàn lại thuế cho các đối tượng được hoàn lại thuế theo thẩm quyền quy định.

### **41. Thời hạn thông báo thuế.**

*Theo quy định của pháp luật hiện hành, thời hạn thông báo thuế đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu được quy định cụ thể như thế nào?*

**Giải đáp:** Thời hạn thông báo thuế theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 04/1998/Qh10 ngày 20/05/1998 được thực hiện cụ thể như sau:

## **Chương I - Vương mác về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

a/ Trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của đối tượng nộp thuế, cơ quan Hải quan phải thông báo chính thức cho đối tượng nộp thuế về số thuế phải nộp theo kê khai của đối tượng nộp thuế.

b/ Trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi cơ quan Hải quan kiểm hoá xong lô hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu, nếu có khác biệt về số thuế phải nộp so với thông báo theo kê khai ban đầu, thì cơ quan Hải quan phải thông báo cho đối tượng nộp thuế số thuế còn thiếu hoặc thừa so với số thuế đã thông báo theo kê khai.

Đối với những trường hợp bắt buộc phải có giám định về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng để đảm bảo chính xác cho việc tính thuế (như xác định tên mặt hàng, mã số tính thuế theo danh mục Biểu thuế, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tình trạng cũ, mới của hàng hóa nhập khẩu) thì thời hạn thông báo số thuế còn thiếu hoặc thừa được kéo dài hơn, nhưng tối đa không được quá 15 ngày làm việc.

Cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục Hải quan về thu thuế nhập khẩu khi kiểm hoá, tính thuế thấy không thể xác định rõ ràng về mặt hàng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tình trạng cũ mới làm căn cứ tính thuế có quyền yêu cầu giám định đối với các trường hợp quy định tại điểm này, đồng thời phải thông báo lại cho đối tượng nộp thuế biết lý do phải giám định. Kết quả giám định theo yêu cầu của cơ quan Hải quan là kết quả để làm căn cứ tính thuế và thu thuế nhập khẩu.

## **42. Thời hạn nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.**

*Thời hạn phải nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu được quy định chi tiết như thế nào?*

### **Giải đáp:**

1/ Đối với hàng xuất khẩu là 15 ngày (ngày theo lịch), kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo tính thuế chính thức của cơ quan Hải quan về số thuế phải nộp.

2/ Đối với hàng hoá là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu là 9 tháng (được tính tròn là 275 ngày theo lịch) kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo thuế chính thức của cơ quan Hải quan về số thuế phải nộp.

Điều kiện để được áp dụng thời hạn nộp thuế 9 tháng (275 ngày) đối với vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu:

- Hợp đồng xuất khẩu hàng hóa.
- Đối tượng nộp thuế không nợ thuế quá thời hạn (tại thời điểm nhập khẩu) quy định của Luật thuế xuất khẩu thuế nhập khẩu.
- Bản đăng ký vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

Căn cứ vào hồ sơ qui định, cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu ra thông báo thời hạn nộp thuế cho doanh nghiệp là 9 tháng, đồng thời mở sổ theo dõi việc nợ thuế của doanh nghiệp để quyết toán số nợ thuế khi thực tế xuất khẩu sản phẩm.

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Đối với một số trường hợp đặc biệt do chu kỳ sản xuất, dự trữ vật tư, nguyên liệu của doanh nghiệp dài hơn 9 tháng như đóng tàu, thuyền, chế tạo máy móc, thiết bị cơ khí thì thời hạn nộp thuế là có thể được hơn 9 tháng. Doanh nghiệp có văn bản giải trình để Bộ Tài chính xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

Trường hợp doanh nghiệp đã được áp dụng thời hạn nộp thuế 9 tháng hoặc hơn 9 tháng nhưng không xuất khẩu thì ngoài việc bị xử lý phạt chậm nộp thuế (kể từ ngày thứ 31 tính từ ngày nhận được thông báo thuế của cơ quan Hải quan đến ngày thực nộp thuế), doanh nghiệp còn bị xử lý vi phạm theo pháp luật. Đồng thời doanh nghiệp không được áp dụng thời hạn nộp thuế 9 tháng của các lô hàng sau.

3/ Đối với hàng kinh doanh theo phương thức tạm xuất - tái nhập hoặc tạm nhập - tái xuất thì thời hạn nộp thuế là 15 ngày (ngày theo lịch), kể từ ngày hết thời hạn của cơ quan có thẩm quyền cho phép tạm xuất - tái nhập hoặc tạm nhập - tái xuất (áp dụng cho cả trường hợp được phép gia hạn) theo qui định của Bộ Thương mại.

4/ Đối với hàng tiêu dùng phải nộp xong thuế nhập khẩu trước khi nhận hàng. Danh mục hàng tiêu dùng thực hiện theo qui định của Bộ Thương mại.

Trường hợp đối tượng nộp thuế có sự bảo lãnh về số tiền phải nộp thì thời hạn nộp thuế là 30 ngày (ngày theo lịch), kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo thuế chính thức của cơ quan Hải quan về số thuế phải nộp với điều kiện sau:

- Đối tượng đứng ra bảo lãnh phải là tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức khác được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo qui định của Luật các tổ chức tín dụng.

- Nội dung bảo lãnh phải ghi rõ tên tổ chức đứng ra bảo lãnh, tên doanh nghiệp được bảo lãnh, số tiền thuế được bảo lãnh, thời hạn bảo lãnh và cam kết của đối tượng đứng ra bảo lãnh.

Căn cứ vào giấy bảo lãnh của tổ chức đứng ra bảo lãnh, Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu ra thông báo thời hạn nộp thuế là 30 ngày cho đối tượng nộp thuế tương ứng với số tiền thuế đã được bảo lãnh.

Quá thời hạn nộp thuế theo thông báo thuế của cơ quan Hải quan mà đối tượng nộp thuế chưa nộp thuế nhập khẩu theo qui định, thì cơ quan Hải quan yêu cầu tổ chức đứng ra bảo lãnh nộp số tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước thay cho đối tượng được bảo lãnh theo đúng qui định của Luật các tổ chức tín dụng ngày 12/12/1997 và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, tổ chức đứng ra bảo lãnh phải nộp phạt chậm nộp thuế từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo thuế, nếu quá thời hạn nộp thuế 90 ngày mà tổ chức đứng ra bảo lãnh vẫn chưa nộp thuế vào ngân sách Nhà nước thì cơ quan Hải quan có quyền yêu cầu phong tỏa tài khoản của tổ chức đứng ra bảo lãnh cho đến khi thu đủ số thuế, tiền phạt.

5/ Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phi mậu dịch, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của cư dân biên giới thì đối tượng nộp thuế phải nộp xong thuế trước khi xuất khẩu hàng ra nước ngoài hoặc nhập khẩu hàng vào Việt Nam.

6/ Đối với hàng hóa nhập khẩu không thuộc diện thực hiện nộp thuế theo qui định tại điểm 2, 3, 4, và 5 nêu trên, thì thời hạn nộp thuế là 30 ngày (ngày theo lịch) kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo thuế chính thức của cơ quan Hải quan về số thuế phải nộp.

7/ Hàng hóa nhập khẩu có thời hạn nộp thuế khác nhau thì phải mở Tờ khai hàng hóa nhập khẩu riêng theo từng thời hạn nộp thuế.

### **43. Thuế đối với linh kiện nhập khẩu để sản xuất lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh.**

*Công ty chúng tôi có nhập khẩu linh kiện điện - điện tử để sản xuất lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh. Vậy chính sách thuế nhập khẩu áp dụng đối với trường hợp này như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định của pháp luật hiện hành, doanh nghiệp sản xuất hàng điện-điện tử khi nhập khẩu linh kiện để sản xuất, lắp ráp trong nước được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu theo chính sách nội địa hoá. Chính sách thuế nhập khẩu áp dụng đối với trường hợp này như sau:

#### **- Về giá tính thuế:**

Nếu linh kiện nhập khẩu không nằm trong danh mục các nhóm mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế, nếu có đủ điều kiện áp dụng giá tính thuế theo hợp đồng thì được áp dụng mức giá ghi

trên hợp đồng. Trường hợp mức giá ghi trên hợp đồng thấp hơn mức giá kiểm tra thì Công ty phải chứng minh tính trung thực của mức giá ghi trên hợp đồng.

### ***- Về thuế suất thuế nhập khẩu:***

Trước khi tiến hành nhập khẩu linh kiện để thực hiện chính sách nội địa hoá, Công ty phải tiến hành đăng ký Danh mục các linh kiện nhập khẩu với cơ quan thuế. Trường hợp Công ty nhập khẩu linh kiện theo đúng Danh mục đã đăng ký, nếu có đủ điều kiện để được hưởng thuế suất ưu đãi theo CEPT thì Công ty được quyền lựa chọn theo mức thuế thấp hơn.

Trường hợp trong danh mục các linh kiện nhập khẩu có những linh kiện thuộc danh mục cắt giảm thuế CEPT thì không được áp dụng mức thuế CEPT riêng cho các linh kiện đó mà phải áp dụng chung một mức thuế ưu đãi theo tỷ lệ nội địa hoá cho toàn bộ Danh mục các linh kiện nhập khẩu.

Nếu Công ty không đăng ký thực hiện chính sách nội địa hoá, khi nhập khẩu các linh kiện không đồng bộ để lắp ráp thì Công ty phải nộp thuế theo mức thông thường (thuế suất ưu đãi, thuế suất thông thường hoặc thuế suất theo CEPT) quy định cho từng linh kiện đó, không được áp mức thuế theo tỷ lệ nội địa hoá. Nếu Công ty nhập khẩu linh kiện đồng bộ để lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh thì phải nộp thuế theo mức thuế áp dụng cho sản phẩm nguyên chiếc, không tách riêng các linh kiện đủ điều kiện áp dụng thuế suất CEPT để áp dụng theo CEPT.

**44. Thuế nhập khẩu linh kiện và chi tiết phục vụ sản xuất thử.**

*Việc miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư linh kiện, phụ tùng cơ khí điện, điện tử được quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Căn cứ Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 quy định chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam và khoản 10, Điều 1 Nghị định 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2000/NĐ-CP thì Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh đầu tư sản xuất linh kiện, phụ tùng cơ khí, điện, điện tử được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện trong 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất. Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu linh kiện và chi tiết phục vụ cho việc sản xuất thử không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu.

**45. Thuế đối với hàng xuất khẩu tại chỗ thanh toán đối trừ công nợ.**

*Doanh nghiệp chúng tôi ký kết hợp đồng xuất khẩu hàng hoá theo hình thức đối trừ công nợ nhưng giao hàng cho một doanh nghiệp tại Việt nam theo chỉ định của đối tác nước ngoài. Vậy trường hợp này có được xem là xuất khẩu tại chỗ không? Chúng tôi có được hưởng chính sách thuế áp dụng đối với loại hình xuất khẩu này không?*

**Giải đáp:** Theo Thông tư 90/2002/TT-BTC ngày 10/10/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất, gia công hàng xuất khẩu, doanh nghiệp có đủ các điều kiện sau được áp dụng chính sách thuế theo quy định tại Thông tư này:

- Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng mua bán ngoại thương ký với thương nhân nước ngoài trong đó ghi rõ mặt hàng, số lượng, tên và địa chỉ của doanh nghiệp nhận hàng tại Việt Nam.

- Hàng hoá của doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ sản xuất (nếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với quy định tại giấy phép đầu tư).

- Thương nhân nước ngoài phải thực hiện thanh toán tiền đối với hàng xuất khẩu tại chỗ bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi qua Ngân hàng.

- Doanh nghiệp phải mở tờ khai Hải quan hàng hoá xuất khẩu tại chỗ.

Do vậy, trường hợp Doanh nghiệp có hàng hoá xuất khẩu tại chỗ nhưng hình thức thanh toán không qua ngân hàng mà để đối trừ công nợ với thương nhân nước ngoài thì không đủ điều kiện để được áp dụng chính sách thuế theo quy định tại Thông tư 90/2002/TT-BTC.

## **46. Thủ tục xoá nợ thuế.**

*Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có nợ thuế do nguyên nhân khách quan. Vậy doanh nghiệp cần có loại chứng từ nào để được xem xét, giải quyết xử lý xoá khoản nợ thuế nêu trên?*

**Giải đáp:** Về xử lý xoá nợ thuế và các khoản phải nộp đối với những doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có khó khăn do nguyên nhân khách quan. Tổng cục Hải quan có hướng dẫn tại Công văn số 3490/TCHQ-KTTT ngày 22/7/2003 như sau:

Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu còn nợ tiền thuế, tiền phạt nếu số nợ đó phát sinh do nguyên nhân khách quan như thay đổi chính sách, văn bản hướng dẫn thực hiện không rõ ràng, không đầy đủ dẫn đến việc hiểu sai và áp dụng kê khai tính thuế khác nhau, nếu có đủ căn cứ xác định lại số thuế phải nộp thấp hơn số thuế đã thông báo của cơ quan hải quan thì được xoá số tiền thuế, tiền phạt tính không đúng.

Do vậy nếu doanh nghiệp thuộc trường hợp nêu trên cần gửi hồ sơ tới cơ quan hải quan trực tiếp đang theo dõi, quản lý số nợ đề nghị xoá.

Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị xoá nợ thuế (trong đó giải trình số nợ thuế, nợ tiền phạt của từng mặt hàng, nguyên nhân tính thuế, tính phạt đối với số nợ của doanh nghiệp kèm theo các văn bản xử lý

hoặc xác định của cơ quan có thẩm quyền liên quan tới việc nợ thuế, nợ phạt);

- Bản sao quyết định truy thu, quyết định điều chỉnh hoặc thông báo nộp thuế, nộp phạt cho từng tờ khai hải quan;

- Bản sao tờ khai hải quan và các phụ lục tờ khai phải thể hiện rõ khai báo của doanh nghiệp;

- Kết quả kiểm hoá tính thuế;

- Các tài liệu liên quan để xác định đặc điểm, thành phần cấu tạo, tính chất của mặt hàng và kết quả giám định làm căn cứ tính thuế;

- Xác nhận của cơ quan hải quan nơi theo dõi và quản lý số tiền thuế phạt còn nợ.

Bộ Tài chính sẽ xem xét hồ sơ và quyết định việc xoá nợ thuế cho doanh nghiệp.

### **47. Xác định thuế nhập khẩu đối với thiết bị đồng bộ, thiết bị toàn bộ tháo rời.**

*Doanh nghiệp chúng tôi có nhập khẩu một lô hàng là thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ. Được biết thuế nhập khẩu trong trường hợp này được xác định theo máy chính. Nếu doanh nghiệp tháo rời từng bộ phận để vận chuyển thì có ảnh hưởng đến việc xác định thuế nhập khẩu không?*

**Giải đáp:** Theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan ngày 08 tháng 07 năm 2003, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ hoặc tập hợp máy móc nhưng máy chính phải tháo rời thành từng bộ phận để tiện vận chuyển và phải nhập khẩu làm nhiều lần thì thiết bị toàn bộ, đồng bộ đó vẫn được phân loại theo máy chính như xác nhận của cơ quan Hải quan.

Tuy nhiên, doanh nghiệp nhập khẩu phải kê khai với cơ quan Hải quan về các thành phần và nộp bản vẽ của máy chính sẽ nhập khẩu. Tất cả các giấy tờ này phải có xác nhận của cơ quan quản lý chuyên ngành.

**48. Hoàn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị tạm nhập tái xuất.**

*Doanh nghiệp chúng tôi đang thực hiện một dự án đầu tư, có nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị để thi công công trình xây dựng. Trường hợp hoàn thành dự án, doanh nghiệp muốn tái xuất số máy móc đó thì xử lý hoàn thuế nhập khẩu như thế nào?*

**Giải đáp:** Về trường hợp này Bộ Tài chính đã có hướng dẫn cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của doanh nghiệp được phép tạm nhập-tái xuất hoặc mượn - tái xuất để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình,

phục vụ sản xuất và các mục đích khác khi nhập khẩu phải kê khai nộp thuế nhập khẩu theo quy định, khi tái xuất ra khỏi Việt nam sẽ được hoàn thuế nhập khẩu. Số thuế nhập khẩu được hoàn xác định trên cơ sở giá trị sử dụng còn lại của máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển khi tái xuất tính theo thời gian sử dụng và lưu tại Việt Nam.

- Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị dụng cụ phương tiện vận chuyển hết thời gian tạm nhập phải tái xuất nhưng chưa tái xuất mà được phép của Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại uỷ quyền chuyển giao cho đối tượng khác tại Việt nam tiếp tục quản lý, sử dụng thì khi chuyển giao phải làm thủ tục tái xuất tại chỗ và được hoàn lại thuế nhập khẩu theo quy định. Đối tượng tiếp nhận phải làm thủ tục tạm nhập tại chỗ và nộp thuế nhập khẩu như hàng hoá xuất nhập khẩu thông thường. Số thuế nhập khẩu được hoàn xác định trên cơ sở giá trị sử dụng còn lại của máy móc thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển khi tái xuất tại chỗ tính theo thời gian từ khi nhập khẩu (hoặc nhập khẩu tại chỗ) đến thời gian xuất khẩu (hoặc xuất khẩu tại chỗ).

### **49. Thời hạn nộp thuế nhập khẩu đối với máy móc và hàng tiêu dùng.**

*Chúng tôi nhập khẩu hai lô hàng là máy móc thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp và một lô hàng là hàng tiêu dùng nhưng thời hạn nộp thuế áp dụng khác nhau, như vậy có đúng không?*

## **Chương I - Vương mác về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

**Giải đáp:** Đối với hàng là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phương tiện vận tải nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho sản xuất của doanh nghiệp là 30 ngày, kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo chính thức của cơ quan Hải quan về số thuế phải nộp.

Đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu thì phải nộp xong thuế trước khi nhận hàng. Trong trường hợp có sự bảo lãnh về số tiền thuế phải nộp của các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức khác được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, thì thời hạn nộp thuế là 30 ngày kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo chính thức của cơ quan thu thuế về số thuế phải nộp.

### **50. Thủ tục hoàn thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.**

*Đối với các trường hợp nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu thì thủ tục, hồ sơ xin hoàn thuế nhập khẩu được quy định cụ thể như thế nào?*

**Giải đáp:** Ngày 15/8/2003, Bộ Tài chính đã có hướng dẫn về việc hoàn thuế nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu. Theo đó:

1. Trường hợp xin hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu phát sinh từ tháng 8/2003 trở về trước được xử lý như sau:

- Doanh nghiệp được hoàn thuế nhập khẩu nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu tương ứng với tỷ lệ xuất khẩu thành phẩm.

- Hồ sơ xét hoàn thuế:

+ Công văn đề nghị hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp của doanh nghiệp, trong đó có phương án giải trình cụ thể về số lượng hàng xuất khẩu, mức tiêu hao thực tế nguyên liệu nhập khẩu, số thuế nhập khẩu đã nộp, số thuế nhập khẩu xin hoàn;

+ Hợp đồng xuất khẩu hàng hóa ký kết với nước ngoài (trong đó có ghi rõ số lượng, qui cách, phẩm chất, chủng loại... hàng xuất khẩu) và hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu;

+ Tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu nguyên liệu, vật tư đã thanh khoản Hải quan;

+ Tờ khai Hải quan hàng xuất khẩu có xác nhận thực xuất của Hải quan cửa khẩu;

+ Biên lai nộp thuế;

+ Hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu (nếu là xuất nhập khẩu ủy thác).

2. Trường hợp nhập khẩu nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu nguyên liệu theo loại hình nhập kinh doanh: sản phẩm đã xuất khẩu, doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký định mức tiêu hao nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu với cơ quan Hải quan trước khi xuất khẩu sản phẩm (đối với trường hợp nhập nguyên liệu sản hàng xuất khẩu) hoặc trước khi làm thủ tục

xin hoàn thuế (đối với trường hợp nhập kinh doanh), Tờ khai Hải quan hàng hoá xuất khẩu đã có xác nhận thực xuất của cơ quan Hải quan nhưng có sai sót thủ tục khai báo hải quan về hình thức xuất khẩu (xuất kinh doanh) thì vẫn được xét hoàn thuế nhập khẩu theo hướng dẫn trên.

Tuy nhiên, trước khi làm thủ tục hoàn thuế nhập khẩu cho doanh nghiệp, cơ quan Hải quan chủ trì phối hợp với Cục thuế địa phương kiểm tra tình hình hạch toán sổ sách chứng từ kế toán của doanh nghiệp về hàng nhập khẩu, xuất khẩu, việc xuất dùng nguyên liệu, số lượng sản phẩm xuất khẩu, việc thanh toán hàng xuất khẩu của doanh nghiệp.

Từ 1/9/2003 trở đi, việc hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu thực hiện theo đúng hướng dẫn tại điểm 1 nêu trên.

### **51. Miễn thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với hàng viện trợ không hoàn lại.**

*Doanh nghiệp chúng tôi có nhập khẩu một lô hàng viện trợ không hoàn lại, xin hỏi đơn vị có phải nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với lô hàng này không? Thủ tục, hồ sơ như thế nào?*

**Giải đáp:** Doanh nghiệp sẽ không phải nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT đối với lô hàng này. Để được hưởng các ưu đãi này, doanh nghiệp cần hoàn chỉnh bộ hồ sơ gồm:

- Dự án viện trợ hoặc Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam với các tổ chức của nước ngoài hoặc văn bản thoả thuận viện trợ hoặc thông báo viện trợ;

- Văn bản cho phép tiếp nhận, phân phối hoặc sử dụng hàng viện trợ của Bộ chủ quản hoặc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

- Giấy xác nhận hàng viện trợ không hoàn lại do Bộ Tài chính cấp.

## **52. Miễn thuế nhập khẩu đối với ô tô tải và máy điều hoà nhập khẩu tạo tài sản cố định.**

*Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu ô tô tải và máy điều hoà để tạo tài sản cố định. Trường hợp này có được miễn thuế nhập khẩu không?*

### **Giải đáp:**

#### **1. Về nhập khẩu ô tô tải tạo tài sản cố định:**

Điều 2 Mục II Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ tại Phụ lục II “Quy định chi tiết về danh mục máy móc thiết bị, phương tiện vận tải được miễn thuế nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” định nghĩa về ô tô tải được miễn thuế là “*Phương tiện vận tải để chuyển nguyên liệu và sản phẩm trong dây chuyền công nghệ*”. Như vậy, xe ô tô tải là dùng để chuyển nguyên liệu (từ cảng hoặc nơi mua) đến nhà máy và chuyển sản phẩm đi (ra

## **Chương I - Vương mãc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

cảng xuất khẩu hoặc đến hệ thống tiêu thụ) của doanh nghiệp đầu tư (không chỉ để chạy trong phạm vi nhà máy).

Do đó nếu trong Mục "Tài sản cố định" (danh mục máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đầu tư ban đầu) của Giải trình Kinh tế kỹ thuật (Feasibility Study) để đầu tư có xe ô tô tải, thì Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với xe ô tô tải theo số lượng và chủng loại, trị giá đã dự tính ở Giải trình Kinh tế kỹ thuật.

Nếu thuộc loại xe có chức năng vừa chở người (4-6 chỗ), vừa chở hàng thì cũng theo quy định của Nghị định 24/2000/NĐ-CP thì chỉ xe ô tô chở công nhân 24 chỗ trở lên mới được miễn thuế nhập khẩu, do đó xe có 02 chức năng vừa chở người, vừa chở hàng sẽ không được miễn thuế nhập khẩu.

### **2. Về thuế nhập khẩu máy điều hoà không khí dùng trong văn phòng:**

Cùng theo Phụ lục II dẫn trên, tại điều 8, Mục 1: doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được miễn thuế "máy móc cần thiết cho thiết kế sản phẩm hoặc trang bị văn phòng phục vụ quản lý sản xuất". Do đó chỉ Máy điều hoà nhập khẩu dùng lắp đặt cho văn phòng phục vụ quản lý sản xuất, thiết kế sản phẩm thì mới được miễn thuế nhập khẩu. Nếu dùng trang trí cho các hoạt động văn phòng khác (như phòng tiếp khách, phòng giải trí, phòng ở v.v..) thì không được miễn thuế nhập khẩu.

### **53. Giảm thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu từ Lào.**

*Doanh nghiệp tôi hợp tác với nhiều bạn hàng là các doanh nghiệp của Lào. Được biết Bộ Thương mại và Bộ Tài chính có ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn giảm thuế đối với hàng hoá nhập khẩu từ Lào? Xin cho biết cụ thể như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo Thông tư liên bộ số 54/2003/TT-BTC-BTM ngày 03 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài Chính và Bộ Thương Mại, hàng hoá sản xuất tại Lào khi nhập khẩu vào Việt Nam sẽ được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định đối với mặt hàng tương ứng.

• Để được áp dụng mức thuế ưu đãi này, hàng hoá nhập khẩu đáp ứng một số điều kiện sau:

- Thuộc danh mục hàng hoá có xuất xứ từ Lào được miễn giảm thuế;

- Có Giấy chứng nhận xuất xứ do Bộ, phòng Thương mại hoặc Sở Thương mại của các tỉnh, thành phố Vientiane và đặc khu Saysomboun của Lào cấp;

- Hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam qua cửa khẩu chính thức trên biên giới Việt - Lào.

• Giá tính thuế để tính giảm 50% thuế nhập khẩu ưu đãi đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào nhập khẩu vào Việt Nam được xác định là mức giá thực thanh toán ghi trên hợp đồng mua bán ngoại thương với điều kiện hợp đồng ngoại thương đáp ứng đầy đủ điều

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

kiện theo quy định tại Thông tư 08/2002/TT-BTC ngày 23/1/2002 của Bộ Tài chính.

Trong năm 2003, có 17 mặt hàng cụ thể được áp dụng ưu đãi nói trên. Trong đó, lưu ý có mặt hàng gỗ và sản phẩm từ gỗ; khoáng sản như thạch cao, thiếc..

### **54. Thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với phần mềm nhập khẩu qua mạng Internet.**

*Hoạt động trong lĩnh vực tin học, doanh nghiệp chúng tôi cần nhập khẩu một số phần mềm máy tính qua mạng Internet. Vậy chúng tôi phải nộp thuế nhập khẩu và GTGT không?*

**Giải đáp:** Theo quy định của Luật thuế xuất nhập khẩu và Luật thuế Giá trị gia tăng thì phần mềm máy vi tính không thuộc đối tượng chịu thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp nhập khẩu phần mềm máy vi tính thông qua mạng Internet, để được miễn thuế nhập khẩu và thuế GTGT, doanh nghiệp phải có hợp đồng với bên bán, thực hiện thanh toán tiền qua hệ thống ngân hàng. Đối với các dịch vụ về phần mềm như cài đặt, bảo dưỡng, bảo trì phần mềm cũng không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT.

Chi phí nhập khẩu phần mềm được coi là chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải có hợp đồng ngoại thương, các hoá đơn dịch vụ của phía nước ngoài và chứng từ thanh toán tiền thông qua ngân hàng phù hợp với hợp đồng ngoại thương và hoá đơn dịch vụ.

## **55. Phân loại và tính thuế nhập khẩu, thuế GTGT thiết bị đồng bộ, toàn bộ.**

*Doanh nghiệp chúng tôi có nhu cầu mua sắm thiết bị dây chuyền đồng bộ để tạo tài sản cố định nhưng không trực tiếp nhập khẩu mà mời thầu. Trong trường hợp này, thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng đối với thiết bị dây chuyền đồng bộ được xử lý như thế nào?*

**Giải đáp:** Căn cứ theo quy định hiện hành, dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ mà trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư và tạo tài sản cố định của doanh nghiệp không phải nộp thuế giá trị gia tăng. Trường hợp trong dây chuyền thiết bị đồng bộ có cả loại thiết bị máy móc trong nước đã sản xuất được thì không tính thuế giá trị gia tăng cho cả dây chuyền đó.

- Về thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu: trường hợp Doanh nghiệp sử dụng máy móc thiết bị đồng bộ không nhập khẩu trực tiếp hoặc không uỷ thác nhập khẩu mà mời thầu, đơn vị trúng thầu đứng ra nhập khẩu hoặc uỷ thác cho một đơn vị khác nhập khẩu nếu đáp ứng các điều kiện về hồ sơ thì không phải nộp thuế giá trị gia tăng cho máy móc, thiết bị đồng bộ đó.

- Về phân loại theo máy chính để tính thuế nhập khẩu: Hàng hoá nhập khẩu là một tập hợp máy móc, thiết bị thuộc các nhóm, phân nhóm hàng của các chương 84, 85, 86, 88, 89 của Biểu thuế nhập khẩu hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau đây về hồ sơ nhưng đơn vị sử dụng máy móc thiết bị đồng bộ không nhập khẩu trực tiếp hoặc không uỷ

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

thác nhập khẩu mà mời thầu. Đơn vị trúng thầu đứng ra nhập khẩu hoặc uỷ thác cho một đơn vị khác nhập khẩu thì cũng được áp dụng nguyên tắc phân loại theo máy chính để tính thuế nhập khẩu.

- *Về hồ sơ:* Doanh nghiệp nhập khẩu phải có đầy đủ hồ sơ sau đây để làm căn cứ xác định không phải nộp thuế giá trị gia tăng hoặc được phân loại theo máy chính để tính để tính thuế nhập khẩu trong trường hợp doanh nghiệp không nhập khẩu trực tiếp hoặc không uỷ thác nhập khẩu mà mời thầu, đơn vị trúng thầu đứng ra nhập khẩu hoặc uỷ thác cho một đơn vị khác nhập khẩu:

- + Dự án đầu tư của Doanh nghiệp có ghi rõ danh mục thiết bị;
- + Giấy báo trúng thầu ghi rõ tên đơn vị trúng thầu và hàng hoá mời thầu phù hợp với dự án đầu tư;
- + Hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị giữa nhà thầu với chủ đầu tư phù hợp với kết quả trúng thầu;
- + Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu máy móc thiết bị giữa đơn vị trúng thầu với đơn vị nhập khẩu uỷ thác cho đơn vị trúng thầu.

### **56. Truy thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.**

*Trong những trường hợp nào thì hàng hoá sẽ bị truy thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại điểm 1 mục II phần Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 1998 của Bộ Tài chính thì:

- Các trường hợp đã được miễn thuế, giảm thuế nhưng sử dụng khác với mục đích đã được miễn giảm thì phải truy thu đủ số thuế đã được miễn giảm.

- Trường hợp đối tượng nộp thuế nhầm lẫn trong kê khai hàng hoá xuất nhập khẩu thì phải truy thu tiền thuế trong thời hạn 1 (một) năm trở về trước, kể từ ngày kiểm tra phát hiện có sự nhầm lẫn đó.

Các trường hợp nhầm lẫn trong kê khai là nhầm lẫn trong tính toán, sai mã số của biểu thuế.

Trường hợp có sự gian lận, trốn thuế thì phải truy thu tiền thuế, tiền phạt trong thời hạn 5 (năm) năm trở về trước kể từ ngày kiểm tra phát hiện có sự gian lận, trốn thuế. Gian lận, trốn thuế gồm tất cả các trường hợp đều phải truy thu thuế ngoài hai trường hợp phải truy thu nêu trên.

### **57. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế xuất, nhập khẩu.**

*Những trường hợp nào được coi là vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế xuất, nhập khẩu và hình thức xử lý ra sao ?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 1998 của Bộ Tài chính thì doanh nghiệp vi phạm các quy định trong lĩnh vực thuế bị xử lý như sau:

a/ Không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng những quy định về thủ tục đăng ký, kê khai hàng hóa xuất nhập khẩu, thuế nhập khẩu, chứng từ liên quan đến việc tính thuế, nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

khẩu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm nhẹ hoặc nặng mà bị cảnh cáo hoặc phạt tiền về vi phạm hành chính về thuế.

b/ Nộp chậm tiền thuế hoặc tiền phạt so với số ngày quy định phải nộp ghi trong thông báo thuế, quyết định truy thu hoặc quyết định xử lý về thuế thì ngoài việc phải nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt theo Luật định, mỗi ngày nộp chậm còn phải nộp phạt bằng 0.1% (một phần nghìn) số tiền chậm nộp.

c/ Khai man thuế, trốn thuế thì ngoài việc phải nộp đủ số thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị phạt tiền từ 1 đến 5 lần số thuế gian lận. Cụ thể như một số các trường hợp:

- Không khai báo hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Khai báo sai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu so với thực tế xuất khẩu, nhập khẩu như sai tên hàng, giá, số lượng, chủng loại, phẩm cấp, chất lượng, xuất xứ hàng...;
- Lập hồ sơ chứng từ mua bán giả, cung cấp không đầy đủ, sai lệch hồ sơ có liên quan đến việc tính thuế cho cơ quan Hải quan;
- Khai báo sai mục đích, thực trạng hàng hóa để được miễn giảm thuế; hoàn thuế;
- Sử dụng hàng hóa được miễn thuế, giảm thuế khác với mục đích đã được miễn, giảm thuế nhưng cố tình không khai báo để kê khai truy nộp thuế, bán hàng miễn thuế sai đối tượng, đưa hàng bán miễn thuế vào thị trường Việt Nam khi chưa được phép v.v...

Trường hợp trốn thuế với số lượng lớn hoặc đã bị xử vi phạm hành chính về thuế mà còn tiếp tục vi phạm hoặc cố hành vi vi phạm nghiêm trọng khác thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

## Tủ sách **NHÀ QUẢN LÝ**

d/ Không nộp thuế, nộp phạt theo quyết định xử lý về thuế thì bị cưỡng chế thi hành bằng các biện pháp sau:

- Trích tiền gửi của đối tượng nộp thuế tại Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc để nộp thuế, nộp phạt.

Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc có trách nhiệm trích tiền từ tài khoản tiền gửi của đối tượng nộp thuế, nộp phạt vào Ngân sách Nhà nước theo quyết định xử lý về thuế của cơ quan Hải quan hoặc cơ quan có thẩm quyền trước khi thu nợ.

- Giữ hàng hóa, tang vật của đối tượng nộp thuế, nộp phạt để đảm bảo thu đủ số thuế, số tiền phạt.

- Kê biên tài sản theo quy định của pháp luật để đảm bảo thu đủ số thuế, số tiền phạt còn thiếu.

- Cơ quan Hải quan không cho phép làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu cho các lô hàng tiếp theo của đối tượng nộp thuế cho đến khi đối tượng đó nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt.

Việc xử lý các vi phạm về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nói trên được thực hiện theo các thủ tục, trình tự quy định tại các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm về thuế.

### **58. Xử phạt vi phạm về thuế đối với hàng hoá nhập khẩu.**

*Mức xử phạt đối với hành vi vi phạm về thủ tục đăng ký nộp thuế, kê khai nộp thuế, hành vi vi phạm chế độ hoá đơn, chứng từ chứng minh việc tính thuế, nộp thuế đối với hàng hoá vận chuyển trên đường được quy định như thế nào?*

## **Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

**Giải đáp:** Theo quy định tại 30/2001/TT-BTC ngày 16 tháng 05 năm 2001 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 128/1998/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thì:

1.1. Vi phạm lần đầu phạt cảnh cáo; nếu vi phạm lần 2 thì phạt tiền từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

Đăng ký nộp thuế, đăng ký mã số thuế (kể cả trường hợp phải đăng ký bổ sung mỗi khi có sự thay đổi) với cơ quan thuế quá thời hạn quy định trong các văn bản hiện hành hướng dẫn thực hiện pháp luật về thuế.

b. Khai không đúng, không đủ các khoản mục quy định trong tờ khai thuế.

1.2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần 2 phạt từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, nếu có 1 tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 6.000.000 đồng, nếu có từ 2 tình tiết tăng nặng trở lên có thể phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a. Không nộp tờ khai thuế cho cơ quan thu thuế trong thời hạn quy định của các văn bản hiện hành hướng dẫn thực hiện pháp luật về thuế.

b. Vận chuyển hàng hoá không kèm theo các hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc tính thuế, nộp thuế, nguồn gốc hàng hoá quy định cho từng đối tượng kinh doanh (sổ mua hàng, tờ khai nhập khẩu, chứng từ, giấy tờ hợp lệ khác).

1.3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm lần đầu nếu vi phạm lần 2 phạt tiền đến 13.000.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không nộp các tờ khai thuế và các giấy tờ khác liên quan đến việc tính thuế, nộp thuế cho cơ quan thu thuế theo quy định của pháp luật. Tình tiết tăng nặng trong trường hợp này còn bao gồm cả việc trì hoãn, không thực hiện thông báo của cơ quan thuế, cụ thể là: sau khi hết hạn nộp các loại giấy tờ trên theo quy định, cơ quan thu thuế gửi giấy thông báo lần thứ nhất cho đối tượng nộp thuế, quá 10 ngày kể từ ngày gửi thông báo mà đối tượng nộp thuế vẫn không nộp, cơ quan thu thuế gửi thông báo lần thứ 2. Nếu quá 10 ngày kể từ ngày gửi thông báo lần thứ 2 mà đối tượng nộp thuế vẫn không nộp thì hành vi này được xác định là có tình tiết tăng nặng.

## **59. Điều kiện, thủ tục hồ sơ đối với hàng nhập khẩu thuộc diện xét miễn thuế.**

*Đối với các loại hàng hoá thuộc diện miễn thuế nhập khẩu thì điều kiện thủ tục hồ sơ xét miễn thuế gồm những gì ?*

**Giải đáp:** Các tổ chức, cá nhân khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc các trường hợp được xét miễn thuế phải có đầy đủ các hồ sơ theo quy định sau:

## Chương I - Vương mắc về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

**1. Đối với hàng nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng, nghiên cứu khoa học và giáo dục, đào tạo:**

*a. Hàng nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng:*

- Công văn đề nghị xét miễn thuế của lãnh đạo Bộ chủ quản;
- Danh mục cụ thể về số lượng, chủng loại hàng nhập khẩu chuyên dùng cho an ninh, quốc phòng do lãnh đạo Bộ chủ quản phê duyệt đã được đăng ký và thống nhất với Bộ Tài chính từ đầu năm (chậm nhất đến hết 31/03 hàng năm Bộ chủ quản đã phải đăng ký kế hoạch nhập khẩu);

- Giấy phép nhập khẩu do Bộ Thương mại cấp (nếu có);
- Tờ khai Hải quan hàng hóa nhập khẩu (đã thanh khoản và tính thuế);
- Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu (nếu là hàng nhập khẩu uỷ thác).

*b. Hàng nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu khoa học:*

- Công văn đề nghị xét miễn thuế của đơn vị thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học;
- Hồ sơ đề tài nghiên cứu khoa học gồm:
  - + Quyết định phê duyệt đề tài cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước;
  - + Danh mục hàng hóa cần nhập khẩu để thực hiện đề tài do cấp phê duyệt đề tài duyệt;

- Tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu (đã thanh khoản và tính thuế);
- Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu (nếu là hàng nhập khẩu uỷ thác).

*c/ Hàng nhập khẩu chuyên dùng phục vụ cho giáo dục, đào tạo:*

- Công văn đề nghị xét miễn thuế của đơn vị thực hiện công tác giáo dục, đào tạo;

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục, đào tạo của Bộ chủ quản;

- Danh mục trang thiết bị thuộc dự án do Bộ chủ quản phê duyệt;
- Tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu (đã thanh khoản và tính thuế);
- Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu (nếu là hàng nhập khẩu uỷ thác).

Bộ Tài chính xem xét và ra quyết định miễn thuế cho từng trường hợp trên cơ sở hồ sơ quy định. Cơ quan Hải quan căn cứ vào quyết định miễn thuế của Bộ Tài chính để thanh khoản số thuế nhập khẩu được miễn và ghi rõ trên tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu: "Hàng miễn thuế theo Quyết định số....ngày....tháng....năm.....của Bộ Tài chính".

**2. Đối với hàng là quà biếu, quà tặng của các tổ chức, cá nhân người nước ngoài cho các tổ chức, cá nhân người Việt Nam và ngược lại, phải có:**

- Công văn đề nghị xét miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan Hải quan cấp (nếu có);

## **Chương I - Vương mác về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

- Thông báo hay quyết định hoặc thỏa thuận tặng hàng của chủ hàng;

- Hồ sơ liên quan đến việc xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng là quà biếu, tặng.

Đối tượng, định mức quà biếu tặng được xét miễn thuế và chế độ quản lý sử dụng thực hiện theo Thông tư số 28 TC/TCT ngày 17/07/1992 của Bộ Tài chính. Riêng hàng là quà biếu, tặng của tổ chức, cá nhân Việt Nam cho cá nhân người nước ngoài và của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cá nhân người Việt Nam thì chỉ được xét miễn thuế cho mỗi cá nhân với lô hàng có giá trị không quá 100 đô la Mỹ (USD). Trường hợp 1 lô hàng được tặng cho nhiều người thì mỗi cá nhân cũng chỉ được miễn thuế trong phạm vi không quá 100 USD và tổng trị giá lô hàng cũng không được vượt quá 1.000 USD. Mọi lô hàng quà biếu, tặng nếu vượt định mức quy định nêu trên thì phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cho toàn bộ lô hàng. Trường hợp đặc biệt lô hàng quà biếu, tặng mang mục đích nhân đạo, từ thiện (kể cả việc tặng máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu, vật tư, phế liệu, sản phẩm của các hợp đồng gia công cho nước ngoài) Bộ Tài chính sẽ xem xét xử lý cụ thể từng trường hợp.

Đối với hàng mẫu của các tổ chức, cá nhân người nước ngoài cho các tổ chức, cá nhân người Việt Nam và ngược lại được thực hiện theo định mức quy định tại Thông tư số 28 TC/TCT ngày 17/07/1992 của Bộ Tài chính; hồ sơ phải có:

- Công văn đề nghị xét miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- Giấy thông báo hoặc thỏa thuận gửi hàng mẫu;

## **Tủ sách NHÀ QUẢN LÝ**

---

- Giấy phép nhập khẩu của cơ quan Hải quan cấp (nếu có);
- Hồ sơ liên quan đến việc xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng.

Căn cứ vào các hồ sơ và quy định trên đây Cục Hải quan các tỉnh, thành phố ra quyết định giải quyết xét miễn thuế cho các lô hàng là quà biếu, tặng, hàng mẫu của các tổ chức, cá nhân người nước ngoài cho cá nhân người Việt Nam và của tổ chức, cá nhân người Việt Nam cho cá nhân người nước ngoài trong định mức quy định (không quá 100USD). Các trường hợp là quà biếu tặng, hàng mẫu khác Bộ Tài chính giải quyết miễn thuế từng trường hợp cụ thể. Trên cơ sở quyết định miễn thuế cơ quan Hải quan phải thanh khoản số thuế được miễn và ghi rõ trên Tờ khai Hải quan hàng xuất nhập khẩu: "Hàng miễn thuế theo quyết định số.....ngày....tháng....năm.....của Bộ Tài chính".

3/ Đối với hàng nhập khẩu để bán miễn thuế do cơ quan Hải quan quản lý theo chế độ quản lý giám sát hàng nhập khẩu để bán miễn thuế quy định tại quy chế về cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế, đảm bảo nguyên tắc: Hàng hóa từ khi nhập khẩu đến khi bán phải chịu sự giám sát quản lý của cơ quan Hải quan.

Hàng nhập khẩu để bán miễn thuế tại các cửa hàng bán miễn thuế nếu đưa vào tiêu thụ tại thị trường Việt Nam hoặc bán cho đối tượng không được miễn thuế, doanh nghiệp kinh doanh cửa hàng miễn thuế phải kê khai nộp thuế theo quy định.

## **CHƯƠNG II**

**VƯỚNG MẮC VỀ**

# **THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XUẤT, NHẬP KHẨU**

## **CHƯƠNG II**

**Trang**

|     |                                                                           |     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|-----|
| 60. | Hoàn thuế GTGT trong trường hợp uỷ quyền ký kết hợp đồng xuất khẩu.       | 106 |
| 61. | Điều kiện hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá uỷ thác xuất khẩu.              | 107 |
| 62. | Thủ tục thanh toán tiền hàng xuất khẩu để được hoàn thuế GTGT đầu vào.    | 108 |
| 63. | Hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu bán chậm, tồn kho.              | 109 |
| 64. | Hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu chưa có đủ các chứng từ thanh toán. | 110 |
| 65. | Khấu trừ thuế GTGT đối với hoá đơn ghi thiếu chỉ tiêu.                    | 111 |
| 66. | Hoàn trả thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa.                               | 112 |
| 67. | Cách tính thuế GTGT đối với hoạt động uỷ thác nhập khẩu.                  | 114 |
| 68. | Khấu trừ thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa.                               | 115 |
| 69. | Thuế GTGT trong trường hợp hàng xuất khẩu không thu được tiền.            | 116 |
| 70. | Hoàn thuế GTGT trong trường hợp nộp thuế hai lần.                         | 116 |
| 71. | Khấu trừ thuế đối với hoá đơn mua hàng của đơn vị bỏ trốn.                | 117 |

|     |                                                                                                     |     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 72. | Thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu thanh toán theo phương thức hàng đổi hàng.                         | 118 |
| 73. | Thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu được thanh toán một phần qua ngân hàng, một phần bằng tiền mặt.    | 119 |
| 74. | Hàng hoá nhập khẩu không chịu thuế GTGT                                                             | 119 |
| 75. | Thu hồi thuế GTGT đã được hoàn đối với hàng hoá xuất khẩu.                                          | 123 |
| 76. | Hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu uỷ thác.                                                | 124 |
| 77. | Thuế GTGT đối với sản phẩm gia công xuất khẩu.                                                      | 125 |
| 78. | Thuế suất thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu theo hình thức phi mậu dịch.                             | 126 |
| 79. | Thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.                         | 127 |
| 80. | So sánh những quy định pháp luật về xử lý hoàn thuế GTGT vào thời điểm trước và sau ngày 1/10/2002. | 129 |
| 81. | Thuế suất thuế GTGT đối với hàng gia công chuyển tiếp để xuất khẩu.                                 | 133 |
| 82. | Khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với doanh thu xuất khẩu không đủ điều kiện hưởng thuế suất 0%.       | 137 |
| 83. | Thuế GTGT đối với dịch vụ bảo hiểm tàu biển.                                                        | 138 |
| 84. | Thuế suất thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam.                      | 139 |

|     |                                                                                                       |     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 85. | Thuế GTGT đối với khách hàng thuộc đối tượng miễn trừ ngoại giao.                                     | 141 |
| 86. | Thuế GTGT 0% đối với hàng xuất khẩu theo phương thức hàng đổi hàng.                                   | 141 |
| 87. | Thanh toán tiền hàng uỷ thác xuất khẩu.                                                               | 143 |
| 88. | Miễn thuế GTGT đối với máy móc xây dựng nhập khẩu.                                                    | 144 |
| 89. | Khấu trừ thuế GTGT nộp thừa do được giảm thuế.                                                        | 144 |
| 90. | Điều kiện, thủ tục hưởng thuế GTGT 0% đối với hàng hoá dịch vụ xuất khẩu thanh toán bằng hàng.        | 145 |
| 91. | Thuế GTGT và Thuế nhập khẩu đối với tài sản của công ty liên doanh giải thể.                          | 149 |
| 92. | Thuế GTGT đối với hàng hoá bán vào khu công nghiệp.                                                   | 150 |
| 93. | Khấu trừ thuế GTGT khâu nhập khẩu đã được điều chỉnh giảm.                                            | 150 |
| 94. | Hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu uỷ quyền ký kết hợp đồng và thanh toán tại Việt Nam.            | 151 |
| 95. | Thuế GTGT đối với máy móc thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng nhập khẩu để tạo tài sản cố định. | 152 |
| 96. | Thuế GTGT đối với phần mềm và dịch vụ phần mềm nhập khẩu.                                             | 154 |
| 97. | Điều kiện được hưởng thuế suất thuế GTGT 0%                                                           | 154 |

đối với hàng hoá xuất khẩu tại chỗ.

- |      |                                                                               |     |
|------|-------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 98.  | Hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu sang các nước có chung đường biên giới. | 156 |
| 99.  | Các hành vi được xem là gian lận trong hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu.         | 157 |
| 100. | Quy định về kiểm tra, thanh tra khi hoàn thuế giá trị gia tăng.               | 159 |

**60. Hoàn thuế GTGT trong trường hợp uỷ quyền ký kết hợp đồng xuất khẩu.**

*Trường hợp công ty uỷ quyền cho xí nghiệp trực thuộc ký kết hợp đồng xuất khẩu với đối tác nước ngoài thì công ty có được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% và được hoàn thuế không?*

**Giải đáp:** Căn cứ điểm 1 mục II phần B Thông tư 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng thì điều kiện doanh nghiệp được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% là hợp đồng xuất khẩu, tờ khai hải quan, chứng từ thanh toán và hoá đơn phải đứng tên của doanh nghiệp.

Do vậy, ngày 20 tháng 10 năm 2003, Tổng cục Thuế đã có Công văn số 3728 TCT/NV2 hướng dẫn trường hợp Công ty uỷ quyền cho xí nghiệp trực thuộc trực tiếp đứng tên ký hợp đồng, các chứng từ hoá đơn liên quan đến lô hàng xuất khẩu đứng tên xí nghiệp trực tiếp xuất khẩu, đảm bảo các điều kiện được áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% thì việc các xí nghiệp trực thuộc tập trung kê khai thuế tại Công ty cũng được hoàn thuế GTGT.

**61. Điều kiện hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá uỷ thác xuất khẩu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi có uỷ thác cho một đơn vị khác xuất khẩu hàng hoá (thông qua hợp đồng uỷ thác xuất khẩu) nhưng không được hoàn thuế GTGT. Chúng tôi được biết theo quy định của pháp luật hiện hành, hàng hoá uỷ thác xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và được hoàn thuế. Vậy doanh nghiệp chúng tôi thiếu điều kiện gì để được hoàn thuế GTGT đầu vào?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại điểm 1 Mục III Thông tư số 82/2002/TT-BTC ngày 18/9/2002 thì hàng hoá uỷ thác xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và phải có các hồ sơ chứng từ chứng minh là hàng thực tế đã xuất khẩu. Cụ thể, doanh nghiệp bạn phải chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ sau:

- Hợp đồng uỷ thác xuất khẩu;
- Hoá đơn GTGT bán hàng hoặc xuất trả hàng gia công cho nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất và cho các đối tượng khác được xác định như xuất khẩu theo quy định của Chính phủ;
- Hàng hoá xuất khẩu cho thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất phải thanh toán qua ngân hàng. Chứng từ thanh toán với thương nhân nước ngoài theo quy định của ngân hàng nhà nước;
- Tờ khai hải quan về hàng hoá xuất khẩu của bên nhận uỷ thác, nếu là bản sao phải có đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu ký, đóng dấu.

Nếu doanh nghiệp thiếu một trong các giấy tờ nêu trên (ví dụ chỉ có hợp đồng uỷ thác xuất khẩu hàng hoá) thì không đủ điều kiện hoàn thuế GTGT.

**62. Thủ tục thanh toán tiền hàng xuất khẩu để được hoàn thuế GTGT đầu vào.**

*Doanh nghiệp chúng tôi ký hợp đồng xuất khẩu hàng hoá với một công ty nước ngoài và thoả thuận việc thanh toán tiền hàng trực tiếp bằng tiền mặt. Thủ tục xuất khẩu và thanh toán đã được hoàn tất nhưng cơ quan thuế không tiến hành thủ tục hoàn thuế GTGT đầu vào cho lô hàng của chúng tôi. Vậy, thực tế quy định của pháp luật đối với trường hợp này như thế nào?*

**Giải đáp:** Hiện nay, hàng hoá xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và được hoàn thuế GTGT đầu vào. Tuy nhiên để được xét hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hàng hoá xuất khẩu doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các thủ tục hồ sơ quy định đối với hàng xuất khẩu và phải thực hiện thanh toán tiền bán hàng hoá xuất khẩu qua ngân hàng.

Theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì thanh toán qua ngân hàng là việc chuyển tiền từ ngân hàng của bên nhập khẩu sang ngân hàng của bên xuất khẩu để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ cho bên xuất khẩu.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp của Quý công ty do thanh toán tiền hàng hoá xuất khẩu trực tiếp bằng tiền mặt, không thông qua ngân hàng nên không đủ điều kiện để được xét hoàn thuế. Tuy nhiên, trong trường hợp này, hoá đơn ghi cho lô hàng thực xuất khẩu vẫn được ghi thuế suất 0% và doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí hợp lý số thuế GTGT đầu vào trên các hoá đơn mua nguyên liệu, phụ liệu liên quan đến hàng xuất khẩu.

**63. Hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu bán chậm, tồn kho.**

*Cơ sở chúng tôi có đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, có nhập khẩu một số lượng hàng hoá lớn nhưng do điều kiện khách quan, hàng bán ra rất chậm, tồn kho lớn, do vậy số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra. Vậy cơ sở chúng tôi được hoàn thuế GTGT như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính ngày 5/6/2003 về việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu (kể cả trường hợp uỷ thác nhập khẩu) thì: cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có nhập khẩu hàng hoá, trong tháng đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu với mặt hàng này, nếu hàng hoá bán ra chậm, tồn kho lớn, cơ sở phát sinh số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra thì được xét hoàn thuế GTGT theo tháng, đối với số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu nhiều loại mặt hàng, thì cơ sở được kê khai bù trừ giữa số thuế GTGT đầu ra với số thuế GTGT đầu vào của các loại hàng hoá. Nếu trong tháng đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu của một mặt hàng và có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ lớn hơn 200 triệu đồng thì được xét hoàn thuế GTGT theo tháng.

Như vậy, trường hợp của Quý công ty trong tháng có nhập khẩu hàng hoá mà số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ thì làm hồ sơ gửi Cục Thuế để được xét hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu theo tháng.

#### **64. Hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu chưa có đủ các chứng từ thanh toán.**

*Doanh nghiệp chúng tôi thực hiện xuất khẩu hàng hoá theo Hợp đồng Chính phủ và hợp đồng thương mại thanh toán trả chậm với nước ngoài. Thực tế số thuế được hoàn của doanh nghiệp hàng tháng là rất lớn nhưng thời gian để nhận được chứng từ thanh toán của đối tác thường kéo dài, do vậy gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp. Vậy trong trường hợp này chúng tôi đề nghị được xét hoàn thuế và bổ sung chứng từ sau có được không? Thủ tục như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại điểm 1 mục III Thông tư số 82/2002/TT-BTC ngày 18/9/2002 quy định hàng hoá xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% phải có hồ sơ, chứng từ chứng minh là

hàng thực tế đã xuất khẩu, trong đó quy định hàng hoá xuất khẩu phải thanh toán qua ngân hàng.

Tuy nhiên, trường hợp doanh nghiệp thực hiện xuất khẩu (kể cả xuất khẩu uỷ thác) theo Hợp đồng Chính phủ hoặc hợp đồng thương mại thanh toán trả chậm với nước ngoài nếu phải chờ đầy đủ chứng từ thanh toán mới được xét hoàn thuế sẽ gây khó khăn về vốn. Đặc biệt đối với doanh nghiệp có doanh số xuất khẩu chiếm tỷ trọng cao và số thuế được hoàn hàng tháng lớn.

Ngày 2/5/2003, Bộ Tài chính đã đồng ý để các doanh nghiệp xuất khẩu theo Hợp đồng Chính phủ hoặc xuất khẩu trả chậm có thời gian thanh toán trên ba tháng được xét hoàn thuế GTGT nếu có đủ thủ tục, hồ sơ theo quy định hiện hành. Đối với tiền hàng thanh toán qua ngân hàng, các doanh nghiệp phải cam kết xuất trình chứng từ thanh toán với cơ quan thuế địa phương khi đến thời hạn thanh toán. Trường hợp đến hạn thanh toán mà doanh nghiệp vẫn chưa thu được tiền hàng xuất khẩu thì cơ quan thuế thu hồi lại tiền thuế GTGT đã hoàn.

## **65. Khấu trừ thuế GTGT đối với hoá đơn ghi thiếu chỉ tiêu.**

*Trường hợp những hoá đơn bán hàng ghi không đầy đủ các chỉ tiêu (thiếu chữ ký của thủ trưởng đơn vị) thì có coi là hợp lệ và được khấu trừ thuế GTGT không?*

**Giải đáp:** Về nguyên tắc, hoá đơn giao cho khách hàng phải ghi đầy đủ các chỉ tiêu. Thủ trưởng đơn vị có thể uỷ quyền cho người có trách nhiệm ký duyệt trên các hoá đơn của đơn vị khi lập và giao cho khách hàng. Việc uỷ quyền phải có quyết định của thủ trưởng đơn vị.

Trường hợp hoá đơn xin khấu trừ của doanh nghiệp thiếu chữ ký của thủ trưởng đơn vị bên bán nhưng có đầy đủ các chỉ tiêu khác như tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, người bán, tên hàng hoá, đơn vị, số lượng, đơn giá, thành tiền, chữ ký của người mua hàng, người được uỷ quyền ký duyệt hoá đơn và thực tế có mua hàng hoá, dịch vụ đúng với hoá đơn thì những hoá đơn này vẫn được chấp nhận kê khai thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

## **66. Hoàn trả thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu nộp thừa.**

*Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu một lô hàng thuộc diện chịu thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu. Tuy nhiên, trong quá trình kê khai nộp thuế, doanh nghiệp chúng tôi có nộp thừa số thuế GTGT. Vậy chúng tôi có được hoàn thuế không và thủ tục hồ sơ quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo hướng dẫn tại Thông tư số 68/2001/TT-BTC ngày 28/8/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn trả các khoản thu đã nộp ngân sách Nhà nước thì doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được cơ quan tài chính hoàn trả các khoản thu

đã nộp vào NSNN khi khoản thu được hoàn trả không thực hiện được bằng hình thức bù trừ vào khoản thu phát sinh phải nộp kỳ sau của doanh nghiệp hoặc đã thực hiện bù trừ nhưng vẫn còn phải hoàn trả vào NSNN.

Do vậy, doanh nghiệp bạn có nộp thừa khoản thuế GTGT của lô hàng nhập khẩu, nếu chưa tiến hành bù trừ với các sắc thuế khác phải nộp của các kỳ tiếp theo thì sẽ được hoàn thuế.

**Về thủ tục giải quyết hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa:**

Để có căn cứ xác định chính xác số thuế đầu vào được khấu trừ đối với các trường hợp được hoàn trả thuế GTGT hàng nhập khẩu, doanh nghiệp phải xuất trình cho cơ quan Hải quan Chứng từ nộp thuế GTGT (bản gốc) của lô hàng đề nghị hoàn thuế. Cơ quan Hải quan sẽ ra quyết định hoàn thuế cho đơn vị đồng thời xử lý các chứng từ đã nộp của đơn vị như sau:

- Trường hợp đơn vị nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước bằng giấy nộp tiền vào NSNN: Kho bạc Nhà nước ghi thêm số tiền thuế GTGT hoàn lại cho đơn vị vào các liên giấy nộp tiền (liên lưu kho bạc và liên gửi đối tượng nộp thuế).

- Trường hợp chứng từ nộp tiền là biên lai do cơ quan Hải quan cấp: cơ quan Hải quan thu hồi biên lai đã giao cho doanh nghiệp, ghi rõ ngày tháng và lý do thu hồi biên lai, đồng thời phát hành 01 biên lai mới ghi số tiền đúng bằng số thuế phải nộp cho đơn vị để thay thế biên lai đã thu hồi.

Sau khi đã hoàn tất các thủ tục nêu trên, cơ quan Hải quan phải lập hồ sơ, bao gồm Công văn đề nghị, Quyết định hoàn trả, Giấy xác nhận số tiền thuộc diện hoàn trả đã thực nộp vào NSNN theo mẫu quy định gửi Kho bạc nhà nước để thực hiện hoàn trả cho doanh nghiệp.

## **67. Cách tính thuế GTGT đối với hoạt động uỷ thác nhập khẩu.**

*Công ty chúng tôi là đơn vị uỷ thác nhập khẩu. Trong hoá đơn GTGT xuất trả hàng cho chúng tôi của đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu không bao gồm khoản chi như dịch vụ mở L/C, bốc dỡ hàng tại cảng. Vậy những khoản chi này được hạch toán như thế nào ?*

**Giải đáp:** Theo hướng dẫn tại điểm 5.3, mục IV phần B Thông tư 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ Tài chính thì hoá đơn GTGT xuất trả hàng nhập khẩu uỷ thác ghi:

(a) Giá bán chưa có thuế GTGT bao gồm: Giá trị hàng hoá hàng hoá thực tế nhập khẩu theo giá CIF, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản phải nộp theo chế độ Nhà nước ở khâu nhập khẩu (nếu có).

(b) Thuế suất thuế GTGT và tiền thuế GTGT ghi theo thông báo nộp thuế của cơ quan hải quan.

(c) Tổng cộng tiền thanh toán.

Do vậy, đối với hoá đơn GTGT xuất trả hàng cho Công ty của đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu sẽ không bao gồm các khoản chi như dịch vụ mở L/C, bốc dỡ hàng tại cảng.

- Đối với các chứng từ chỉ liên quan đến hàng hoá dịch vụ thuộc diện chịu thuế GTGT có hoá đơn GTGT thì bên nhận uỷ thác lập hóa đơn theo đúng giá và thuế GTGT thực trả liên quan đến hàng hóa nhập khẩu uỷ thác; hoá đơn này là căn cứ để bên nhập khẩu uỷ thác và Công ty làm căn cứ thanh toán và làm cơ sở để kê khai thuế GTGT (dầu ra, dầu vào).

- Đối với chứng từ chỉ mang tính chất phí (không có hoá đơn GTGT) thì Công ty và bên nhận uỷ thác làm biên bản thanh lý hợp đồng, chứng từ chỉ là căn cứ để Công ty và bên nhận uỷ thác tính vào chi phí và thanh toán.

### **68. Khấu trừ thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa.**

*Doanh nghiệp chúng tôi là đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp, khi nộp thừa thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu thì được xử lý như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Thông tư 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ Tài chính thì đối với trường hợp doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp thì không được khấu trừ đối với số thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu nộp thừa. Số thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu nộp thừa đó được bù trừ vào số thuế phải nộp của lô hàng sau. Trường hợp nếu doanh nghiệp không tiếp tục nhập khẩu thì được giải quyết hoàn trả số tiền thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu nộp thừa đó theo Quyết định của cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp tiến hành làm thủ tục nhập khẩu hàng hoá.

**69. Thuế GTGT trong trường hợp hàng xuất khẩu không thu được tiền.**

*Doanh nghiệp xuất khẩu hàng thuộc diện được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% nhưng không thu được tiền hàng từ đối tác nước ngoài, vậy thuế GTGT áp dụng trong trường hợp này như thế nào?*

**Giải đáp:** Một trong các điều kiện để áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng xuất khẩu là việc thanh toán phải được thực hiện qua ngân hàng.

Do vậy, trường hợp doanh nghiệp đã xuất khẩu hàng nhưng vì lý do nào đó nên không được thanh toán tiền thì toàn bộ lô hàng sẽ không đủ điều kiện để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn có thể được hạch toán vào chi phí hợp lệ khi tính thuế TNDN đối với số thuế GTGT đầu vào của lô hàng xuất khẩu này nếu có đầy đủ hồ sơ chứng từ chứng minh hàng thực tế đã xuất khẩu nhưng không thu được tiền.

**70. Hoàn thuế GTGT trong trường hợp nộp thuế hai lần.**

*Công ty chúng tôi đã nộp thuế GTGT hai lần cho một lô hàng. Vậy chúng tôi có được hoàn trả thuế GTGT đã nộp không?*

**Giải đáp:** Theo quy định hiện hành, chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu cũng là cơ sở để thực hiện khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đầu vào. Do đó, nếu doanh nghiệp nộp thừa thuế

GTGT khâu nhập khẩu cho cơ quan hải quan do chuyển tiền nộp thuế 2 lần cho một lô hàng, nếu doanh nghiệp có số tiền thuế GTGT đầu vào lớn hơn đầu ra, đủ điều kiện và thuộc đối tượng được hoàn thuế thì sẽ được Cục thuế cấp tỉnh hoàn thuế theo quy định. Số thuế được hoàn bao gồm cả thuế GTGT ở khâu nhập khẩu nộp thừa không được cơ quan hải quan hoàn lại.

### **71. Khấu trừ thuế đối với hoá đơn mua hàng của đơn vị bỏ trốn.**

*Doanh nghiệp chúng tôi mua hàng hoá của đơn vị bạn, có nhận hoá đơn GTGT nhưng cơ quan thuế không cho kê khai tính khấu trừ thuế GTGT trong kỳ, với lý do doanh nghiệp cung cấp hàng hoá là đối tượng bỏ trốn. Quy định của pháp luật trong trường hợp này như thế nào?*

#### **Giải đáp:**

- Trường hợp hoá đơn phát sinh trước ngày doanh nghiệp bán hàng được xác định là bỏ trốn theo thông báo của cơ quan thuế thì:

- + Trường hợp doanh nghiệp nêu là đúng thực tế có mua hàng, hàng hoá mua vào được hạch toán kế toán trên sổ sách đầy đủ, đúng quy định thì đơn vị mua hàng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- + Trường hợp hoá đơn không có hàng mua vào, doanh nghiệp sẽ bị xử lý theo hành vi trốn thuế, không được khấu trừ thuế GTGT

dầu vào và không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Trường hợp hoá đơn phát sinh từ ngày doanh nghiệp bán hàng được xác định là bỏ trốn thì không được kê khai để tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào, không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

## **72. Thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu thanh toán theo phương thức hàng đổi hàng.**

*Doanh nghiệp chúng tôi xuất khẩu hàng hoá và thanh toán theo phương thức hàng đổi hàng. Để được hưởng thuế suất thuế GTGT 0%, chúng tôi phải làm gì?*

**Giải đáp:** Trường hợp hàng hoá xuất khẩu được thanh toán theo phương thức hàng đổi hàng thì một trong các điều kiện để bên xuất khẩu được hưởng thuế GTGT 0% là hợp đồng xuất khẩu phải ghi rõ phương thức thanh toán bằng hàng. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp đã xuất khẩu và nhận thanh toán bằng hàng nhưng không được hưởng thuế GTGT 0% chỉ vì trong hợp đồng không có hoặc không nêu rõ nội dung này.

Để giải quyết vấn đề trên, doanh nghiệp có thể ký Phụ lục hợp đồng để bổ sung hoặc làm rõ điều khoản "thanh toán bằng hàng". Tuy nhiên, việc ký bổ sung phải được thực hiện trước khi hàng hoá xuất khẩu và doanh nghiệp phải có đầy đủ hồ sơ chứng

minh hàng hoá thực tế đã xuất khẩu và thanh toán bằng hàng thì mới được hưởng thuế suất thuế GTGT 0%.

**73. Thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu được thanh toán một phần qua ngân hàng, một phần bằng tiền mặt.**

*Nếu cơ sở chúng tôi ký kết hợp đồng xuất khẩu nhưng chỉ thanh toán một phần qua ngân hàng, phần còn lại bằng tiền mặt thì có được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% không?*

**Giải đáp:** Hiện nay, một trong những điều kiện để được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hóa xuất khẩu là hàng xuất khẩu phải được thanh toán qua ngân hàng.

Trong trường hợp đối tác nước ngoài thanh toán cho doanh nghiệp xuất khẩu một phần bằng tiền mặt, một phần qua ngân hàng thì theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế, chỉ phần hàng hoá thanh toán qua ngân hàng mới đủ điều kiện hưởng thuế suất thuế GTGT 0%, còn phần hàng hóa trả bằng tiền mặt sẽ không được hưởng thuế GTGT 0%.

**74. Hàng hoá nhập khẩu không chịu thuế GTGT**

*Các loại hàng hoá nhập khẩu nào thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại mục II phần A Thông tư 122/2000/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) thì hàng hoá nhập khẩu sau đây thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:

- Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được, cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp;

- Máy bay, dàn khoan, tàu thủy thuê của nước ngoài dưới mọi hình thức dùng cho sản xuất, kinh doanh (loại trong nước chưa sản xuất được).

- Thiết bị, máy móc, phụ tùng; phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư cần thiết để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí; phụ tùng, khí tài máy bay, thiết bị đặc chủng chuyên dùng cho máy bay (loại trong nước chưa sản xuất được)

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh nhập khẩu dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ thuộc diện không chịu thuế GTGT nhưng trong dây chuyền đồng bộ đó có cả loại thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được thì không tính thuế GTGT cho cả dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ.

*Ví dụ:* Công ty Dệt A nhập khẩu một số máy dệt loại trong nước chưa sản xuất được, trong đó có cả một số mô tơ điện đồng bộ của máy dệt là loại trong nước đã sản xuất được thì mô tơ nhập khẩu đồng bộ này cũng không chịu thuế GTGT.

Để xác định thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng, vật liệu xây dựng để hình thành tài sản cố định, phụ tùng, vật tư cần thiết để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí; phụ tùng, khí tài máy bay, thiết bị đặc chủng dùng cho máy bay loại trong nước chưa sản xuất được không phải nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu phải xuất trình cho cơ quan Hải quan các hồ sơ sau:

+ Hợp đồng nhập khẩu, nếu nhập khẩu uỷ thác phải có thêm hợp đồng uỷ thác nhập khẩu;

+ Giấy báo trúng thầu và hợp đồng bán cho các doanh nghiệp theo kết quả đấu thầu (nếu cơ sở nhập khẩu để cung cấp cho dự án trúng thầu);

+ Hợp đồng cho thuê tài chính (nếu Công ty cho thuê tài chính nhập khẩu để cho doanh nghiệp thuê tài chính);

+ Xác nhận thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng, vật tư xây dựng nhập khẩu để tạo tài sản cố định của Giám đốc doanh nghiệp sử dụng tài sản, vật tư xây dựng nhập khẩu hoặc xác nhận của Giám đốc doanh nghiệp (kể cả trường hợp nhập khẩu phụ tùng, vật tư, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư để tiến hành hoạt động thăm dò, phát triển mỏ dầu khí; phụ tùng, khí tài máy bay, thiết bị đặc chủng chuyên dùng cho máy bay).

Riêng đối với máy bay, giàn khoan, tàu thủy thuê của nước ngoài, loại trong nước chưa sản xuất được, dùng cho sản xuất, kinh doanh không phải nộp thuế GTGT, các cơ sở đi thuê chỉ phải xuất trình cho cơ quan Hải quan hợp đồng thuê ký với nước ngoài.

Doanh nghiệp trong trường hợp này bao gồm các pháp nhân là doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Các loại hàng hoá nhập khẩu trên thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu được xác định căn cứ vào danh mục các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng, vật tư xây dựng, vật tư, phụ tùng trong nước đã sản xuất được do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành:

- Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại (bao gồm cả hàng hoá nhập khẩu thuộc nguồn vốn ODA không hoàn lại);

- Quà tặng cho cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; quà biếu, quà tặng cho cá nhân ở Việt Nam;

- Đồ dùng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế;

- Hàng là đồ dùng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi về nước mang theo.

Mức hàng hoá nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT ở khâu nhập khẩu theo mức miễn thuế nhập khẩu quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thủ tục xử lý hàng nhập khẩu viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại không phải chịu thuế GTGT ở khâu nhập khẩu trong các trường hợp này thực hiện theo quy định tại Mục I, điểm 3 Mục II Phần D Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính về miễn thuế nhập khẩu.

Hàng hoá nhập khẩu của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng miễn trừ ngoại giao theo Pháp lệnh miễn trừ ngoại giao được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ thuế GTGT theo quy định hiện hành.

- Hàng chuyển khẩu, quá cảnh, mượn đường qua Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu đã ký với nước ngoài.

**75. Thu hồi thuế GTGT đã được hoàn đối với hàng hoá xuất khẩu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi xuất khẩu hàng hoá cho một Công ty ở nước ngoài, đã được hoàn thuế GTGT đầu vào của lô hàng này nhưng không thu được tiền hàng do đối tác nước ngoài đã phá sản. Trong trường hợp này doanh nghiệp chúng tôi có bị thu hồi lại khoản thuế GTGT đã được hoàn không?*

**Giải đáp:** Theo khoản 2, Điều 1 Nghị định 76/2002/NĐ-CP ngày 13/9/2002 của Chính phủ thì hàng hoá xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và được hoàn thuế phải có đầy đủ các hồ sơ chứng từ chứng minh là hàng thực tế đã xuất khẩu. Việc

thanh toán đối với hàng hoá xuất khẩu để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% phải thực hiện qua ngân hàng.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp công ty đã xuất khẩu hàng hoá nhưng không đòi được tiền do người mua hàng là công ty nước ngoài đã phá sản thì giá trị lô hàng này không đủ điều kiện được áp dụng thuế suất thuế GTGT theo quy định trên.

Do vậy, Cục thuế sẽ tiến hành thu hồi lại khoản tiền thuế GTGT đã hoàn cho Công ty tương ứng với toàn bộ giá trị lô hàng này. Tuy nhiên, số thuế GTGT đầu vào của lô hàng xuất khẩu không đòi được tiền nói trên của công ty được hạch toán vào chi phí hợp lý khi tính thuế Thu nhập doanh nghiệp với điều kiện công ty phải có đầy đủ hồ sơ giấy tờ chứng minh về việc không thu hồi được tiền bán hàng này.

## **76. Hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu uỷ thác.**

*Trường hợp các công ty thành viên cùng uỷ thác cho Tổng công ty xuất khẩu hàng hoá cho nhiều khách hàng nước ngoài thì các công ty thành viên có được hoàn thuế GTGT đầu vào cho lô hàng uỷ thác xuất khẩu không? Thủ tục hồ sơ để được hoàn thuế quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Về trường hợp này, ngày 12/6/2003 Tổng cục Thuế có hướng dẫn như sau:

Trường hợp một Tổng Công ty đứng ra làm đầu mỗi xuất khẩu hàng uỷ thác cho các công ty thành viên, với nhiều chủng loại hàng khác nhau, giao hàng cho nhiều khách nước ngoài và giá cả cũng khác nhau thì lô hàng xuất khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0%. Tuy nhiên, để được hoàn thuế đối với lô hàng này các công ty thành viên phải có hồ sơ xác nhận gửi Cơ quan Thuế.

Hồ sơ bao gồm:

- Hợp đồng uỷ thác xuất khẩu giữa Tổng công ty với đơn vị uỷ thác.
- Hoá đơn giao hàng xuất khẩu uỷ thác.
- Xác nhận của Tổng công ty về số lượng hàng thực tế đã xuất khẩu kèm theo Bảng kê chi tiết tên hàng hoá, số lượng, đơn giá và doanh thu hàng đã xuất cho đơn vị uỷ thác phù hợp với tờ khai hải quan về hàng thực tế đã xuất khẩu.
- Chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng.

### **77. Thuế GTGT đối với sản phẩm gia công xuất khẩu.**

*Chúng tôi là công ty cổ phần vừa thành lập, hoạt động trong lĩnh vực gia công hàng xuất khẩu. Chính sách thuế áp dụng đối với mặt hàng gia công xuất khẩu và nguyên liệu nhập khẩu sản xuất hàng gia công được quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế ngày 17/6/2003 thì trường hợp công ty ký hợp đồng gia công hàng xuất khẩu với nước ngoài, bên nước ngoài sẽ cung cấp một phần nguyên liệu, phần còn lại sẽ do công ty mua trong nước thì sản phẩm gia công xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Tuy nhiên công ty phải có đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh là hàng thực tế đã xuất khẩu theo quy định tại Thông tư 82/2002/TT-BTC. Trong trường hợp này, giá tính thuế GTGT là giá gia công chưa có thuế, bao gồm tiền công, tiền nhiên liệu, động lực, các loại nguyên vật liệu do công ty mua và các chi phí khác để gia công.

Nếu công ty nhập khẩu nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký với nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và được miễn thuế nhập khẩu.

## **78. Thuế suất thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu theo hình thức phi mậu dịch.**

*Doanh nghiệp chúng tôi có xuất khẩu uỷ thác cho một cá nhân trong nước theo hình thức phi mậu dịch. Trường hợp xuất khẩu này có được hưởng thuế suất thuế GTGT 0%?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Thông tư 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ Tài chính thì hàng hoá xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Hợp đồng bán hàng hoá hoặc hợp đồng gia công, sản xuất

## **Chương II - Vương mắc về thuế GTGT đối với hàng hoá XNK**

hàng xuất khẩu ký với nước ngoài, hợp đồng uỷ thác xuất khẩu đối với trường hợp uỷ thác xuất khẩu.

- Hóa đơn GTGT bán hàng hoặc xuất trả hàng gia công cho nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất và cho các đối tượng khác được xác định như xuất khẩu theo quy định của Chính phủ.

- Chứng từ thanh toán tiền hoặc chứng từ xác nhận thanh toán của khách hàng nước ngoài hoặc doanh nghiệp chế xuất.

- Tờ khai hải quan về hàng xuất khẩu có xác nhận hàng đã xuất khẩu của cơ quan hải quan. Trường hợp uỷ thác xuất khẩu thì phải có tờ khai hải quan về hàng hoá xuất khẩu của bên nhận uỷ thác, nếu là bản sao phải có đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu ký, đóng dấu.

Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu uỷ thác cho cá nhân trong nước theo hình thức phi mậu dịch, không có chứng từ thanh toán, cá nhân uỷ nhiệm không có tư cách pháp nhân, không có hợp đồng mua bán ký kết với khách hàng nước ngoài cho nên hàng hoá xuất khẩu uỷ thác nêu trên của doanh nghiệp không đủ điều kiện để được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%.

### **79. Thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.**

*Chúng tôi là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiến hành nhập khẩu nguyên vật liệu và máy móc để sản xuất hàng xuất khẩu. Vậy, chính sách thuế Giá trị gia tăng đối với trường hợp này như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Điều 60 Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 qui định chi tiết Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thì:

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh được tạm chưa phải nộp thuế giá trị gia tăng đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu trong thời hạn tạm chưa phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh không phải nộp thuế giá trị gia tăng đối với:

a) Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ thuộc loại trong nước chưa sản xuất được, nhập khẩu để tạo tài sản cố định của Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Trường hợp dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ nhập khẩu thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, nhưng trong dây chuyền đồng bộ đó có cả loại thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được thì cũng không tính thuế giá trị gia tăng cho cả dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ;

b) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được để tạo tài sản cố định của Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh;

c) Nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất sản phẩm cung cấp cho các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu.

**80. So sánh những quy định pháp luật về xử lý hoàn thuế GTGT vào thời điểm trước và sau ngày 1/10/2002.**

*Sự khác nhau về cơ sở pháp lý và các quy định chi tiết về hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp xuất khẩu như thế nào?*

**Giải đáp:**

| Thời điểm trước ngày 1/1/2002                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Thời điểm sau ngày 1/10/2002                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CƠ SỞ PHÁP LÝ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                     |
| Thông tư 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 79/2000/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT.                                                                                                                                                                                                                                                     | Thông tư số 82/2002/TT-BTC ngày 18/9/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 122/2000/TT-BTC. |
| <b>ĐỐI TƯỢNG VÀ TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC HOÀN THUẾ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                     |
| <p>1- Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được xét hoàn thuế trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng liên tục trở lên (không phân biệt niên độ kế toán) có lũy kế số thuế đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra được hoàn thuế. Số thuế được hoàn là số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết của thời gian xin hoàn thuế.</p> |                                                                                                                                     |

b. Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng, hoặc chuyển hàng (nếu xác định được thuế GTGT đầu vào riêng của chuyển hàng).

Đối với hàng hoá uỷ thác xuất khẩu, gia công xuất khẩu qua một cơ sở khác ký hợp đồng gia công xuất khẩu, gia công chuyển tiếp xuất khẩu, đối tượng hoàn thuế là cơ sở có hàng hoá đi uỷ thác xuất khẩu, cơ sở trực tiếp gia công hàng hoá xuất khẩu.

2- Đối với cơ sở mới thành lập, đầu tư tài sản mới đã đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế nhưng chưa có phát sinh doanh thu bán hàng để tính thuế GTGT đầu ra, nếu thời gian đầu tư từ một năm trở lên được xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của tài sản đầu tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế từng quý.

### **THỦ TỤC HỒ SƠ HOÀN THUẾ GTGT**

**Hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với trường hợp nêu trên gồm:**

- Công văn đề nghị hoàn thuế GTGT nêu rõ lý do hoàn thuế, số thuế đề nghị hoàn, thời gian hoàn (theo mẫu số 10/GTGT ban hành kèm theo Thông tư 122/2000/TT-BTC).

**Hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với trường hợp nêu trên gồm:**

- Công văn đề nghị hoàn thuế GTGT nêu rõ lý do hoàn thuế, số thuế đề nghị hoàn, thời gian hoàn (theo mẫu số 10/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 122/2000/TT-BTC).

quy định tại điểm 1.b nêu trên thì trong công văn đề nghị hoàn thuế phải ghi rõ số tờ khai hàng hoá xuất nhập khẩu và số hợp đồng xuất khẩu (đối với trường hợp trực tiếp xuất khẩu) hoặc số hợp đồng uỷ thác xuất khẩu (đối với trường hợp uỷ thác xuất khẩu).

- Bảng kê khai tổng hợp số thuế phát sinh đầu ra, số thuế đầu vào được khấu trừ, số thuế đã nộp (nếu có), số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra đề nghị hoàn lại.

- Bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ liên quan đến việc xác định thuế GTGT đầu vào, đầu ra (mẫu số 02/GTGT, 03/GTGT, 04/GTGT ban hành kèm theo Thông tư 122/2000/TT-BTC).

Trường hợp việc kê khai thuế hàng tháng đã đầy đủ và chính xác, phù hợp với Bảng kê khai tổng hợp, cơ sở không phải nộp Bảng kê hàng hóa, dịch vụ

thuế phát sinh đầu ra, số thuế đầu vào được khấu trừ, số thuế đã nộp (nếu có), số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra đề nghị hoàn lại.

- Bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ liên quan đến việc xác định thuế GTGT đầu vào, đầu ra (mẫu số 02/GTGT, 03/GTGT, 04/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 122/2000/TT-BTC và Thông tư 82/2002/TT-BTC).

- Trường hợp hoàn thuế theo quy định tại điểm 1.b nêu trên (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và của doanh nghiệp chế xuất) thì phải có bảng kê các hồ sơ có chữ ký và đóng dấu của cơ sở. Bảng kê ghi rõ:

+ Số, ngày tờ khai xuất khẩu của hàng hóa xuất khẩu (trường hợp uỷ thác xuất khẩu phải ghi số, ngày tờ khai xuất khẩu của cơ sở nhận uỷ thác);

mua vào, bán ra các tháng để nghị hoàn thuế. Trường hợp có điều chỉnh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT đầu ra của các tháng trong thời gian hoàn thuế thì cơ sở phải kê khai số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT đầu ra phát sinh từng tháng trong thời gian hoàn thuế, số thuế điều chỉnh phải giải trình rõ lý do.

+ Số, ngày hợp đồng xuất khẩu hoặc số, ngày hợp đồng uỷ thác xuất khẩu đối với trường hợp uỷ thác xuất khẩu;

+ Số, ngày chứng từ thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ xuất khẩu, hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và của doanh nghiệp chế xuất qua Ngân hàng; ghi rõ hình thức và đồng tiền thanh toán;

+ Số, ngày Biên bản thanh lý Hợp đồng uỷ thác xuất khẩu (Hợp đồng uỷ thác gia công xuất khẩu) giữa bên uỷ thác xuất khẩu và bên nhận uỷ thác; số lượng, giá trị, chủng loại hàng hóa uỷ thác xuất khẩu; số, ngày tờ khai xuất khẩu của cơ sở nhận uỷ thác xuất khẩu (đối với trường hợp uỷ thác xuất khẩu);

+ Xuất khẩu hàng hóa theo đường biên giới đất liền, đường biển, đường hàng không; tên nước nhập khẩu.

Trường hợp việc kê khai thuế hàng tháng đã đầy đủ và chính xác, phù hợp với Bảng kê khai tổng hợp, cơ sở không phải nộp Bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra các tháng để nghị hoàn thuế. Trường hợp có điều chỉnh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT đầu ra của các tháng trong thời gian hoàn thuế thì cơ sở phải kê khai số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT đầu ra phát sinh từng tháng trong thời gian hoàn thuế, số thuế điều chỉnh phải giải trình rõ lý do.”

### **81. Thuế suất thuế GTGT đối với hàng gia công chuyển tiếp để xuất khẩu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi ký hợp đồng gia công trực tiếp với thương nhân nước ngoài nhưng được chỉ định giao chuyển tiếp đến một cơ sở gia công trong nước khác để tiếp tục hoàn thiện sản phẩm. Vậy, hàng gia công của đơn vị chúng tôi có được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% không và điều kiện, thủ tục ra sao?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hoá với nước ngoài thì:

a/ Hàng gia công xuất khẩu của cơ sở trực tiếp gia công theo hợp đồng gia công cơ sở đã ký với bên nước ngoài (gọi là cơ sở giao hàng), nhưng hàng gia công chưa được xuất khẩu ra nước ngoài mà được giao chuyển tiếp cho cơ sở khác ở trong nước (gọi là cơ sở nhận hàng) theo chỉ định của bên nước ngoài để tiếp tục gia công thành sản phẩm hoàn chỉnh theo hợp đồng gia công đã ký với nước ngoài, tiền gia công do bên nước ngoài trực tiếp thanh toán.

Như vậy, trường hợp nêu trên sẽ được áp thuế suất thuế GTGT là 0%.

**Điều kiện, thủ tục:** Khi xuất hàng gia công chuyển tiếp cho cơ sở khác theo chỉ định của phía nước ngoài, cơ sở giao hàng lập hoá đơn GTGT ghi thuế suất 0%. Hàng hoá gia công xuất khẩu phải có đủ hồ sơ, chứng từ sau:

- Hợp đồng gia công xuất khẩu và các phụ kiện hợp đồng (nếu có) ký với nước ngoài, trong đó ghi rõ cơ sở nhận hàng tại Việt Nam.
- Hoá đơn GTGT ghi rõ giá gia công và số lượng hàng gia công trả nước ngoài (theo giá quy định trong hợp đồng ký với nước ngoài) và tên cơ sở nhận hàng theo chỉ định của phía nước ngoài;
- Phiếu chuyển giao sản phẩm gia công chuyển tiếp (gọi tắt là Phiếu chuyển tiếp) có đủ xác nhận của bên giao, bên nhận sản

phẩm gia công chuyển tiếp và xác nhận của Hải quan quản lý hợp đồng gia công của bên giao, bên nhận.

- Hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài phải thanh toán qua Ngân hàng. Chứng từ thanh toán với thương nhân nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Về thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp và Phiếu chuyển tiếp thực hiện theo quy định của Tổng cục Hải quan.

Ví dụ: Công ty A ký hợp đồng gia công với nước ngoài 200.000 đôi đế giày xuất khẩu. Giá gia công là 800 triệu đồng. Hợp đồng ghi rõ giao đế giày cho Công ty B tại Việt Nam để sản xuất ra giày hoàn chỉnh.

Trường hợp này Công ty A thuộc đối tượng gia công hàng xuất khẩu chuyển tiếp. Khi lập chứng từ chuyển giao sản phẩm đế giày cho Công ty B, Công ty A ghi rõ số lượng, chủng loại, quy cách sản phẩm đã giao, toàn bộ doanh thu gia công đế giày 800 triệu đồng nhận được tính thuế GTGT là 0%.

b/ Hàng hoá gia công xuất khẩu thông qua cơ sở trực tiếp ký hợp đồng gia công với nước ngoài:

Điều kiện hàng hoá gia công xuất khẩu thông qua cơ sở trực tiếp ký hợp đồng gia công với nước ngoài được áp dụng thuế suất 0%:

- Giá gia công trên hợp đồng gia công ký với nước ngoài phải bằng giá gia công quy định trong hợp đồng ký giữa cơ sở trực tiếp gia công và cơ sở trực tiếp ký hợp đồng gia công với nước ngoài.

- Cơ sở trực tiếp ký hợp đồng gia công với nước ngoài chỉ hưởng hoa hồng trên tiền gia công.

- Hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài phải thanh toán qua Ngân hàng. Chứng từ thanh toán với thương nhân nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Khi xuất hàng gia công cho cơ sở trực tiếp ký hợp đồng gia công với nước ngoài, cơ sở trực tiếp gia công hàng xuất khẩu lập hoá đơn GTGT để thanh toán tiền công gia công, ghi thuế suất 0%.

Trong trường hợp này cơ sở gia công hàng hoá xuất khẩu phải có đủ hồ sơ, chứng từ sau để làm căn cứ áp dụng thuế suất 0%:

+ Hợp đồng gia công hàng hoá ký với nước ngoài của đơn vị trực tiếp ký hợp đồng gia công với nước ngoài (bản sao) do cơ sở ký và đóng dấu;

+ Hợp đồng gia công xuất khẩu ký với cơ sở trực tiếp ký hợp đồng gia công hàng xuất khẩu với nước ngoài.

+ Tờ khai hàng hoá xuất khẩu của cơ sở trực tiếp ký hợp đồng gia công với nước ngoài có xác nhận của Hải quan về số lượng, mặt hàng gia công thực tế đã xuất khẩu (bản sao). Trường hợp tờ khai Hải quan ghi chung hàng hoá xuất khẩu của nhiều cơ sở gia công thì cơ sở trực tiếp ký hợp đồng gia công với nước ngoài phải sao gửi tờ khai Hải quan kèm theo xác nhận bảng kê cụ thể về số lượng, loại hàng gia công xuất khẩu uỷ thác của đơn vị gia công. Bên nhận uỷ thác phải ký, đóng dấu vào bảng kê, bản sao tờ khai Hải quan và chịu trách nhiệm về số liệu trên bảng kê;

+ Biên bản thanh lý hợp đồng gia công uỷ thác xuất khẩu (trường hợp đã kết thúc hợp đồng) hoặc Biên bản đối chiếu công nợ định kỳ có ghi rõ số lượng sản phẩm gia công xuất khẩu đã giao, số

lượng thực xuất khẩu, tiền gia công phải thanh toán, đã thanh toán; ghi rõ số, ngày của chứng từ thanh toán với thương nhân nước ngoài (chứng từ thanh toán của cơ sở trực tiếp ký hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài), hình thức thanh toán qua ngân hàng.

Các hồ sơ trên nếu là bản sao phải có xác nhận sao y bản chính, chữ ký của giám đốc và đóng dấu của doanh nghiệp lưu giữ bản chính.

Ví dụ: Công ty X ký hợp đồng gia công hàng may mặc với nước ngoài may 100.000 bộ quần áo với tiền công là 200 triệu đồng, nhưng Công ty X ký hợp đồng này thông qua một Công ty xuất nhập khẩu Y để xuất trả hàng gia công cho nước ngoài với hoa hồng bằng 5% trên tiền công.

Trường hợp này Công ty X thuộc đối tượng gia công hàng xuất khẩu. Khi lập hoá đơn xuất hàng giao cho Công ty Y, Công ty X được ghi thuế suất 0%, toàn bộ doanh thu gia công hàng xuất khẩu 200 triệu nhận được tính thuế GTGT là 0%. Tiền hoa hồng xuất khẩu Công ty Y phải tính thuế GTGT theo quy định.

## **82. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với doanh thu xuất khẩu không đủ điều kiện hưởng thuế suất 0%.**

*Doanh nghiệp đã xuất khẩu hàng nhưng không còn đầy đủ hồ sơ chứng từ chứng minh thì có được hưởng thuế suất 0% và khấu trừ thuế GTGT không?*

**Giải đáp:** Các trường hợp hàng hoá thực tế đã xuất khẩu nhưng không đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh là hàng hoá xuất khẩu được hưởng thuế suất 0% (như không có chứng từ chứng minh hàng thanh toán qua ngân hàng, Hóa đơn GTGT...) thì không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế, hoàn thuế GTGT đầu vào liên quan đến hàng hoá xuất khẩu. Thuế GTGT đầu vào được tính vào chi phí hoặc giá thành hàng hoá xuất khẩu.

Đối với trường hợp doanh nghiệp vừa có hoạt động xuất khẩu hàng hoá chịu thuế GTGT ra nước ngoài, vừa có sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tiêu thụ trong nước; trong số hàng hoá xuất khẩu có lô hàng thực tế xuất khẩu nhưng không đủ điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% thì chỉ loại trừ thuế GTGT đầu vào của lô hàng này.

### **83. Thuế GTGT đối với dịch vụ bảo hiểm tàu biển.**

*Thuế GTGT đối với dịch vụ bảo hiểm tàu biển chuyên hoạt động vận tải quốc tế được áp dụng như thế nào?*

**Giải đáp:** Hàng hoá, dịch vụ cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế và các đối tượng tiêu dùng ngoài Việt Nam, trừ sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện, vận tải cho nước ngoài và dịch vụ xuất khẩu lao động thuộc diện không chịu thuế GTGT.

Vì vậy, thuế GTGT đối với dịch vụ bảo hiểm cung cấp cho tàu biển chuyên vận tải quốc tế được thực hiện như sau:

- Dịch vụ cung cấp cho tàu nước ngoài vận tải quốc tế là dịch vụ cho đối tượng tiêu dùng ngoài Việt Nam không phải chịu thuế GTGT.

- Dịch vụ cung cấp cho tàu Việt Nam là dịch vụ cung ứng cho đối tượng tiêu dùng tại Việt Nam thì phải chịu thuế GTGT.

**84. Thuế suất thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam.**

*Công ty chúng tôi khi ký kết hợp đồng xuất khẩu với khách hàng Trung Quốc có quy định thanh toán bằng đồng đô la quy đổi ra đồng Việt Nam theo hình thức điện chuyển tiền thì có được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% không?*

**Giải đáp:** Hàng hoá xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% phải có các hồ sơ, chứng từ chứng minh là hàng thực tế đã xuất khẩu, cụ thể như sau:

- Hợp đồng bán hàng hoá hoặc hợp đồng gia công, sản xuất hàng xuất khẩu ký với nước ngoài, hợp đồng uỷ thác xuất khẩu đối với trường hợp uỷ thác xuất khẩu.

- Hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT) bán hàng hoặc xuất trả hàng gia công cho nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất và cho các đối tượng khác được xác định như xuất khẩu theo quy định của Chính phủ.

- Chứng từ thanh toán tiền hoặc chứng từ xác nhận thanh toán của khách hàng nước ngoài hoặc doanh nghiệp chế xuất.

- Tờ khai hải quan về hàng xuất khẩu có xác nhận hàng đã xuất khẩu của cơ quan hải quan. Trường hợp uỷ thác xuất khẩu thì phải có tờ khai hải quan về hàng hoá xuất khẩu của bên nhận uỷ thác, nếu là bản sao phải có đơn vị nhận uỷ thác ký, đóng dấu.

Theo hướng dẫn trên thì chứng từ thanh toán tiền hoặc chứng từ xác nhận thanh toán của khách hàng nước ngoài hoặc doanh nghiệp chế xuất là một trong các điều kiện chứng minh hàng thực xuất khẩu được hưởng thuế suất thuế GTGT 0%.

Trường hợp trong hợp đồng ký với khách hàng Trung Quốc quy định thanh toán bằng đồng USD, Nhân dân tệ quy đổi ra đồng Việt Nam theo hình thức điện chuyển tiền, nhưng thực tế các đơn vị mua hàng trả tiền cho Công ty bằng tiền mặt (đồng Việt Nam). Nếu tiền mặt khách hàng thanh toán có gốc ngoại tệ tại tài khoản Việt Nam đồng mở tại Ngân hàng để thanh toán (có xác nhận của Ngân hàng phục vụ) theo quy định tại Nghị định 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối, thì chứng từ thu tiền mặt (đồng Việt Nam) trong trường hợp này được coi là hợp lệ cùng các chứng từ hồ sơ khác theo quy định trên là cơ sở áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

**85. Thuế GTGT đối với hàng hoá bán cho khách hàng thuộc đối tượng miễn trừ ngoại giao.**

*Nếu bán hàng cho các đối tượng thuộc diện ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, thuế GTGT xác định như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo hướng dẫn tại Nghị định số 76/2002/NĐ-CP ngày 13/9/2002 của Chính phủ, đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về Ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng sẽ được hoàn lại số thuế GTGT đã trả ghi trên hoá đơn GTGT.

Vì vậy, trường hợp đơn vị bán hàng cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho các đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao tính từ ngày 1/10/2002 phải lập hoá đơn theo quy định, tính thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ bán ra và được khấu trừ thuế GTGT đầu vào (không thực hiện không tính thuế GTGT như hướng dẫn tại Thông tư số 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ Tài chính).

**86. Thuế GTGT 0% đối với hàng xuất khẩu theo phương thức hàng đổi hàng.**

*Trường hợp đối tác nước ngoài nhập khẩu thanh toán tiền hàng bằng hàng hoá, mà điều này chưa được ghi trong hợp đồng. Vậy, để được hưởng thuế suất thuế GTGT 0%, doanh nghiệp cần xử lý như thế nào?*

**Giải đáp:** Trường hợp hàng hoá xuất khẩu theo phương thức hàng đổi hàng thì một trong những điều kiện để bên xuất khẩu được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% là hợp đồng xuất khẩu phải ghi rõ phương thức thanh toán bằng hàng.

Theo quy định tại Điều 57 Luật Thương mại, thì "*Các Bên có thể thoả thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hoá theo trình tự và thủ tục phù hợp với từng loại hợp đồng*".

Theo quy định tại Điều 21 Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế, thì: "*Các bên có quyền ký các bản phụ lục hợp đồng để chi tiết và cụ thể hoá các điều khoản của hợp đồng kinh tế. Nội dung phụ lục hợp đồng không được trái với nội dung hợp đồng kinh tế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế, các bên có quyền ký biên bản bổ sung những điều mới thoả thuận vào hợp đồng kinh tế. Biên bản bổ sung có giá trị pháp lý như hợp đồng kinh tế*".

Căn cứ những quy định nêu trên, để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% trong trường hợp đơn vị xuất khẩu hàng hoá và thanh toán bằng hàng nhưng không thể hiện rõ trên Hợp đồng xuất, nhập khẩu, hai bên có thể ký phụ lục Hợp đồng để cụ thể hoá nội dung thanh toán bằng hàng hoặc Biên bản bổ sung Hợp đồng để bổ sung điều khoản thanh toán bằng hàng *trước khi xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá*. Ngoài ra, doanh nghiệp phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh hàng hoá thực tế đã xuất khẩu và thanh toán bằng hàng theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2002/TT-BTC.

## **87. Thanh toán tiền hàng uỷ thác xuất khẩu.**

*Trường hợp công ty nhận uỷ thác xuất khẩu thanh toán tiền hàng xuất khẩu cho bên uỷ thác xuất khẩu với giá trị cao hơn hoặc thấp hơn giá trị tiền hàng phía nước ngoài đã thanh toán. Vậy bên uỷ thác xuất khẩu có được hưởng thuế suất GTGT 0% và hoàn thuế GTGT đầu vào không ?*

**Giải đáp:** Theo quy định của Thông tư số 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT thì Công ty uỷ thác xuất khẩu được xét hoàn thuế GTGT đối với lô hàng xuất khẩu, công ty nhận uỷ thác xuất khẩu chỉ được hưởng hoa hồng uỷ thác xuất khẩu.

Về giá trị hàng xuất khẩu được xét hoàn thuế là giá trị do phía nước ngoài thanh toán cho Công ty uỷ thác xuất khẩu. Trường hợp phía nước ngoài thanh toán tiền hàng qua công ty nhận uỷ thác xuất khẩu thì giá trị để xét hoàn thuế GTGT cho công ty uỷ thác xuất khẩu là giá trị hàng hoá xuất khẩu được phía nước ngoài thực tế thanh toán qua bên nhận uỷ thác để thanh toán cho bên uỷ thác xuất khẩu.

Nếu Công ty nhận uỷ thác xuất khẩu thanh toán cho công ty uỷ thác xuất khẩu với giá trị cao hoặc thấp hơn giá trị phía nước ngoài thanh toán thì công ty uỷ thác xuất khẩu phải giải trình rõ nguyên nhân với cơ quan Thuế, nếu không giải trình rõ được thì lô

hàng đó không đủ điều kiện để được áp dụng thuế suất GTGT 0% và được hoàn thuế.

**88. Miễn thuế GTGT đối với máy móc xây dựng nhập khẩu.**

*Chúng tôi là doanh nghiệp có nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư xây dựng tạo tài sản của doanh nghiệp, vậy chúng tôi có phải nộp thuế GTGT đối với máy móc, thiết bị này không?*

**Giải đáp:** Theo quy định hiện hành, máy móc, thiết bị, vật tư xây dựng nhập khẩu tạo tài sản của doanh nghiệp loại trong nước đã sản xuất được nhưng nằm trong dây chuyền công nghệ nhập khẩu thì cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Như vậy, nếu doanh nghiệp đáp ứng được các điều kiện trên đây thì không phải nộp thuế GTGT khi nhập khẩu hàng hoá.

**89. Khấu trừ thuế GTGT nộp thừa do được giảm thuế.**

*Chúng tôi là đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. Vậy chúng tôi có được khấu trừ đối với số tiền thuế GTGT nộp thừa do được giảm theo quyết định của cơ quan Hải quan không?*

**Giải đáp:** Theo quy định hiện hành, đơn vị sẽ không được khấu trừ số tiền thuế GTGT đó. Số tiền thuế này sẽ được giải quyết như sau:

- Nếu đơn vị tiếp tục thực hiện nhập khẩu uỷ thác qua một doanh nghiệp khác thì cần liên hệ với cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hoá để được bù trừ vào số thuế phải nộp của lô hàng sau.

- Nếu đơn vị không tiếp tục nhập khẩu thì được giải quyết hoàn trả lại số tiền thuế GTGT theo quyết định của cơ quan Hải quan.

**90. Điều kiện, thủ tục hưởng thuế GTGT 0% đối với hàng hoá dịch vụ xuất khẩu thanh toán bằng hàng.**

*Chúng tôi được biết hiện nay pháp luật có quy định các cơ sở sản xuất kinh doanh khi thanh toán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu bằng hàng sẽ được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Nay cơ sở chúng tôi đang có nhu cầu sản xuất, gia công hàng xuất khẩu thanh toán bằng hàng theo Hợp đồng dài hạn với phía nước ngoài thì phải đảm bảo điều kiện và tuân theo thủ tục nào để được hưởng các ưu đãi trên?*

**Giải đáp:** Theo quy định hiện hành, các trường hợp hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu thanh toán bằng hàng là trường hợp xuất khẩu hàng hoá (kể cả gia công hàng xuất khẩu), dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi tắt là phía nước ngoài) nhưng việc thanh toán giữa doanh nghiệp Việt nam và phía nước ngoài bằng hình thức bù trừ giữa giá trị hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, tiền công gia công hàng hoá xuất khẩu với giá trị hàng hoá dịch vụ mua của phía nước ngoài.

Trong trường hợp này, cơ sở sản xuất kinh doanh sẽ được hoàn thuế nếu chứng minh được hàng hoá, dịch vụ thực tế đã xuất khẩu, hàng hoá đã thực tế nhập khẩu và đã thực hiện thanh toán bù trừ.

**Thủ tục, hồ sơ hoàn thuế được quy định như sau:**

Doanh nghiệp gửi hồ sơ đến cơ quan thuế bao gồm:

- Công văn đề nghị hoàn thuế GTGT nêu rõ lý do hoàn thuế, số thuế đề nghị hoàn, thời gian hoàn. Công văn ghi rõ là hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu thanh toán theo phương thức bù trừ với hàng hoá nhập khẩu, dịch vụ mua của phía nước ngoài.

- Bảng kê khai tổng hợp số thuế phát sinh đầu ra, số thuế đầu vào và được khấu trừ, số thuế đã nộp (nếu có), số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra đề nghị hoàn lại, trong đó kê rõ số thuế đầu vào được khấu trừ của hàng hoá nhập khẩu (số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu), số thuế GTGT nộp thay cho phía nước ngoài đối với dịch vụ mua của nước ngoài để thanh toán bù trừ với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu.

- Bảng kê hàng hoá, dịch vụ mua vào bán ra trong kỳ liên quan đến việc xác định thuế GTGT đầu vào, đầu ra, trong đó kê rõ số lượng, giá trị hàng hoá đã nhập khẩu, dịch vụ đã mua của nước ngoài để thanh toán bù trừ với hàng hoá dịch vụ xuất khẩu.

Trường hợp việc kê khai thuế hàng tháng đã đầy đủ và chính xác, phù hợp bảng kê khai tổng hợp, cơ sở không phải nộp Bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra các tháng đề nghị hoàn thuế.

Trường hợp có điều chỉnh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT đầu ra của các tháng trong thời gian hoàn thuế thì cơ sở phải kê khai số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT đầu ra phát sinh từng tháng trong thời gian hoàn thuế, số thuế điều chỉnh phải giải trình rõ lý do.

- Bảng kê các hồ sơ có chữ ký và đóng dấu của cơ sở:

+ Số, ngày Hợp đồng xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ ký với phía nước ngoài.

+ Số, ngày Hợp đồng mua hàng hoá nhập khẩu dịch vụ của phía nước ngoài (gọi tắt là hợp đồng nhập khẩu) thanh toán bù trừ với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu.

+ Số ngày Tờ khai xuất khẩu của hàng hoá xuất khẩu.

+ Số, ngày Tờ khai nhập khẩu của hàng hoá nhập khẩu mua của phía nước ngoài thanh toán bù trừ với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu.

+ Số, ngày văn bản xác nhận với phía nước ngoài về việc số tiền thanh toán bù trừ giữa hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu với hàng hoá dịch vụ mua của phía nước ngoài.

Trường hợp sau khi thanh toán bù trừ giữa giá trị hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu và giá trị hàng hoá dịch vụ nhập khẩu có chênh lệch thì số tiền chênh lệch phải thực hiện thanh toán qua ngân hàng. Doanh nghiệp phải kê khai trong Bảng kê kèm theo về số ngày, chứng từ thanh toán qua ngân hàng, số tiền thanh toán.

Các Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ, Hợp đồng nhập khẩu mua hàng hoá dịch vụ với phía nước ngoài phải theo đúng quy định của Luật Thương mại ghi rõ: số lượng, chủng loại, giá trị hàng hoá, dịch vụ, giá bán (mua), giá gia công (đối với trường hợp gia công hàng hoá), hình thức thanh toán bù trừ giữa giá trị hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu và giá trị hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu mua của phía nước ngoài.

Căn cứ những điều kiện nêu trên, đối với trường hợp của công ty thực hiện gia công hàng xuất khẩu, thanh toán theo phương thức bù trừ (có Hợp đồng dài hạn với phía nước ngoài) thì phải đáp ứng thêm điều kiện sau:

- Phải đăng ký với cơ quan Thuế về Hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng nhập khẩu, kế hoạch thanh toán với khách hàng nước ngoài;

- Định kỳ cơ sở phải có văn bản xác nhận về số lượng giá trị hàng hoá đã thanh toán bù trừ với phía nước ngoài.

Ngoài các hồ sơ thủ tục nêu trên, công ty phải gửi đến cơ quan thuế các hồ sơ khác liên quan đến hoàn thuế, khấu trừ thuế, và phải lưu giữ đầy đủ tài liệu tại trụ sở công ty. Đây là căn cứ xác định số thuế phải nộp hoặc được hoàn khi cơ quan thuế tiến hành kiểm tra, thanh tra hoàn thuế.

**91. Thuế GTGT và Thuế nhập khẩu đối với tài sản của công ty liên doanh giải thể.**

*Khi giải thể công ty liên doanh, chính sách thuế đối với các tài sản của công ty được quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo các quy định hiện hành, nếu công ty liên doanh giải thể thì thuế đối với tài sản của công ty được quy định như sau:

- Số máy móc thiết bị do bên nước ngoài góp vốn đã được miễn thuế nhập khẩu, nay bên nước ngoài nhận lại và tái xuất thì không phải truy nộp số thuế nhập khẩu đã được miễn.

- Đối với số hàng quà biếu (máy móc, trang thiết bị văn phòng, dụng cụ làm việc) do bên nước ngoài nhập khẩu, Công ty liên doanh đã kê khai nộp thuế và đã kê khai thuế GTGT đầu vào để được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT, nay bên nước ngoài nhận lại thì không được hoàn lại thuế GTGT, khi bên nước ngoài sử dụng số hàng này vào dự án khác tại Việt Nam thì phải kê khai nộp thuế GTGT theo quy định.

- Đối với số tài sản của công ty liên doanh mua tại Việt Nam nay nhượng lại cho các bên tham gia liên doanh thì phải kê khai nộp thuế GTGT theo quy định.

## **92. Thuế GTGT đối với hàng hoá bán vào khu công nghiệp.**

*Doanh nghiệp chúng tôi có hoạt động bán hàng cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Vậy chúng tôi có được hưởng mức thuế suất GTGT 0% đối với hàng hoá bán vào Khu công nghiệp không?*

**Giải đáp:** Theo quy định hiện hành, hàng hoá được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% là hàng hoá xuất khẩu bao gồm cả hàng gia công xuất khẩu. Xuất khẩu bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài và xuất khẩu vào khu chế xuất.

Như vậy, đối chiếu với các quy định trên, hàng hoá do doanh nghiệp bán cho các đơn vị trong Khu Công nghiệp thì không thuộc đối tượng được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0%.

## **93. Khấu trừ thuế GTGT khâu nhập khẩu đã được điều chỉnh giảm.**

*Việc khấu trừ đối với thuế GTGT khâu nhập khẩu đã được điều chỉnh giảm được thực hiện như thế nào?*

**Giải đáp:** Căn cứ theo các quy định hiện hành, trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu theo thông báo thuế của cơ quan Hải quan nhưng sau đó được điều chỉnh giảm thì số thuế GTGT đã nộp theo thông báo thuế của cơ quan hải quan của đơn vị sẽ được khấu trừ tại cơ quan thuế địa phương khi kê khai nộp thuế GTGT.

**94. Hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu uỷ quyền ký kết hợp đồng và thanh toán tại Việt Nam.**

*Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá thuộc diện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nhưng phía đối tác nước ngoài uỷ quyền cho người Việt Nam ở Việt Nam ký kết Hợp đồng và thanh toán. Trường hợp này có hợp lệ không và thực hiện như thế nào?*

**Giải đáp:** Trường hợp Hợp đồng mua, bán hàng hoá do bên nước ngoài uỷ quyền cho người Việt Nam ở Việt Nam đại diện bên mua ký kết và thanh toán thì xử lý như sau:

**- Về uỷ quyền ký Hợp đồng:**

Người ký hợp đồng kinh tế phải là đại diện hợp pháp của pháp nhân đứng tên đăng ký kinh doanh. Trường hợp đại diện hợp pháp của pháp nhân hoặc người đứng tên đăng ký kinh doanh uỷ quyền cho người khác thay mình ký Hợp đồng kinh tế phải thực hiện bằng văn bản.

Mặt khác, Hợp đồng mua bán hàng hoá với thương nhân nước ngoài phải được ký kết giữa một bên là thương nhân Việt Nam với một bên là thương nhân nước ngoài.

Do vậy, trường hợp phía nước ngoài được quyền uỷ quyền cho người Việt Nam đang ở Việt Nam có đủ năng lực pháp luật ký hợp đồng mua bán; việc uỷ quyền này phải được lập thành văn bản và phải ghi rõ trong Hợp đồng; nội dung và các điều kiện khác của Hợp đồng phải phù hợp với quy định của Luật thương mại thì Hợp đồng mua bán hàng hoá này mới đảm bảo tính hợp pháp.

**- Về uỷ quyền thanh toán:**

Trường hợp phía nước ngoài ký hợp đồng mua bán trực tiếp với cơ sở xuất khẩu Việt Nam, sau đó phía nước ngoài uỷ quyền cho người Việt Nam đang ở Việt Nam đại diện phía nước ngoài thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt cho cơ sở xuất khẩu Việt Nam, nếu có đầy đủ chứng từ liên quan đến việc thanh toán và xác minh là tiền thanh toán cho lô hàng xuất khẩu của Hợp đồng mua bán hàng hoá, đồng tiền và phương thức thanh toán ghi trong chứng từ thanh toán phù hợp với Hợp đồng mua bán hàng hoá và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước thì thủ tục thanh toán đó là hợp lệ.

**95. Thuê GTGT đối với máy móc thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng nhập khẩu để tạo tài sản cố định.**

*Doanh nghiệp chúng tôi ký hợp đồng nhập khẩu uỷ thác cho một đơn vị trúng thầu cung cấp thiết bị, máy móc mà trong nước chưa sản xuất được cho một doanh nghiệp để tạo tài sản cố định thực hiện dự án đầu tư theo kết quả*

***đấu thầu. Xin hỏi, chúng tôi có phải nộp thuế GTGT đối với thiết bị, máy móc nhập khẩu nêu trên hay không và thủ tục giấy tờ như thế nào?***

**Giải đáp:** Tại điểm 4, mục II, phần A Thông tư 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 quy định: Thiết bị máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được, cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Do vậy, trường hợp đơn vị trúng thầu cung cấp thiết bị máy móc cho doanh nghiệp để tạo tài sản cố định thực hiện dự án theo kết quả đấu thầu nhưng đơn vị trúng thầu không trực tiếp nhập khẩu mà uỷ thác cho đơn vị khác nhập khẩu thì số thiết bị, máy móc nhập khẩu nêu trên vẫn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Để không phải nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, doanh nghiệp nhập khẩu cần xuất trình với cơ quan hải quan cửa khẩu các giấy tờ sau:

- Thông báo trúng thầu của đơn vị có dự án đầu tư
- Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu ký giữa đơn vị trúng thầu và doanh nghiệp nhận uỷ thác nhập khẩu:
- Hợp đồng nhập khẩu của doanh nghiệp nhận uỷ thác nhập khẩu với khách nước ngoài.
- Xác nhận hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của Giám đốc doanh nghiệp sử dụng tài sản.

**96. Thuế GTGT đối với phần mềm và dịch vụ phần mềm nhập khẩu.**

*Công ty chúng tôi tiến hành mua phần mềm cùng với các dịch vụ đào tạo, hướng dẫn từ một công ty nước ngoài. Vậy, chúng tôi có phải nộp thuế GTGT không?*

**Giải đáp:** Theo hướng dẫn ngày 03 tháng 4 năm 2003 của Tổng cục Thuế, các dịch vụ liên quan đến phần mềm như tư vấn phần mềm, dịch vụ huấn luyện, đào tạo về công nghệ phần mềm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Do vậy, trường hợp doanh nghiệp nước ngoài cung cấp phần mềm và dịch vụ phần mềm cho doanh nghiệp Việt Nam thì phần mềm và dịch vụ phần mềm này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải khấu trừ, nộp thay thuế Thu nhập Doanh nghiệp khi thanh toán tiền cho doanh nghiệp nước ngoài.

**97. Điều kiện được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hoá xuất khẩu tại chỗ.**

*Để được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hoá xuất khẩu tại chỗ doanh nghiệp xuất khẩu phải đáp ứng các điều kiện gì?*

**Giải đáp:** Hàng hoá sản xuất tại Việt Nam bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài được coi là hàng xuất khẩu tại chỗ.

1. Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% khi đáp ứng đủ điều kiện sau:

- Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ, nhập khẩu tại chỗ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng mua bán ngoại thương ký với thương nhân nước ngoài, trong đó ghi rõ mặt hàng, số lượng, tên và địa chỉ của doanh nghiệp nhận hàng tại Việt Nam.

- Thương nhân nước ngoài phải thực hiện thanh toán tiền đổi với hàng xuất khẩu tại chỗ bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi qua Ngân hàng.

- Doanh nghiệp phải mở tờ khai Hải quan hàng hoá xuất khẩu nhập khẩu tại chỗ.

- Hàng hoá doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ sản xuất (nếu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) phải phù hợp với quy định tại giấy phép đầu tư.

2. Doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ phải xuất trình với cơ quan thuế địa phương đầy đủ các hồ sơ sau:

- Hoá đơn GTGT xuất giao cho doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ khi giao hàng, trên hoá đơn GTGT phải ghi rõ tên thương nhân nước ngoài, tên doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ nhận hàng (cơ sở nhập khẩu) và địa điểm giao hàng tại Việt Nam.

- Hợp đồng mua bán ký giữa doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ với thương nhân nước ngoài.

- Chứng từ thanh toán tiền hàng xuất khẩu tại chỗ với thương nhân nước ngoài qua ngân hàng và bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ.

Trường hợp cơ sở xuất khẩu tại chỗ không có đủ thủ tục, hồ sơ trên thì không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, cơ sở xuất khẩu tại chỗ phải thực hiện nộp thuế GTGT theo quy định của Luật thuế GTGT như hàng hoá tiêu thụ nội địa.

**98. Hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu sang các nước có chung đường biên giới.**

*Đơn vị tôi xuất khẩu hàng hoá sang các nước láng giềng từ nhiều năm nay nên thường thoả thuận phương thức thanh toán tiền hàng trực tiếp hoặc bán hàng uỷ quyền cho một đơn vị khác tại Việt nam thanh toán qua ngân hàng cho chúng tôi. Trong trường hợp này chúng tôi có được hoàn thuế GTGT không?*

**Giải đáp:** Hiện nay, một trong những điều kiện để được hoàn thuế GTGT hàng xuất khẩu là doanh nghiệp phải thực hiện thanh toán qua ngân hàng.

Theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước về việc thực hiện thanh toán tiền bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng thì thanh toán qua ngân hàng là việc chuyển tiền từ ngân hàng của bên nhập khẩu sang ngân hàng của bên xuất khẩu để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ cho bên xuất khẩu.

Trường hợp của doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá sang các nước có chung đường biên giới với Việt Nam, người mua ở nước ngoài uỷ quyền cho người Việt Nam chuyển tiền vào ngân hàng các tỉnh biên giới để trả tiền hàng cho doanh nghiệp bán thì trong trường hợp này hàng hoá xuất khẩu của doanh nghiệp không đủ điều kiện để áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Do vậy, doanh nghiệp không thuộc diện được xét hoàn thuế GTGT lô hàng xuất khẩu nêu trên.

**99. Các hành vi được xem là gian lận trong hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu.**

*Xin cho biết theo quy định mới của Bộ Tài chính, những hành vi nào được coi là gian lận trong quá trình kê khai nộp thuế, hoàn thuế GTGT ?*

**Giải đáp:** Theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2002/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Tài chính thì các hành vi sau đây được coi là hành vi gian lận trong kê khai nộp thuế, hoàn thuế GTGT:

+ Sử dụng hoá đơn, chứng từ không hợp pháp, bao gồm hoá đơn in giả; hoá đơn khống (không bán hàng hoá, dịch vụ); hoá đơn giao cho người mua (liên 2) ghi khác với hoá đơn lưu tại cơ sở kinh doanh (liên 1); hoá đơn ghi giá trị cao hơn giá trị thực tế của hàng hoá, dịch vụ bán ra; hoá đơn đã qua tẩy xóa; lập khống bảng kê hàng hoá mua vào thuộc đối tượng được khấu trừ thuế GTGT theo tỷ lệ %; lập giả chứng từ nộp thuế GTGT khấu nhập khấu để gian lận trong kê khai nộp thuế, hoàn thuế GTGT;

+ Bán hàng hóa, dịch vụ không lập hóa đơn, không kê khai nộp thuế GTGT;

+ Sử dụng hóa đơn của cơ sở kinh doanh khác để bán hàng hóa, dịch vụ nhưng không kê khai thuế GTGT;

+ Hàng hóa bán trong nước nhưng kê khai là xuất khẩu để hưởng thuế suất 0%;

+ Kê khai thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ không dùng cho hoạt động SXKD hoặc dùng cho hoạt động SXKD hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT để khấu trừ thuế;

+ Các hành vi gian lận khác nhằm chiếm đoạt tiền thuế của Ngân sách Nhà nước.

**100. Quy định về kiểm tra, thanh tra khi hoàn thuế giá trị gia tăng.**

*Hiện nay, quy định của pháp luật về việc kiểm tra, thanh tra trong quá trình hoàn thuế Giá trị Gia tăng như thế nào, doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện gì?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Thông tư 82/2002/TT-BTC ngày 18/9/2002 thì doanh nghiệp thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT sẽ bị áp dụng kiểm tra thanh tra trong hai trường hợp sau:

a/ Đối tượng áp dụng kiểm tra, thanh tra trước khi hoàn thuế:

- Cơ sở kinh doanh mới thành lập có thời gian kinh doanh dưới 01 năm, đề nghị hoàn thuế lần đầu;

- Cơ sở kinh doanh đã có các hành vi vi phạm gian lận về thuế GTGT;

- Cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa là nông sản, lâm sản, thủy hải sản chưa qua chế biến theo đường biên giới đất liền;

- Cơ sở kinh doanh chia tách, giải thể, phá sản.

b/ Đối tượng áp dụng hoàn thuế trước, kiểm tra sau: là các đối tượng không thuộc đối tượng quy định tại điểm a trên đây.

c/ Các trường hợp đã gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế đầy đủ đúng quy định nhưng đang trong giai đoạn bị điều tra, khởi tố về các hành vi gian lận về thuế GTGT theo quyết định của các cơ quan

chức năng thì tạm thời dừng việc xem xét giải quyết việc hoàn thuế đến khi có quyết định xử lý.

Trường hợp cơ sở kinh doanh có hành vi gian lận về thuế GTGT, thuộc đối tượng áp dụng kiểm tra trước, khi hoàn thuế sau thời gian 12 tháng, nếu đã chấp hành tốt các quy định của Luật thuế, chế độ quản lý sử dụng hóa đơn, chứng từ sẽ được áp dụng hoàn thuế trước, kiểm tra sau. Cơ quan Thuế xem xét cụ thể từng trường hợp này.

### **CHƯƠNG III**

#### **VƯỚNG MẮC VỀ**

# **HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ & HẠCH TOÁN KẾ TOÁN**

**CHƯƠNG III**

|                                                                                                | <b>Trang</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 101. Hạch toán đối với hoá đơn GTGT ghi bằng ngoại tệ.                                         | 166          |
| 102. Hồ sơ, chứng từ để hàng xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.                    | 167          |
| 103. Chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu để xét hoàn thuế nhập khẩu.                            | 168          |
| 104. Lập hoá đơn tăng, giảm giá bán khi hàng không đạt quy cách, chất lượng.                   | 169          |
| 105. Ký duyệt và đóng dấu trên hoá đơn.                                                        | 171          |
| 106. Xử lý vi phạm đối với hàng hoá nhập khẩu không đủ hoá đơn, chứng từ                       | 172          |
| 107. Hạch toán các khoản chiết khấu bán hàng.                                                  | 174          |
| 108. Ghi giảm trên hoá đơn GTGT khoản tiền hoa hồng môi giới.                                  | 175          |
| 109. Chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu theo hình thức bù trừ công nợ.                         | 176          |
| 110. Điều kiện thanh toán để được hoàn thuế nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu. | 177          |
| 111. Xử phạt đối với trường hợp làm mất hoá đơn.                                               | 178          |

|      |                                                                                |     |
|------|--------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 112. | Xác định chi phí hợp lệ cho các khoản công tác phí.                            | 179 |
| 113. | Hồ sơ xem xét xoá nợ thuế phải truy thu do nguyên nhân khách quan.             | 180 |
| 114. | Xử lý đối với trường hợp huỷ hoá đơn không đúng quy định.                      | 181 |
| 115. | Thanh toán qua Ngân hàng đối với hàng xuất khẩu.                               | 182 |
| 116. | Xử lý hoá đơn với các liên có ngày tháng ghi không khớp nhau.                  | 183 |
| 117. | Khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hoá đơn ghi lệch ngày, tháng giữa các liên. | 183 |
| 118. | Hoá đơn, chứng từ trong trường hợp vận chuyển hàng hoá nhập khẩu               | 184 |
| 119. | Hoá đơn chứng từ đối với trường hợp nhập khẩu uỷ thác                          | 185 |
| 120. | Chứng từ cần có để hoàn thuế nhập khẩu                                         | 186 |
| 121. | Căn cứ xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá nhập khẩu.          | 188 |
| 122. | Hạch toán chi phí phát sinh tại nước ngoài.                                    | 189 |
| 123. | Hợp đồng hợp lệ tính thuế nhập khẩu.                                           | 190 |
| 124. | Xử lý khai man, trốn thuế đối với các đơn vị được                              | 191 |

hưởng ưu đãi đầu tư.

- |      |                                                                                                     |     |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 125. | Chứng từ đối với việc hỗ trợ tiếp thị, thưởng khuyến mại.                                           | 192 |
| 126. | Chứng từ thanh toán đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu.                                            | 193 |
| 127. | Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tiền thưởng xuất khẩu.                                           | 196 |
| 128. | Hướng dẫn trích khấu hao tài sản cố định do thành viên góp vốn.                                     | 199 |
| 129. | Hạch toán các chi phí môi giới.                                                                     | 200 |
| 130. | Các hình thức vay ngoại tệ.                                                                         | 201 |
| 131. | Hoàn tiền chênh lệch giá đối với nguyên vật liệu nhập khẩu.                                         | 202 |
| 132. | Bên thứ ba ở nước ngoài được chỉ định nhận hàng và thanh toán.                                      | 203 |
| 133. | Khách hàng nước ngoài thanh toán tiền hàng qua tài khoản của công ty Việt Nam khác.                 | 204 |
| 134. | Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu                                                       | 205 |
| 135. | Đối tác nước ngoài thanh toán tiền hàng qua tài khoản của thương nhân nước ngoài khác tại Việt Nam. | 206 |

|                          |                                                                                       |     |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 136.                     | Điều khoản thanh toán trên hợp đồng mua bán ngoại thương.                             | 207 |
| 137.                     | Lập hoá đơn hàng xuất khẩu tại chỗ.                                                   | 208 |
| 138.                     | Thuế đối với hoa hồng môi giới chi trả cho đối tác nước ngoài.                        | 209 |
| 139.                     | Ghi hoá đơn trong trường hợp bán lẻ hàng hoá có giá trị dưới 100.000 đ.               | 210 |
| 140.                     | Điều chỉnh giảm giá trên hoá đơn cho đại lý.                                          | 211 |
| 141.                     | Sử dụng hoá đơn đối với các khoản chi hộ cho bên uỷ thác nhập khẩu.                   | 212 |
| <b><u>Tham khảo:</u></b> | Hàng hoá và thị trường trọng điểm xúc tiến thương mại quốc gia của Việt Nam năm 2004. | 214 |

**101. Hạch toán đối với hoá đơn GTGT ghi bằng ngoại tệ.**

*Công ty chúng tôi có mua hàng của một công ty nước ngoài tại Việt Nam. Phía đối tác xuất hoá đơn GTGT ghi bằng ngoại tệ. Vậy, hoá đơn này có được hạch toán vào chi phí hợp lý không?*

**Giải đáp:** Về nguyên tắc, các khoản chi trực tiếp phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty được hạch toán vào chi phí. Các khoản chi này đều phải có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 07/11/2002 của Chính phủ quy định về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn. Các chi phí không phục vụ cho sản xuất kinh doanh hoặc chi phí không có hoá đơn, chứng từ và hoá đơn không hợp pháp không được hạch toán vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo hướng dẫn tại Điểm 5, Mục III, Phần C Thông tư số 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ Tài chính thì trường hợp cơ sở kinh doanh có doanh số bán ra hoặc mua hàng hoá, dịch vụ thanh toán bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh hoạt động mua, bán hàng hoá, dịch vụ bằng ngoại tệ để xác định thuế GTGT phải nộp.

Vì vậy, Công ty phải yêu cầu phía đối tác điều chỉnh lại hoá đơn thanh toán bằng ngoại tệ, trên đó có ghi đầy đủ tỷ giá và quy đổi ra đồng Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 122/2000/TT-BTC nói trên.

**102. Hồ sơ, chứng từ để hàng xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.**

*Để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng xuất khẩu, công ty chúng tôi phải xuất trình những chứng từ, hồ sơ gì?*

**Giải đáp:** Tại điểm 1, mục III Thông tư số 82/2002/TT-BTC ngày 18/09/2002 của Bộ Tài chính quy định: “Hàng hoá xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% phải có các hồ sơ, chứng từ chứng minh là hàng thực tế đã xuất khẩu”, cụ thể như sau:

- Hợp đồng bán hàng hoá hoặc hợp đồng gia công, sản xuất hàng xuất khẩu ký với nước ngoài, hợp đồng uỷ thác xuất khẩu đối với trường hợp uỷ thác xuất khẩu.

- Hoá đơn GTGT bán hàng hoặc xuất trả hàng gia công cho nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất và cho các đối tượng khác được xác định như xuất khẩu theo quy định của Chính phủ.

- Chứng từ thanh toán tiền hoặc chứng từ xác nhận thanh toán của khách hàng nước ngoài hoặc doanh nghiệp chế xuất...”.

Như vậy, hàng hoá xuất khẩu được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% chỉ áp dụng cho các đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ sử dụng hóa đơn GTGT, không áp dụng cho các đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. Do vậy, trường hợp công ty có đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khi xuất khẩu hàng hoá, nếu đáp ứng đủ chứng từ nêu trên thì được áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu 0%.

**103. Chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu để xét hoàn thuế nhập khẩu.**

*Đối với những lô hàng có Tờ khai Hải quan đăng ký trước ngày 01/10/2002 thì chứng từ thanh toán và thủ tục hồ sơ cần có để được hoàn hoặc không thu thuế bao gồm những gì ?*

**Giải đáp:** Ngày 29/9/2003, Bộ Tài chính có Công văn số 10061/TC/TCT hướng dẫn giải quyết những vướng mắc về chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu trong hồ sơ xét hoàn (hoặc không thu) thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, theo đó:

(i) Đối với lô hàng xuất khẩu có ngày đăng ký Tờ khai Hải quan hàng xuất khẩu trước ngày 01/10/2002 nhưng do vướng mắc về chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu đến nay chưa được xét hoàn (hoặc không thu) thuế nhập khẩu thì Hồ sơ xét hoàn thuế gồm:

- Công văn đề nghị hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp của doanh nghiệp;
- Hợp đồng xuất khẩu hàng hóa ký kết với nước ngoài và hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu;
- Tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu nguyên liệu, vật tư đã thanh khoản Hải quan;
- Tờ khai Hải quan hàng xuất khẩu có xác nhận thực xuất của Hải quan cửa khẩu;
- Biên lai nộp thuế;
- Hợp đồng uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu (nếu là xuất nhập khẩu uỷ thác).

(ii) **Lưu ý:** doanh nghiệp phải lập bảng kê chứng từ giải trình thanh toán lô hàng xuất khẩu và bản photo các chứng từ thanh toán có đóng dấu sao y bản chính của doanh nghiệp. Trường hợp hình thức thanh toán lô hàng xuất khẩu không phù hợp với điều khoản thanh toán ghi trong hợp đồng ngoại thương, doanh nghiệp phải có văn bản giải trình rõ lý do thay đổi. Giám đốc doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu cung cấp.

Các chứng từ thanh toán, bản giải trình và hồ sơ nêu trên là căn cứ để cơ quan Hải quan xét hoàn (hoặc không thu) thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu cho doanh nghiệp.

**104. Lập hoá đơn tăng, giảm giá bán khi hàng không đạt quy cách, chất lượng.**

*Trong trường hợp đã xuất bán hàng hoá nhưng phải giảm giá do hàng hoá không đạt quy cách, chất lượng theo hợp đồng đã cam kết, kế toán phải điều chỉnh hoá đơn như thế nào?*

**Giải đáp:** Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh đã xuất bán hàng hoá, dịch vụ không đảm bảo chất lượng, quy cách... phải điều chỉnh (tăng, giảm) giá bán thì bên bán và bên mua phải lập biên bản hoặc có thoả thuận bằng văn bản ghi rõ số lượng, quy cách hàng hoá, mức giá (tăng, giảm) theo hoá đơn bán hàng (số, ký hiệu, ngày, tháng của hoá đơn, thời gian) lý do (tăng, giảm giá), đồng thời bên bán lập hoá đơn để điều chỉnh mức giá (tăng, giảm). Hoá đơn ghi rõ điều chỉnh mức giá (tăng, giảm) cho hàng hoá, dịch vụ tại hoá đơn số, ký hiệu... Căn cứ vào hoá đơn điều chỉnh mức giá (tăng, giảm), bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh thuế đầu ra, đầu vào. Các cơ sở sản xuất kinh doanh không được lập hoá đơn ghi giá trị âm.

Những trường hợp trước đây đã lập hoá đơn khác với hướng nêu trên nhưng đúng với nghiệp vụ kinh tế phát sinh và doanh thu thực tế bán hàng thì không phải điều chỉnh lại.

## **105. Ký duyệt và đóng dấu trên hoá đơn.**

*Trong mẫu hoá đơn có chỉ tiêu Thủ trưởng đơn vị ký duyệt thì có bắt buộc Thủ trưởng đơn vị ký duyệt hay không?*

**Giải đáp:** Tại điểm 1 mục VI phần B Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 89/2002/NĐ-CP ngày 7/11/2002 của Chính phủ về việc in, phát hành, sử dụng và quản lý hoá đơn, quy định:

*“Trường hợp mẫu hoá đơn có chỉ tiêu thủ trưởng đơn vị ký duyệt thì không nhất thiết bắt buộc Thủ trưởng đơn vị phải ký duyệt mà có thể uỷ quyền cho người khác ký, ghi rõ họ tên khi lập hoá đơn và giao cho khách hàng. Việc uỷ quyền người ký duyệt hoá đơn bán hàng phải có quyết định của Thủ trưởng đơn vị và hoá đơn này phải được đóng dấu của tổ chức, cá nhân vào góc trên, bên trái của liên 2 hoá đơn”.*

Đối với mẫu hoá đơn tự in của doanh nghiệp, theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế, nếu mẫu hoá đơn này đã đăng ký với Tổng cục Thuế, không có chỉ tiêu thủ trưởng đơn vị ký duyệt và đóng dấu thì doanh nghiệp không phải đóng dấu treo trên mẫu hoá đơn.

**106. Xử lý vi phạm đối với hàng hoá nhập khẩu không đủ hoá đơn, chứng từ.**

*Trường hợp nào hàng hoá nhập khẩu được coi là vi phạm quy định về hoá đơn, chứng từ. Hình thức xử lý áp dụng đối với từng trường hợp như thế nào?*

**1. Đối với hàng nhập khẩu lưu thông trên thị trường:**

Theo hướng dẫn tại mục B phần III Thông tư 94/2003/TTLT/BTC-BTM-BCA ngày 8/10/2003, thì hàng hoá nhập khẩu lưu thông trên thị trường không có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp kèm theo đều được coi là hàng nhập lậu và bị xử lý như sau:

a/ Cơ sở kinh doanh vi phạm bị xử lý truy thu thuế nhập khẩu, thuế GTGT khâu nhập khẩu hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và bị xử phạt từ 1 đến 5 lần số thuế gian lận.

b/ Trường hợp phát hiện cơ sở kinh doanh quay vòng hoá đơn, chứng từ, sử dụng hoá đơn chứng từ giả mạo để hợp thức hoá hàng nhập lậu thì bị xử lý tịch thu số hàng đó.

c/ Cơ sở kinh doanh loại hàng Nhà nước cấm nhập khẩu, cấm kinh doanh sẽ bị xử lý tịch thu toàn bộ số hàng cấm nhập khẩu hoặc cấm kinh doanh.

d/ Trường hợp hàng hoá nhập khẩu không có hoá đơn, chứng từ hợp pháp, qua kiểm tra phát hiện cơ sở kinh doanh đã bán thì tùy theo chủng loại, hàng hoá nhập khẩu đã bán để áp dụng biện pháp xử lý

truy thu thuế nhập khẩu và phạt từ 1 đến 5 lần thuế nhập khẩu không có hoá đơn, chứng từ hợp pháp đã bán theo quy định trên.

**2. Cơ sở kinh doanh bán hàng nhập khẩu không xuất hoá đơn giao cho người mua hoặc gian lận trong ghi chép hoá đơn, chứng từ thì ngoài việc truy thu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp còn bị xử phạt từ 1 đến 5 lần số thuế truy thu.**

**3. Người mua hàng nhập khẩu về kinh doanh không có hoá đơn, chứng từ hợp pháp đều được coi là hàng nhập lậu và tùy theo mức độ vi phạm xử lý theo hướng dẫn chi tiết tại điểm 1 nêu trên.**

Đối với trường hợp nhập khẩu tuy có hoá đơn, chứng từ hợp lệ nhưng qua kiểm tra, kiểm soát thấy có dấu hiệu nguồn gốc không hợp pháp, cơ quan kiểm tra được quyền truy xét ngược đến cơ sở kinh doanh đã phát hành hoá đơn, chứng từ để làm rõ nguồn gốc của hàng hoá:

Nếu cơ sở kinh doanh phát hành hoá đơn bán hàng nhập khẩu không xuất trình được hoá đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của số hàng đã bán thì bị xử phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế nhập khẩu và phạt từ 1 đến 5 lần số thuế nhập khẩu hoặc tịch thu số tiền tương ứng với giá trị hàng hoá vi phạm đã tiêu thụ tại thời điểm vi phạm.

- Nếu qua xác minh mà không xác định được cơ sở kinh doanh đã xuất hoá đơn, hoặc xác minh được cơ sở xuất hoá đơn nhưng xác định là xuất hoá đơn khống để người mua hàng dùng hoá đơn đó hợp thức hoá hàng nhập lậu mua trôi nổi thì cơ sở kinh doanh (bên mua) bị xử phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế nhập

khẩu và phạt từ 1 đến 5 lần số thuế nhập khẩu hoặc tịch thu toàn bộ hàng hoá vi phạm.

4. Cơ sở kinh doanh mua tài sản thanh lý là hàng hoá nhập khẩu hoặc tài sản được viện trợ của các cơ quan hành chính sự nghiệp, hàng hoá nhập khẩu là tài sản dự trữ quốc gia hoặc hàng hoá là tài sản bị tịch thu không đủ chứng từ hợp pháp thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Cơ sở kinh doanh có hành vi quay vòng hoá đơn, chứng từ đối với hàng lưu thông trên thị trường để hợp thức hoá hàng hoá nhập khẩu trốn thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính và tịch thu hàng hoá. Nếu lợi dụng quay vòng hoá đơn, chứng từ để hợp thức hoá hàng hoá nhập lậu với số lượng hàng hoá lớn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

### **107. Hạch toán các khoản chiết khấu bán hàng.**

*Các khoản chiết khấu, hưởng theo doanh số bán hàng cho các đại lý bán hàng được ghi hoá đơn và hạch toán như thế nào?*

**Giải đáp:** Về việc hạch toán các khoản chiết khấu, ghi hoá đơn GTGT và chứng từ hợp lệ cho khoản chiết khấu, ngày 7/5/2003, Tổng cục Thuế có hướng dẫn như sau:

Trường hợp Công ty có thực hiện các hình thức chiết khấu (chiết khấu thanh toán trước, chiết khấu vận chuyển, lắp đặt và hưởng doanh

số tháng theo từng mức) cho các đại lý bán hàng thì Hợp đồng ký kết giữa Công ty và đại lý và/hoặc bản Quy chế chung của Công ty được dùng làm căn cứ để xác định khoản chiết khấu này. Công ty không trừ trực tiếp trên hoá đơn để ghi giảm doanh thu mà phải hạch toán tăng chi phí bán hàng. Các khoản chi phí bán hàng này phải có chứng từ, hoá đơn hợp lệ theo đúng quy định tại Thông tư số 13/2001/TT-BTC ngày 8/3/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, phù hợp với doanh thu của Công ty và do Công ty tự chịu trách nhiệm.

**108. Ghi giảm trên hoá đơn GTGT khoản tiền hoa hồng môi giới.**

*Trường hợp khi thanh toán tiền hàng, thương nhân nước ngoài khấu trừ tiền hoa hồng trả cho người môi giới thì xử lý thuế GTGT như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo hướng dẫn tại Công văn số 3714 TCT/NV6 của Tổng cục Thuế ngày 20/10/2003 thì việc ghi giảm trên hoá đơn GTGT khoản tiền hoa hồng khách hàng nước ngoài trừ tiền thanh toán để trả cho nhà môi giới như sau:

Trường hợp trên thư tín dụng chứng từ (L/C) có điều khoản quy định: khách hàng nước ngoài (thương nhân nhập khẩu) sẽ trừ vào số tiền phải thanh toán cho Công ty khoản tiền hoa hồng trả cho nhà môi giới nước ngoài (được tính theo tỷ lệ 5% trên số tiền phải thanh toán).

khi ghi hoá đơn GTGT cho hàng hoá nhập khẩu Công ty đã ghi giảm khoản tiền hoa hồng này trên hoá đơn thì:

- Khoản hoa hồng môi giới thuộc diện chịu thuế theo quy định tại Thông tư 169/1998/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/1998. Về nguyên tắc, Công ty có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế tính trên khoản hoa hồng trả cho nhà môi giới nước ngoài nộp vào NSNN. Tuy nhiên vì số tiền khách hàng nước ngoài thanh toán cho công ty đã trừ đi khoản hoa hồng môi giới (tức khoản hoa hồng nhà môi giới nước ngoài nhận không có thuế) do đó Công ty phải nộp thay thuế cho nhà môi giới nước ngoài. Sau khi nộp thay thuế thì số tiền thuế phải nộp và khoản hoa hồng môi giới được hạch toán vào chi phí hợp lý hợp lệ khi xác định thu nhập chịu thuế.

- Doanh thu hàng xuất khẩu trong trường hợp này là toàn bộ số tiền khách hàng nước ngoài phải thanh toán chưa trừ đi hoa hồng môi giới.

### **109. Chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu theo hình thức bù trừ công nợ.**

*Nếu doanh nghiệp chúng tôi xuất khẩu hàng hoá cho thương nhân nước ngoài, thực hiện thanh toán theo hình thức cân trừ công nợ đối với hàng nhập khẩu, không thanh toán qua ngân hàng thì có được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% không?*

**Giải đáp:** Về chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu với phía nước ngoài theo hình thức cản trừ công nợ để áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%, ngày 11/02/2003, Tổng cục thuế hướng dẫn như sau:

Hàng hoá xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% (không phần trăm) phải có đầy đủ các hồ sơ, chứng từ chứng minh là hàng thực tế đã xuất khẩu. Việc thanh toán đối với hàng hoá xuất khẩu để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% (không phần trăm) phải thực hiện thanh toán qua Ngân hàng, phương thức thanh toán và chứng từ thanh toán qua Ngân hàng thực hiện theo quy định tại công văn số 1186/NHNN-QLNH ngày 01/11/2002 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Theo các quy định trên đây, trường hợp Công ty xuất khẩu hàng hoá thực hiện thanh toán theo phương thức bù trừ công nợ với hàng nhập khẩu, không thanh toán qua Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nên không đủ điều kiện được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% (không phần trăm) đối với hàng hoá xuất khẩu.

**110. Điều kiện thanh toán để được hoàn thuế nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu. Nếu việc thanh toán tiến hàng được thực hiện bằng đồng Việt Nam có được coi là hợp lệ không?*

**Giải đáp:** Việc thanh toán xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với nước ngoài được thực hiện theo thông lệ quốc tế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Riêng đối với các nước láng giềng, tùy thuộc vào Hiệp định thanh toán ký giữa hai nước thì doanh nghiệp được phép thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND thông qua hệ thống ngân hàng theo các phương thức quy định tại các Hiệp định về thanh toán đã ký.

Ngoài ra, người không cư trú (chủ yếu là tổ chức và cá nhân nước ngoài) được sử dụng đồng Việt Nam từ tài khoản VND mở tại ngân hàng để thanh toán tiền hàng hoá và dịch vụ cho người cư trú và người không cư trú là tổ chức và cá nhân ở trong nước. Trường hợp thanh toán bằng USD tiền mặt, doanh nghiệp phải xuất trình giấy phép của Ngân hàng Nhà nước về việc cho thu bằng tiền mặt từ xuất khẩu (ở trung ương do Vụ quản lý ngoại hối - Ngân hàng Nhà nước cấp, ở địa phương do Chi nhánh NHNN tỉnh biên giới cấp).

Theo đó, trường hợp doanh nghiệp nếu thanh toán tiền hàng xuất khẩu với nước ngoài bằng tiền mặt Đồng Việt Nam tại Việt Nam thì phải tuân thủ đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước nêu trên; nếu không đúng với quy định của Ngân hàng Nhà nước thì sẽ không đủ cơ sở để được hoàn thuế nhập khẩu theo quy định.

### **111. Xử phạt đối với trường hợp làm mất hoá đơn.**

*Nếu làm mất hoá đơn, mức phạt theo quy định pháp luật là bao nhiêu?*

**Giải đáp:** Tại Khoản 2, Điều 16 Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 07/11/2002 của Chính phủ về in, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn quy định:

Mức xử phạt là 200.000 đồng đối với hành vi làm mất các liên hoá đơn khác (liên 1 hoặc liên 3 hoặc liên 2 đã sử dụng), kể cả trường hợp làm mất hoá đơn đầu vào (liên 2) của đơn vị mua hàng. Hoá đơn đã lập, dù chưa kê khai thuế, nếu làm mất cũng bị xử lý theo quy định đối với hoá đơn đã sử dụng.

## **112. Xác định chi phí hợp lệ cho các khoản công tác phí.**

*Theo hợp đồng mua bán thiết bị, bên bán phải trả các khoản công tác phí, khách sạn, vé máy bay cho khách hàng... Vậy những khoản chi này có được coi là chi phí hợp lệ khi xác định thu nhập chịu thuế không?*

### **Giải đáp:**

- Đối với các khoản chi phí thuê khách sạn, tiền vé máy bay, tiền đi lại và chi phí đào tạo... mà Công ty phải trả thay cho khách hàng theo quy định tại hợp đồng mua bán nếu có đầy đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định tại Thông tư số 13/2001/TT-BTC ngày 8/3/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài

tại Việt Nam thì được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Riêng đối với khoản tiền công tác phí mà Công ty phải trả cho khách hàng trong thời gian đi đào tạo theo quy định tại hợp đồng mua bán, người duyệt chịu trách nhiệm về tính chính xác của các khoản chi trên thì các khoản chi phí trên được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

### **113. Hồ sơ xem xét xoá nợ thuế phải truy thu do nguyên nhân khách quan.**

*Hồ sơ xem xét xoá nợ thuế truy thu gồm những gì và gửi đến cơ quan nào?*

#### **Giải đáp:**

1. Doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có nợ thuế truy thu muốn xem xét xoá nợ thuế truy thu phải gửi đến Cục Hải quan địa phương nơi làm thủ tục xuất nhập khẩu cho lô hàng những giấy tờ sau:

- Văn bản đề nghị xoá nợ thuế truy thu trong đó giải trình rõ mặt hàng, số nợ thuế truy thu, nguyên nhân của việc truy thu;

- Quyết định truy thu của Hải quan ghi rõ số tiền thuế truy thu thuộc tờ khai nào, cho mặt hàng nào (bản photocopy có đóng dấu của doanh nghiệp).

- Tờ khai hàng hoá nhập khẩu ghi rõ tên đơn vị nhập khẩu, tên hàng hoá nhập khẩu có kèm theo kết quả kiểm hoá và tính thuế của Hải quan.

- Bản mô tả đặc điểm, cấu tạo, tính chất của mặt hàng và kết quả giám định làm căn cứ để cơ quan Hải quan tính thuế (nếu có).

- Xác nhận của cơ quan Hải quan nơi thu thuế về số nợ thuế truy thu của đơn vị.

2. Trên cơ sở hồ sơ do doanh nghiệp gửi, Cục Hải quan địa phương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra xem xét có ý kiến bằng văn bản gửi Tổng cục Hải quan về nguyên nhân, số thuế phải thu, số thuế đã truy thu, số tiền truy thu còn nợ, đề xuất hướng giải quyết và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

#### **114. Xử lý đối với trường hợp huỷ hoá đơn không đúng quy định.**

*Trường hợp huỷ bỏ hoá đơn không có biên bản xác nhận giữa bên mua và bên bán được xử lý như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định hiện hành, những trường hợp hoá đơn đã xé rời khỏi quyển, sau đó phát hiện sai phải huỷ bỏ thì tổ chức, cá nhân phải lập biên bản có xác nhận giữa bên bán hàng và bên mua hàng.

Hành vi huỷ bỏ hoá đơn không có biên bản xác nhận giữa bên bán hàng và bên mua hàng là hành vi “Huỷ bỏ chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính không đúng thủ tục quy định” và sẽ bị xử phạt theo quy định tại tiết c, điểm 3, Điều 12 Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán với mức phạt đến 15.000.000 đồng.

### **115. Thanh toán qua Ngân hàng đối với hàng xuất khẩu.**

*Thương nhân nước ngoài trả tiền mặt ngay tại Việt Nam vào tài khoản của Bên xuất khẩu (Bên Việt Nam) có được coi là thanh toán qua Ngân hàng không?*

**Giải đáp:** Thanh toán qua Ngân hàng là việc chuyển tiền từ Ngân hàng bên nhập khẩu sang Ngân hàng của bên xuất khẩu để thanh toán tiền bán hàng hoá, dịch vụ cho bên xuất khẩu.

Căn cứ quy định nêu trên thì Ngân hàng bên nhập khẩu phải chuyển tiền sang Ngân hàng bên xuất khẩu để xác định nguồn gốc ngoại tệ thanh toán đối với hàng hoá xuất khẩu, còn trường hợp của Công ty khi xuất khẩu hàng hoá, bên nước ngoài thanh toán bằng tiền mặt ngay tại Việt Nam vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng tại Việt nam *chưa được xem là thanh toán qua Ngân hàng.*

**116. Xử lý hoá đơn với các liên có ngày tháng ghi không khớp nhau.**

*Quy định xử lý đối với trường hợp hoá đơn có ngày, tháng, không khớp với nhau giữa liên 1 với liên 2 như thế nào?*

**Giải đáp:** Về việc sử dụng hoá đơn và xử lý vi phạm về sử dụng hoá đơn, ngày 9/4/2003, Tổng cục Thuế có hướng dẫn như sau:

Quá trình xác minh hoá đơn, phát hiện liên 2 có ngày, tháng không khớp với ngày, tháng ghi trên liên 1; Cục Thuế kiểm tra, lập biên bản, xử lý vi phạm theo tiết a, điểm 1. Điều 6 của Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán. Theo đó, hành vi ghi chép hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh trong chứng từ kế toán không tuân thủ nguyên tắc ghi chép chứng từ, kể cả chế độ chứng từ điện tử mức phạt đến 5.000.000 đồng.

**117. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hoá đơn ghi lệch ngày, tháng giữa các liên.**

*Ngày, tháng giữa các liên hoá đơn GTGT ghi lệch nhau, thì có được khấu trừ thuế GTGT đầu vào không?*

**Giải đáp:** Đối với trường hợp này, trước tiên cơ quan thuế phải tiến hành kiểm tra tính hợp pháp của các hoá đơn GTGT và nếu thực tế có mua hàng, có hàng hoá nhập kho, được

phản ánh đầy đủ trên chứng từ sổ sách kế toán; các hoá đơn đó chỉ sai lệch về ngày, tháng so với liên 1, thì chấp nhận cho khấu trừ thuế GTGT đầu vào và được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế; đồng thời xử phạt vi phạm hành chính về hoá đơn, chứng từ đối với đơn vị bán hàng.

**118. Hoá đơn, chứng từ trong trường hợp vận chuyển hàng hoá nhập khẩu.**

*Hàng hoá nhập khẩu cần phải có những hoá đơn, chứng từ gì trong khâu lưu thông trên đường vận chuyển?*

**Giải đáp:** Theo Thông tư liên bộ 94/2003/TTLT-BTC-BTM-BCA ngày 8/10/2003 hướng dẫn chế độ sử dụng hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá lưu thông trên thị trường thì:

Cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hoá (kể cả nhập khẩu từ các khu chế xuất, Khu kinh tế cửa khẩu, Khu vực khuyến khích phát triển kinh tế thương mại theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) phải làm thủ tục nhập khẩu với cơ quan Hải quan theo quy định. Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan, hàng hoá nhập khẩu vận chuyển vào nội địa phải có các chứng từ sau:

Tờ khai hải quan đã có xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan (bản chính) kèm theo giấy thông báo thuế hoặc biên lai thu thuế nhập khẩu, thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

Nếu hàng nhập khẩu có số lượng lớn phải chuyên chở làm nhiều lần thì phải có lệnh điều động của doanh nghiệp kèm theo tờ khai hải quan (bản chính hoặc bản photo có xác nhận sao y bản chính của doanh nghiệp). Lệnh điều động phải ghi rõ chủng loại, số lượng hàng hoá vận chuyển, nơi vận chuyển đến.

Nếu hàng hoá nhập khẩu là mặt hàng Nhà nước quy định phải dán tem thì phải có tem dán theo đúng quy định. Trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu uỷ thác thì khi trả hàng cho bên uỷ thác phải xuất một trong các loại hoá đơn: hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn tự in theo chế độ quy định.

Đối với những trường hợp hàng hoá nhập khẩu khác khi vận chuyển trên đường từ cửa khẩu vào nội địa nếu có quy định riêng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về chế độ hoá đơn, chứng từ kèm theo hàng hoá nhập khẩu thì phải thực hiện theo đúng quy định riêng đó.

### **119. Hoá đơn chứng từ đối với trường hợp nhập khẩu uỷ thác.**

*Đơn vị chúng tôi có nhập khẩu uỷ thác cho một doanh nghiệp khác thì việc xử lý các hoá đơn chứng từ được pháp luật quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Hiện nay, theo quy định của pháp luật, việc xuất hoá đơn đối với khoản do đơn vị nhận uỷ thác chỉ hộ cho đơn vị uỷ thác căn cứ vào hợp đồng uỷ thác giữa hai bên để xử lý như sau:

- Đơn vị nhận uỷ thác chỉ hộ thì khi lập chứng từ chi phải ghi rõ tên, địa chỉ, mã số thuế của đơn vị đi uỷ thác để chuyển cho đơn vị đi uỷ thác thanh toán và khấu trừ.

- Trường hợp đơn vị nhận uỷ thác cho nhiều doanh nghiệp khác nhau, chứng từ chi liên quan đến nhiều doanh nghiệp phải thanh toán khác nhau, mặt khác chứng từ chi lại ghi tên, địa chỉ, mã số thuế của đơn vị nhận uỷ thác thì đối với chứng từ chi mang tính chất phí, lệ phí (không có hoá đơn giá trị gia tăng) thì đơn vị nhận uỷ thác làm biên bản thanh lý hợp đồng uỷ thác hoặc đối chiếu công nợ; chứng từ chi là các chứng từ để các bên thanh toán và hạch toán chi phí. Đối với chứng từ chi liên quan đến các hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng có hoá đơn giá trị gia tăng thì đơn vị nhận uỷ thác lập hoá đơn giá trị gia tăng theo đúng giá và thuế giá trị gia tăng thực trả liên quan đến hàng hoá nhập khẩu uỷ thác để các bên thanh toán và kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào và đầu ra.

## **120. Chứng từ cần có để được hoàn thuế nhập khẩu.**

*Công ty chúng tôi có nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, để được hoàn thuế nhập khẩu, công ty chúng tôi cần có các loại chứng từ gì?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 29/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 54/CP ngày 28/8/1993 và Nghị định 94/1998/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, doanh nghiệp được hoàn thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- ***Về chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu:*** Việc thanh toán hàng xuất khẩu phải thực hiện thông qua hệ thống ngân hàng, theo thông lệ quốc tế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Riêng đối với các nước láng giềng, tùy thuộc vào các Hiệp định thanh toán được ký kết giữa hai nước thì doanh nghiệp được phép thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc bằng VND thông qua hệ thống ngân hàng theo phương thức quy định tại các Hiệp định về thanh toán đã ký (đối với hình thức thanh toán này doanh nghiệp phải xuất trình các chứng từ thanh toán là xác nhận của Ngân hàng về các hình thức thanh toán bằng ngoại tệ).

- ***Về thời hạn nộp thuế:*** là 9 tháng (được tính tròn là 275 ngày theo lịch) kể từ ngày Doanh nghiệp nhận được thông báo thuế chính thức của cơ quan hải quan về số thuế phải nộp. Điều kiện để được áp dụng thời hạn nộp thuế 9 tháng đối với vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu gồm: Hợp đồng xuất khẩu hàng hoá; Doanh nghiệp không nợ thuế quá hạn theo quy định của luật thuế xuất nhập, thuế nhập khẩu; Có bản đăng ký vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu; Có tờ khai hải quan hàng thực tế xuất khẩu.

**121. Căn cứ xác định thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu.**

*Công ty chúng tôi có nhập khẩu hàng hoá nhưng chưa được cơ quan hải quan cấp biên lai nộp thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu. Vậy căn cứ nào để chúng tôi kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Thông tư 82/2002/TT-BTC ngày 18/9/2002 của Bộ Tài chính thì thuế giá trị gia tăng đầu vào bằng tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng mua hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và là số thuế ghi trên chứng từ nộp thuế của hàng hoá nhập khẩu.

Do vậy, đối với hàng hoá nhập khẩu, số thuế GTGT đầu vào được xác định căn cứ vào biên lai nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu. Trường hợp đã nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu nhưng chưa được cơ quan hải quan cấp biên lai thì Công ty sử dụng chứng từ chuyển tiền nộp thuế GTGT đầu vào để làm căn cứ. Khi có biên lai nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu, Công ty phải trừ phần thuế GTGT đầu vào đã kê khai bằng chứng từ chuyển tiền có xác nhận của Ngân hàng để trách nhầm lẫn. Khi quyết toán thuế GTGT phải căn cứ vào biên lai nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu.

## 122. Hạch toán chi phí phát sinh tại nước ngoài.

*Tháng trước, doanh nghiệp chúng tôi có cử cán bộ đi công tác tại nước ngoài để tìm kiếm thị trường xuất khẩu hàng hoá, do vậy có phát sinh một số chi phí. Kế toán doanh nghiệp đã hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh nhưng cơ quan thuế không chấp nhận. Vậy quy định của pháp luật hướng dẫn trường hợp này như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế ngày 27/6/2003, các doanh nghiệp khi làm việc ở nước ngoài mà phát sinh một số chi phí như tiền ăn ở khách sạn, tiền vé máy bay... thì các chi phí này cũng được coi là các chi phí hợp lệ của doanh nghiệp và kế toán doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải có chứng từ chứng minh như: có hoá đơn, chứng từ do các đơn vị kinh doanh ở nước ngoài phát hành và các khoản chi phí này nhằm phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì những chi phí này cũng như các chi phí tiếp thị, quảng cáo, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết... của doanh nghiệp bị khống chế theo tỷ lệ 7% trên tổng chi phí (trừ giá mua vào của hàng hoá bán ra).

Do vậy, đối chiếu với trường hợp của Công ty, nếu các khoản chi phí không có hoá đơn, chứng từ hợp lệ chứng minh hoặc vượt quá mức khống chế nêu trên thì sẽ không được coi là chi phí hợp lệ của doanh nghiệp và không được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **123. Hợp đồng hợp lệ tính thuế nhập khẩu.**

*Trên hợp đồng mua bán ngoại thương, điều khoản thanh toán phải ghi như thế nào mới coi là hợp lệ ?*

**Giải đáp:** Một trong các điều kiện để hàng nhập khẩu được áp dụng giá tính thuế theo giá ghi trên hợp đồng là giữa các bên mua bán phải có hợp đồng mua bán ngoại thương hợp lệ. Theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan, điều khoản thanh toán của hợp đồng được coi là hợp lệ nếu thoả mãn một số điều kiện sau:

- Trên hợp đồng ghi rõ là thanh toán 100% trị giá lô hàng qua ngân hàng bằng các phương thức thanh toán L/C, TTR, TT, DA, DP;
- Ghi tên ngân hàng thanh toán, trường hợp tên ngân hàng trên hợp đồng khác với tên ngân hàng thanh toán trên thực tế thì doanh nghiệp phải kê khai khi mở tờ khai Hải quan.

## **124. Xử lý khai man, trốn thuế đối với các đơn vị được hưởng ưu đãi đầu tư.**

*Quy định pháp luật xử lý đối với trường hợp khai man, trốn thuế trong giai đoạn đang được hưởng ưu đãi đầu tư như thế nào?*

**Giải đáp:** Cơ quan Thuế trong quá trình kiểm tra quyết toán thuế, nếu phát hiện cơ sở sản xuất, kinh doanh có hành vi khai man, trốn thuế, thì không được giải quyết ưu đãi về thuế cho cơ sở sản xuất kinh doanh. Cơ quan thuế phải thực hiện truy thu đủ số thuế đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh có hành vi khai man, trốn thuế và áp dụng các biện pháp xử lý theo luật định”.

Căn cứ vào quy định này, nếu cơ sở kinh doanh có hành vi khai man, trốn thuế thì thực hiện việc miễn giảm thuế thực hiện theo Thông tư số 98/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2002 hướng dẫn thực hiện việc miễn giảm thuế cho các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và không giải quyết ưu đãi thuế trong năm vi phạm mà chỉ xét miễn, giảm thuế cho thời gian ưu đãi còn lại. Trong trường hợp cơ sở kinh doanh có hành vi vi phạm nhưng chưa được coi là hành vi khai man, trốn thuế thì tuy theo lỗi của cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan thuế áp dụng các mức xử phạt hành chính theo quy định mà vẫn giải quyết cho ưu đãi miễn giảm thuế.

**125. Chứng từ đối với việc hỗ trợ tiếp thị, thưởng khuyến mại.**

*Theo quy định pháp luật, việc lập chứng từ đối với việc hỗ trợ chi phí, hỗ trợ tiếp thị, chi thưởng khuyến mại đối với các doanh nghiệp không phải là đại lý sẽ thực hiện như thế nào?*

**Giải đáp:**

**1. Đối với việc khuyến mãi bằng hiện vật thực hiện như sau:**

Các sản phẩm, hàng hoá khuyến mãi, quảng cáo phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, cơ sở sử dụng hoá đơn GTGT hoặc hoá đơn bán hàng, trên hoá đơn ghi rõ là hàng khuyến mại, quảng cáo không thu tiền. Đối với hoá đơn GTGT gạch bỏ dòng thuế suất và tiền thuế GTGT, chỉ ghi dòng giá thanh toán là giá thành hoặc giá vốn của hàng hoá;

**2. Đối với hỗ trợ chi phí, hỗ trợ tiếp thị, chi thưởng khuyến mại bằng tiền:**

Đơn vị chi phải căn cứ vào hợp đồng khuyến mại cho khách hàng được ký kết giữa hai bên, quy chế kinh doanh của doanh nghiệp về chính sách khuyến mại và lập chứng từ chi tiền ghi rõ là khoản chi hỗ trợ chi phí, hỗ trợ tiếp thị hoặc chi thưởng khuyến mại. Nếu các chứng từ chi này có đầy đủ chữ ký của các bên, người

duyet chi chịu trách nhiệm đối với khoản chi này thì khoản chi này được hạch toán vào chi phí khác theo mức không chế quy định trong Luật thuế TNDN.

Đơn vị nhận được khoản tiền hỗ trợ trên viết phiếu thu tiền và phải hạch toán khoản tiền nhận được vào thu nhập khác để tính thuế TNDN.

**126. Chứng từ thanh toán đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi xuất khẩu nhiều mặt hàng trong đó chủ yếu là các mặt hàng áp dụng thuế GTGT 0%. Quy định của pháp luật về chứng từ thanh toán đối với các mặt hàng này như thế nào?*

**Giải đáp:**

1. Đối với trường hợp thực hiện thanh toán tiền bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng.

Việc thực hiện thanh toán tiền bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng giữa các cơ sở kinh doanh Việt Nam với các tổ chức, cá nhân nước ngoài là việc chuyển tiền từ ngân hàng của Bên nhập khẩu sang ngân hàng của Bên xuất khẩu để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ cho Bên xuất khẩu theo các hình thức thanh toán phù hợp với hợp đồng mua bán và quy định của ngân hàng. Chứng

từ thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là Giấy báo có của ngân hàng bên xuất khẩu.

Trường hợp thanh toán qua tài khoản tiền gửi vãng lai của phía nước ngoài mở tại ngân hàng ở Việt Nam thì thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là Giấy báo có của ngân hàng bên xuất khẩu (đối với trường hợp xuất khẩu), trong đó ghi rõ số tài sản khoản và tên chủ tài khoản vãng lai của phía nước ngoài.

2. Trường hợp hàng hóa bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng cho các cơ sở kinh doanh khác tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất, gia công hàng xuất khẩu thì việc thanh toán thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 90/2002/TT- BTC ngày 10/10/2002 của Bộ Tài chính. Theo đó, thương nhân nước ngoài phải thực hiện thanh toán tiền đối với hàng xuất khẩu tại chỗ bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi qua ngân hàng.

3. Trường hợp hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được thanh toán cản trừ vào khoản tiền vay nợ nước ngoài của cơ sở kinh doanh thì chứng từ thanh toán gồm:

- Chứng từ chuyển tiền vào Việt Nam qua ngân hàng và hợp đồng vay nợ (đối với những khoản vay tài chính có thời hạn dưới 01 năm).

- Chứng từ chuyển tiền vào Việt Nam qua ngân hàng và Giấy xác nhận đăng ký khoản vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với những khoản vay trên 01 năm).

- Hợp đồng xuất khẩu hàng hoá trong đó có điều khoản thanh toán ghi rõ là hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được thanh toán căn trừ vào khoản vay nước ngoài.

- Bản xác nhận của phía nước ngoài về căn trừ vào khoản nợ vay nước ngoài.

4. Trường hợp hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu để trả nợ vay của Chính phủ thì phải có xác nhận của Ngân hàng Ngoại thương về lô hàng xuất khẩu đã được phía nước ngoài chấp nhận trừ nợ hoặc xác nhận bộ chứng từ đã được gửi cho phía nước ngoài để trừ nợ.

5. Trường hợp thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu với doanh nghiệp chế xuất: Việc thanh toán tiền hàng xuất khẩu giữa doanh nghiệp chế xuất với doanh nghiệp ngoài khu chế xuất được thực hiện bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc thanh toán bằng đồng Việt Nam thông qua các tài khoản mở tại Ngân hàng. Chứng từ thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là Giấy báo có của Ngân hàng bên xuất khẩu.

6. Trường hợp bên mua hoặc bên bán uỷ quyền cho bên thứ ba là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thực hiện thanh toán hàng hoá, dịch vụ cho cơ sở kinh doanh ở Việt Nam (Cơ sở xuất khẩu) thì việc thanh toán theo uỷ quyền phải được quy định trong hợp đồng xuất

khẩu (hoặc Phụ lục hợp đồng nếu có); Chứng từ thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu trong trường hợp này là Giấy báo có của Ngân hàng bên xuất khẩu.

## **127. Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tiền thưởng xuất khẩu.**

*Trong trường hợp nào thì doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu được xét thưởng xuất khẩu? Đối với khoản tiền thưởng xuất khẩu doanh nghiệp có phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Quy chế xét thưởng xuất khẩu (ban hành kèm theo Quyết định 02/2002/QĐ-BTM ngày 02/1/2002 của Bộ Thương mại) thì các doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có thành tích xuất khẩu trực tiếp đạt tiêu chuẩn nêu dưới đây đều được xét thưởng:

**1. Mặt hàng xuất khẩu đề nghị xét thưởng xuất khẩu:** là những mặt hàng Nhà nước không cấm xuất khẩu (trừ mặt hàng dầu thô, hàng xuất khẩu theo hạn ngạch, chỉ tiêu được phân giao theo các hợp đồng Chính phủ). Kim ngạch xuất khẩu tính theo trị giá FOB xuất khẩu chính ngạch và xuất khẩu tiểu ngạch (không tính trị giá hàng tạm nhập, tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng đổi hàng trong trường hợp có quy định chung).

## **2. Điều kiện và tiêu chuẩn được xét thưởng:**

### ***2.1 Tiêu chuẩn xét khen thưởng.***

**Tiêu chuẩn 1:** Xuất khẩu mặt hàng (hoặc một chủng loại mặt hàng) sản xuất tại Việt Nam mà lần đầu tiên xuất khẩu ra thị trường nước ngoài, được bổ sung vào danh mục hàng xuất khẩu của Việt Nam (không phải là mặt hàng hoặc chủng loại mặt hàng mà lần đầu tiên thương nhân xuất khẩu được ra thị trường nước ngoài) và/hoặc lần đầu tiên xuất khẩu ra thị trường xuất khẩu mới (một hoặc nhiều thị trường mới đối với một mặt hàng hoặc một chủng loại mặt hàng) có hiệu quả với kim ngạch đạt từ 100.000USD/năm trở lên. Riêng đối với các tỉnh miền núi, hải đảo kim ngạch đạt từ 50.000USD/năm trở lên. Thành tích về mặt hàng nào tính riêng cho mặt hàng đó, không tính gộp kim ngạch nhiều mặt hàng của thương nhân để xét thưởng.

**Tiêu chuẩn 2:** Xuất khẩu có hiệu quả, với tổng kim ngạch xuất khẩu của thương nhân năm sau cao hơn năm trước theo mức quy định, trước mắt áp dụng mức tăng trưởng là 20%, và mức tăng tuyệt đối phải đạt từ 400.000USD trở lên. Riêng miền núi, hải đảo là 15% và mức tăng tuyệt đối từ 200.000USD trở lên.

**Tiêu chuẩn 3:** Các mặt hàng xuất khẩu có chất lượng cao được huy chương tại triển lãm, hội chợ quốc tế tổ chức ở nước ngoài hoặc được các tổ chức quốc tế về chất lượng hàng hóa cấp chứng chỉ hoặc xác nhận bằng văn bản.

**Tiêu chuẩn 4:** Xuất khẩu mặt hàng được gia công, chế biến bằng nguyên vật liệu trong nước chiếm 60% trị giá trở lên hoặc mặt hàng sản xuất thu hút nhiều lao động trong nước theo quy định hiện hành của Nhà nước như: hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thủy hải sản, hàng may mặc, giày dép.. với mức kim ngạch xuất khẩu của thương nhân về những loại hàng này đạt từ 10 triệu USD/năm trở lên. Riêng đối với hàng thủ công mỹ nghệ, hàng rau quả, thịt lợn từ 3 triệu USD/năm trở lên.

**Tiêu chuẩn 5:** Xuất khẩu các mặt hàng ngoài hạn ngạch, ngoài chỉ tiêu được phân giao đạt kim ngạch từ 50 triệu USD/năm trở lên.

Đối với thương nhân đạt tiêu chuẩn 4, 5 từ năm thứ hai trở đi, nếu đạt mức tăng trưởng như quy định tại tiêu chuẩn 2 thì mới được xét thưởng.

### **3. Thuế đối với khoản tiền thưởng xuất khẩu:**

Doanh nghiệp được chuyển số tiền thưởng xuất khẩu vào quỹ khen thưởng của đơn vị và sử dụng tiền thưởng để phát triển sản xuất kinh doanh và/hoặc phân chia tiền thưởng của mình cho các tập thể, cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp có công sức đóng góp vào thành tích được thưởng.

Theo đó, doanh nghiệp không phải tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tiền thưởng thành tích xuất khẩu nêu trên.

## 128. Hướng dẫn trích khấu hao tài sản cố định do thành viên góp vốn.

*Chúng tôi là 3 cá nhân góp vốn thành lập công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hoá (chủ yếu là hàng máy móc, thiết bị công nghiệp). Trong đó, một thành viên góp vốn bằng tài sản cố định. Vậy doanh nghiệp chúng tôi có được trích khấu hao đối với tài sản này không? Điều kiện và thủ tục như thế nào?*

**Giải đáp:** Về nguyên tắc, tài sản cố định của doanh nghiệp được trích khấu hao tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp nếu thoả mãn các điều kiện sau:

(i) Tài sản cố định có hoá đơn, chứng từ hợp pháp chứng minh quyền sở hữu của doanh nghiệp;

(ii) Tài sản cố định được sử dụng để phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ tạo ra thu nhập chịu thuế và trích khấu hao theo đúng quy định hiện hành.

Do vậy, đối với trường hợp thành viên góp vốn là tài sản cố định, để có cơ sở chứng minh là tài sản thuộc sở hữu doanh nghiệp và trích khấu hao như quy định trên, các bên phải tiến hành thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản theo đúng quy định.

**Cu thể:**

- Đối với tài sản có đăng ký hoặc giá trị quyền sử dụng đất, người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc chuyển quyền sử dụng đất cho công ty tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn không phải nộp lệ phí trước bạ.

- Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản.

Doanh nghiệp cần lưu ý, trong trường hợp này, nguyên giá tài sản cố định để trích khấu hao là giá trị tài sản theo đánh giá thực tế của tất cả các thành viên sáng lập theo nguyên tắc nhất trí tại biên bản đánh giá tài sản góp vốn hoặc do Cơ quan Thuế xác định nếu các thành viên không đánh giá hoặc đánh giá chưa phù hợp giá trị tài sản.

## **129. Hạch toán các chi phí môi giới.**

*Doanh nghiệp chúng tôi hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu nên thường xuyên phát sinh những khoản chi phí môi giới xuất khẩu cho các cá nhân. Khoản chi phí này được hạch toán như thế nào?*

**Giải đáp:** Ngày 5/6/2003, Tổng cục thuế có hướng dẫn về việc xác định thuế đối với chi phí hoa hồng môi giới của doanh nghiệp trả cho cá nhân không kinh doanh, cụ thể như sau:

- Khoản chi hoa hồng môi giới được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế nhưng phải có chứng từ hợp pháp.

- Trường hợp doanh nghiệp chi trả hoa hồng môi giới cho cá nhân không kinh doanh không có hoá đơn, chứng từ thì việc thanh toán hoa hồng môi giới phải được căn cứ vào hợp đồng và bản thanh lý hợp đồng giữa doanh nghiệp và cá nhân làm môi giới. Giám đốc doanh nghiệp duyệt chi và chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của khoản chi này.

### **130. Các hình thức vay ngoại tệ.**

*Doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có được vay vốn bằng ngoại tệ không và trong những trường hợp nào?*

**Giải đáp:** Theo Quyết định số 343/2003/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 4 năm 2003 của NHNN, doanh nghiệp Việt Nam có thể được các ngân hàng hoạt động ngoại hối xem xét cho vay vốn bằng ngoại tệ đối với một số nhu cầu vốn quan trọng sau đây:

- Để thanh toán cho nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng;

- Để thực hiện các dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu; các nhu cầu vốn sản xuất, kinh doanh của khách hàng có nguồn thu ngoại tệ trên lãnh thổ Việt

Nam hoặc không có nguồn thu ngoại tệ nhưng được quyền mua ngoại tệ để trả nợ vay theo quy định;

- Dưới hình thức chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu;

- Để trả nợ nước ngoài trước thời hạn, nếu dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh sử dụng khoản vay nước ngoài có hiệu quả;

- Để thực hiện dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

### **131. Hoàn tiền chênh lệch giá đối với nguyên vật liệu nhập khẩu.**

*Công ty chúng tôi nhập khẩu nguyên vật liệu bán cho doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu. Vậy, công ty có được hoàn thu chênh lệch giá hay không và điều kiện là gì?*

**Giải đáp:** Nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất sản phẩm bán cho doanh nghiệp khác để trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu nếu thuộc đối tượng được xét hoàn thuế nhập khẩu thì cũng được xét hoàn lại tiền thu chênh lệch giá tương ứng với tỷ lệ xuất khẩu thành phẩm.

#### **Điều kiện:**

- Doanh nghiệp nhập khẩu và doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ;

- Có chứng từ mua bán hàng theo đúng quy định chế độ quản lý hóa đơn chứng từ của Bộ Tài chính.

**Thủ tục hồ sơ và thẩm quyền giải quyết hoàn lại tiền thu chênh lệch giá:**

Tương tự như việc giải quyết thủ tục hoàn thuế nhập khẩu.

**132. Bên thứ ba ở nước ngoài được chỉ định nhận hàng và thanh toán.**

*Trường hợp đối tác nhập khẩu nước ngoài chỉ định bên thứ ba (ở nước ngoài) thanh toán và nhận hàng thì quy định pháp luật áp dụng như thế nào? Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng có được coi là chứng từ hợp lệ không?*

**Giải đáp:**

Trường hợp người nhập khẩu chỉ định bên thứ ba (ở nước ngoài) thanh toán và /hoặc nhận hàng.

Trường hợp bên mua hoặc bên bán uỷ quyền cho bên thứ ba là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thực hiện thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ cho cơ sở kinh doanh ở Việt nam (cơ sở xuất khẩu) thì việc thanh toán theo uỷ quyền phải được quy định trong hợp đồng xuất khẩu (hoặc phụ lục hợp đồng nếu có); chứng từ thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu trong trường hợp này là Giấy báo có của Ngân hàng bên xuất khẩu.

### **Tính hợp lệ của các Giấy báo có, báo nợ của ngân hàng:**

Theo thông lệ, các giấy báo có, báo nợ của ngân hàng không phải là chứng từ gốc mà là chứng từ đối soát, do đó thường không có dấu xác nhận của ngân hàng. Vì vậy, cơ quan thuế chỉ dùng các chứng từ này đối chiếu để biết số tiền nhập vào hoặc rút ra từ tài khoản của doanh nghiệp mở tại ngân hàng. Tuy nhiên, các giấy báo nợ, báo có này được coi là chứng từ hợp lệ.

### **133. Khách hàng nước ngoài thanh toán tiền hàng qua tài khoản của công ty Việt Nam khác.**

*Công ty chúng tôi ký hợp đồng xuất khẩu với một công ty nước ngoài. Phía đối tác nước ngoài đã thanh toán toàn bộ tiền hàng của chúng tôi cùng một lần với tiền hàng của một công ty xuất khẩu Việt nam khác và nhờ công ty này chuyển từ tài khoản của họ vào tài khoản của công ty chúng tôi. Như vậy, trường hợp này có được chấp nhận là thanh toán qua ngân hàng không?*

**Giải đáp:** Nếu công ty bạn ký hợp đồng bán hàng hoá với khách hàng nước ngoài, có đủ hoá đơn bán hàng và tờ khai hải quan về hàng xuất khẩu, có xác nhận hàng đã xuất khẩu của cơ quan hải quan; khách hàng chuyển trả tiền hàng cùng một lần với một công ty Việt nam khác kèm theo thư yêu cầu đơn vị này chuyển giúp tiền vào tài khoản của công ty bạn.

Như vậy, trường hợp thanh toán tiền hàng xuất khẩu này được chấp nhận là hình thức thanh toán qua ngân hàng.

### **134. Thuế Tiêu thụ đặc biệt đối với hàng tái nhập khẩu.**

*Công ty chúng tôi xuất khẩu hàng hoá thuộc diện phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng vì một số nguyên nhân buộc phải nhập khẩu trở lại Việt Nam. Vậy, trong trường hợp này, công ty có được miễn thuế tiêu thụ đặc biệt không ?*

**Giải đáp:** Căn cứ quy định tại các Nghị định số 54/CP ngày 28/08/1993, số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998, số 84/1998/NĐ-CP ngày 12/10/1998 của Chính phủ, các Thông tư số 168/1998/TT-BTC ngày 21/12/1998, số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý thuế TTĐB đối với hàng đã xuất khẩu nay tái nhập khẩu như sau:

- Hàng đã xuất khẩu nhưng vì lý do nào đó buộc phải nhập khẩu trở lại Việt nam không phải nộp thuế Tiêu thụ đặc biệt khi tái nhập khẩu. Điều kiện, thủ tục hồ sơ xét không thu thuế Tiêu thụ đặc biệt và thẩm quyền xử lý không thu thuế TTĐB thực hiện thống nhất như đối với không thu thuế nhập khẩu (quy định chi tiết tại tiết k, điểm 1, điểm 2, mục I, phần E, Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998, Thông tư số 151/1999/TT-BTC ngày 30/12/1999 của Bộ Tài chính).

Tuy nhiên hàng hoá tái nhập khẩu trong trường hợp này khi tiêu thụ trên thị trường nội địa thì công ty phải kê khai nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

**135. Đối tác nhập khẩu nước ngoài thanh toán tiền hàng qua tài khoản của thương nhân nước ngoài khác tại Việt Nam.**

*Trường hợp khách hàng nhập khẩu nước ngoài thanh toán tiền hàng qua ngân hàng từ tài khoản vãng lai của một thương nhân nước ngoài khác ở Việt Nam thì có được chấp nhận là thanh toán qua ngân hàng không ?*

**Giải đáp:** Ngày 22/08/2003, Tổng cục Thuế hướng dẫn cụ thể như sau:

Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá được thương nhân nước ngoài thanh toán qua ngân hàng từ tài khoản vãng lai của thương nhân nước ngoài ở Việt Nam phải phù hợp với quy định tại Công văn số 1186/NHNN ngày 1/11/2000 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tức là: việc thanh toán phải được thực hiện bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc Đồng Việt Nam từ tài khoản của người không cư trú mở tại Ngân hàng được phép ở Việt Nam theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối. Chứng từ thanh toán là giấy báo có trên tài khoản của doanh nghiệp có ghi rõ số tài khoản và chủ tài khoản là thương nhân nước

ngoài thì thủ tục hồ sơ thanh toán đủ điều kiện để chấp nhận là thanh toán qua ngân hàng.

### **136. Điều khoản thanh toán trên hợp đồng mua bán ngoại thương.**

*Trường hợp điều khoản thanh toán trên hợp đồng mua bán ngoại thương không ghi rõ "Thanh toán 100% trị giá lô hàng qua ngân hàng" thì xử lý như thế nào để có thể đáp ứng điều kiện thanh toán theo quy định ?*

**Giải đáp:** Các trường hợp thanh toán theo các phương thức: L/C, TTR, TT, DA, DP, nếu không ghi cụ thể trên hợp đồng "Thanh toán 100 % trị giá lô hàng qua ngân hàng" nhưng có đủ các điều kiện sau thì được chấp nhận coi như đủ điều kiện thanh toán 100% trị giá lô hàng:

- Nếu thanh toán trước khi nhận hàng thì chứng từ thanh toán cho lô hàng đó được tập hợp kèm theo tờ khai Hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu hàng hoá để chứng minh với cơ quan Hải quan là doanh nghiệp đã thực thanh toán 100% trị giá lô hàng qua ngân hàng. Hải quan nơi làm thủ tục nếu xác định đúng là chứng từ thanh toán cho lô hàng đó thì chấp nhận.

- Nếu thanh toán sau khi nhận hàng thì trên hợp đồng phải thể hiện rõ thời hạn thanh toán và doanh nghiệp phải cam kết với cơ quan Hải quan khi thanh toán sẽ nộp bổ sung chứng từ thanh toán để chứng minh đã thực thanh toán 100% trị giá lô hàng qua ngân

hàng. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán ghi trên hợp đồng.

### **137. Lập hoá đơn hàng xuất khẩu tại chỗ.**

*Doanh nghiệp chúng tôi có bán hàng cho thương nhân nước ngoài nhưng dưới hình thức giao hàng cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất gia công hàng xuất khẩu. Xin cho biết trong trường hợp này hoá đơn hàng xuất khẩu được lập như thế nào?*

**Giải đáp:** Trường hợp của doanh nghiệp bạn là xuất khẩu hàng tại chỗ. Theo đó, hoá đơn hàng xuất khẩu tại chỗ được lập như sau:

- Chỉ tiêu đơn vị bán hàng: ghi tên đơn vị bán hàng trước, sau đó ghi tên thương nhân nước ngoài mua hàng xuất khẩu tại chỗ. Đối với chỉ tiêu địa chỉ, số điện thoại, số tài khoản, mã số thuế: ghi địa chỉ, số điện thoại, số tài khoản, mã số thuế của đơn vị bán hàng xuất khẩu tại chỗ.

- Chỉ tiêu họ tên người mua hàng: ghi họ tên thương nhân nước ngoài trước, sau đó ghi họ tên người mua hàng của doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ sau. Chỉ tiêu đơn vị: ghi tên đơn vị nhận hàng xuất khẩu tại chỗ. Địa chỉ: ghi địa chỉ tại Việt Nam. Số tài khoản, mã số thuế: ghi số tài khoản, mã số thuế của đơn vị nhận hàng tại Việt Nam.

- Chỉ tiêu hình thức thanh toán: ghi thanh toán qua ngân hàng theo hợp đồng ký với thương nhân nước ngoài.

- Các chỉ tiêu khác được lập theo Chế độ quản lý, sử dụng hoá đơn bán hàng do Bộ trưởng Bộ tài chính quy định.

### **138. Thuế đối với hoa hồng môi giới chi trả cho đối tác nước ngoài.**

*Do yêu cầu mở rộng và phát triển thị trường xuất khẩu, công ty chúng tôi đã phải thuê một công ty môi giới nước ngoài. Vậy khoản hoa hồng môi giới phải trả cho phía đối tác có phải chịu thuế không?*

**Giải đáp:** Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua việc cho phép doanh nghiệp ký kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp đồng môi giới xuất khẩu.

Tuy nhiên, theo hướng dẫn của của Tổng cục thuế, các doanh nghiệp trước khi thanh toán phí hoa hồng cho đối tác nước ngoài cần lưu ý số tiền hoa hồng này thuộc đối tượng chịu thuế tại Việt Nam. Theo đó, doanh nghiệp có nghĩa vụ khấu trừ tiền thuế GTGT 5% và thuế TNDN 5% trên toàn bộ số tiền hoa hồng thanh toán cho đối tác nước ngoài để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Trên thực tế, nếu doanh nghiệp không khấu trừ thuế đối với số tiền hoa hồng thì hoặc doanh nghiệp phải nộp thay thuế cho đối tác người nước ngoài hoặc doanh nghiệp sẽ không được công nhận khoản chi hoa hồng là chi phí hợp lệ.

### **139. Ghi hoá đơn trong trường hợp bán lẻ hàng hoá có giá trị dưới 100.000đ**

*Công ty tôi thường xuyên bán lẻ hàng hoá có giá trị dưới 100.000đ mỗi lần mà hầu hết khách hàng không lấy hoá đơn. Vậy chúng tôi phải xử lý như thế nào?*

#### **Giải đáp:**

• Đối với các trường hợp bán lẻ hàng hoá cho khách hàng có giá trị dưới 100.000 đồng mỗi lần thu tiền:

Theo quy định tại Điểm 1.4a, Mục V.1, Phần B Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 7/11/2002 của Chính phủ về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn thì người bán hàng không bắt buộc phải lập hoá đơn nếu người mua hàng không yêu cầu lập và giao hoá đơn. Tuy nhiên, người bán hàng vẫn phải lập bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ theo mẫu. Căn cứ vào bảng kê bán lẻ này, Công ty lập hoá đơn GTGT cho hàng hoá bán lẻ trong ngày. Cuối tháng, Công ty lập bảng kê hoá đơn GTGT và kê khai thuế GTGT trong tháng theo quy

định. Bảng kê này được gửi kèm theo tờ khai thuế GTGT hàng tháng đến Cục thuế địa phương.

- Đối với các trường hợp bán lẻ hàng hoá cho khách hàng có giá trị lớn hơn 100.000 đồng mỗi lần thu tiền:

Công ty phải lập hoá đơn GTGT để làm căn cứ kê khai và nộp thuế GTGT theo đúng quy định.

#### **140. Điều chỉnh giảm giá trên hoá đơn cho đại lý.**

*Việc điều chỉnh giảm giá trên hoá đơn cho đại lý bán hàng theo hình thức mua đứt, bán đoạn (Không phải đại lý hưởng hoa hồng) được thực hiện như thế nào?*

**Giải đáp:** Về việc điều chỉnh số tiền giảm giá cho đại lý trên hoá đơn, ngày 7/5/2003 Tổng cục Thuế có hướng dẫn như sau:

Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT), đối với trường hợp giảm giá bán cho các đại lý bán hàng cho công ty theo hình thức mua đứt, bán đoạn (không phải đại lý hưởng hoa hồng) và việc giảm giá dựa trên kết quả bán hàng hàng tháng, khi điều chỉnh số tiền giảm giá cho các đại lý này trên hoá đơn, Công ty thực hiện như sau:

- Trường hợp việc giảm giá áp dụng căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hoá thực tế mua đạt mức nhất định, sau khi Công ty

đã viết hoá đơn và kê khai nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế GTGT thì khi thực hiện thanh toán khoản tiền giảm giá cho các đại lý, Công ty căn cứ vào Quyết định giảm giá của Công ty, Biên bản đối chiếu giữa Công ty và đại lý để điều chỉnh khoản tiền giảm giá trên hoá đơn bán hàng của lần mua cuối cùng đạt sản lượng giảm giá hoặc kỳ tiếp theo.

- Hoá đơn phải ghi rõ giảm giá hàng hoá bán của các hoá đơn nào. Hoá đơn này đối với bên bán là chứng từ hạch toán doanh thu và tính thuế, đối với bên đại lý bán hàng là chứng từ hạch toán giá và thuế hàng hoá mua vào.

#### **141. Sử dụng hoá đơn đối với khoản chi hộ cho bên uỷ thác nhập khẩu.**

*Là một đơn vị nhập uỷ thác nhập khẩu, do đó thường xuyên phát sinh các khoản chi hộ cho bên uỷ thác. Vậy chúng tôi cần viết hoá đơn cho những khoản chi này như thế nào?*

**Giải đáp:** Trường hợp Công ty nhận uỷ thác nhập khẩu có phát sinh các khoản chi hộ cho bên uỷ thác thì khi chi hộ, Công ty lập chứng từ ghi tên, địa chỉ, mã số thuế của bên uỷ thác để chuyển cho bên uỷ thác làm căn cứ để hạch toán và khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Trường hợp Công ty nhận uỷ thác nhập khẩu cho nhiều cơ sở, chứng từ chỉ liên quan đến nhiều cơ sở, không thể tách riêng cho từng cơ sở được, vì vậy chứng từ chỉ phải ghi tên, địa chỉ, mã số thuế của Công ty thì:

- Đối với chứng từ chỉ mang tính chất phí, lệ phí (không có hoá đơn GTGT) thì Công ty và bên uỷ thác làm biên bản thanh lý hợp đồng uỷ thác để thanh toán khoản chi này. Hợp đồng uỷ thác, biên bản thanh lý hợp đồng (hoặc đối chiếu công nợ), chứng từ chỉ là căn cứ để Công ty và bên uỷ thác thanh toán và hạch toán chi phí.

- Đối với chứng từ chỉ liên quan đến hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế GTGT có hoá đơn GTGT thì Công ty lập hoá đơn GTGT theo đúng giá và thuế GTGT thực trả liên quan đến hàng hoá nhập khẩu uỷ thác; hoá đơn này là căn cứ để Công ty và bên uỷ thác thanh toán với nhau và làm cơ sở để kê khai thuế GTGT (đầu ra, đầu vào).

## **THAM KHẢO**

### **HÀNG HOÁ VÀ THỊ TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI QUỐC GIA NĂM 2004.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định 1335/2002/QĐ-BTC ngày  
22/10/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).*

**Danh mục hàng hoá trọng điểm xúc tiến thương mại quốc gia  
năm 2004:**

- Thủy sản: cá ba sa, cá tra, cá rô phi, các loại tôm nuôi
- Gạo
- Chè
- Cà phê chế biến
- Hạt tiêu chế biến
- Rau quả và rau quả chế biến
- Dệt may: vào thị trường phi quota, không bị hạn ngạch, phát triển thương hiệu Việt nam.
- Giấy dếp: phát triển thương hiệu Việt nam
- Sản phẩm gỗ
- Hàng thủ công mỹ nghệ
- Hàng điện điện tử, tin học (bao gồm cả phần mềm)
- Sản phẩm nhựa, chất dẻo, đồ chơi

- Sản phẩm cơ khí, điện
- Thịt lợn, tực phẩm chế biến
- Vật liệu, gổm sứ xây dựng
- Mặt hàng khác: mặt hàng mới xuất khẩu lần đầu; mặt hàng xuất khẩu lại sau một thời gian gián đoạn; mặt hàng chỉ xuất khẩu không tiêu thụ được ở trong nước hoặc chỉ xuất khẩu được cho một nước, cần mở rộng xuất khẩu sang nước khác; mặt hàng đặc biệt đột xuất sẽ được công bố bổ sung.

**Danh mục thị trường trọng điểm xúc tiến thương mại quốc gia:**

1. Hoa Kỳ;
2. EU;
3. Nhật Bản;
4. Trung Quốc;
5. Nga và các nước Đông Âu;
6. Hàn Quốc;
7. Angola;
8. Tanzania;
9. Nigeria;
10. Thổ Nhĩ Kỳ;
11. Irắc;
12. Iran;

13. Mêhicô;
14. Nam Mỹ;
15. Lào;
16. Campuchia;
17. Australia;
18. Newzealand;
19. Và các thị trường mới hoặc thị trường đặc biệt  
đợt xuất sẽ được công bố bổ sung.

**CHƯƠNG IV**

**VƯỚNG MẮC VỀ**

**THỦ TỤC HẢI QUAN**

**TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU**

## CHƯƠNG IV

|                                                                                                             | <b>Trang</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 142. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại Việt Nam.                        | 222          |
| 143. Xử lý trường hợp hồ sơ Hải quan (bản sao) nộp cho Hải quan địa phương không có ngày/tháng/năm sao lục. | 227          |
| 144. Hàng đã làm thủ tục xuất khẩu nhưng có sự thay đổi cửa khẩu xuất.                                      | 227          |
| 145. Thủ tục huỷ tờ khai và nhận lại hàng xuất khẩu.                                                        | 228          |
| 146. Thủ tục hải quan đối với hàng uỷ thác xuất khẩu.                                                       | 229          |
| 147. Nhập khẩu sản phẩm hoàn chỉnh để xuất khẩu cùng với sản phẩm gia công.                                 | 230          |
| 148. Giá tính thuế và các biện pháp xử lý đối với hàng nhập khẩu thừa.                                      | 231          |
| 149. Phân loại hàng hoá trước khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá.                                            | 233          |
| 150. Miễn kiểm tra thực tế hàng hoá xuất nhập khẩu.                                                         | 236          |

|      |                                                                              |     |
|------|------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 151. | Thủ tục hải quan đối với hàng hoá của công ty còn nợ thuế nhập khẩu quá hạn. | 238 |
| 152. | Điều kiện chậm nộp chứng từ thuộc hồ sơ hải quan.                            | 239 |
| 153. | Điều kiện để xác định là hàng hoá đã xuất khẩu.                              | 240 |
| 154. | Thời hạn giá trị của Tờ khai hàng hoá xuất nhập khẩu.                        | 240 |
| 155. | Điều kiện để được thông quan hàng hoá.                                       | 241 |
| 156. | Xác định thời điểm tính thuế hàng hoá xuất nhập khẩu.                        | 242 |
| 157. | Giá tính thuế hàng nhập khẩu có giảm giá.                                    | 243 |
| 158. | Thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị là quà tặng.                             | 245 |
| 159. | Hoá đơn đối với hàng xuất khẩu tại chỗ không chịu thuế GTGT.                 | 246 |
| 160. | Thủ tục hồ sơ để phân loại và tính thuế nhập khẩu theo máy chính.            | 247 |
| 161. | Thủ tục Hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất.                              | 248 |
| 162. | Phân loại thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ để tính thuế nhập khẩu.         | 249 |
| 163. | Hồ sơ hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.                              | 252 |

|      |                                                                                                |     |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 164. | Kiểm tra xuất xứ hàng hoá xuất nhập khẩu.                                                      | 254 |
| 165. | Giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.                                                        | 255 |
| 166. | Thay đổi thủ tục xuất khẩu hàng dệt may đi Mỹ.                                                 | 256 |
| 167. | Thủ tục đối với máy móc, thiết bị tạm nhập-tái xuất.                                           | 257 |
| 168. | Tỷ giá hạch toán doanh số bán hàng xuất nhập khẩu.                                             | 257 |
| 169. | Xuất nhập khẩu tại chỗ hàng gia công và thanh lý hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài. | 258 |
| 170. | Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.                | 260 |
| 171. | Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.                                       | 263 |
| 172. | Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tại chỗ.                                      | 264 |
| 173. | Hoàn tiền thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu.                                                   | 267 |
| 174. | Thủ tục xuất nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ.                                                | 269 |
| 175. | Điều kiện chuyển cửa khẩu đối với hàng nhập khẩu.                                              | 270 |
| 176. | Trường hợp hàng hoá xuất, nhập khẩu phải kiểm tra                                              | 271 |

sau thông quan.

- |      |                                                                                               |     |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 177. | Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu phải dán tem.                                     | 273 |
| 178. | Thủ tục hải quan đối với hàng nhập khẩu chuyển cửa khẩu.                                      | 275 |
| 179. | Tạm nhập, tái xuất xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi.                                                   | 276 |
| 180. | Thủ tục tạm nhập hàng hoá tham gia hội chợ triển lãm.                                         | 278 |
| 181. | Thủ tục hải quan đối với tài sản cho thuê tài chính nhập khẩu.                                | 279 |
| 182. | Thủ tục hải quan xuất nhập khẩu qua đường bưu điện và chuyển phát nhanh.                      | 280 |
| 183. | Thủ tục Hải quan đối với hàng hoá, vận chuyển bằng đường hàng không quốc tế theo thẻ hành lý. | 282 |
| 184. | Thủ tục tái xuất hàng nhập khẩu tham gia triển lãm.                                           | 284 |
| 185. | Áp mã hàng nhập khẩu trong trường hợp khác với mã hàng của nước xuất khẩu.                    | 285 |

**142. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại Việt Nam.**

*Hàng hoá của doanh nghiệp đã xuất khẩu nhưng vì nhiều lý do phải nhập khẩu trở lại Việt Nam. Trường hợp đó, thủ tục hải quan như thế nào?*

**Giải đáp:**

**1. Hàng hoá đã xuất khẩu, khi nhập khẩu trở lại Việt Nam (dưới đây gọi là tái nhập) bao gồm các trường hợp sau:**

- Hàng tái nhập để sửa chữa, tái chế, sau đó lại tái xuất.
- Hàng tái nhập để tiêu thụ nội địa.
- Hàng tái nhập phải tiêu hủy.

**2. Hàng tái nhập phải tuân thủ trình tự nguyên tắc thủ tục sau:**

Chủ hàng có văn bản đề nghị tái nhập gửi Hải quan cửa khẩu nơi hàng tái nhập kèm theo văn bản từ chối nhận hàng của bên nước ngoài.

Nội dung văn bản đề nghị tái nhập nói rõ:

- + Lý do tái nhập:

+ Mục đích tái nhập (nếu tái nhập để sửa chữa, tái chế, sau đó tái xuất thì cần ghi rõ thời gian, địa điểm tái chế, những hao hụt sau khi tái chế);

+ Số/ngày/tháng/năm của tờ khai xuất khẩu, cửa khẩu xuất;

+ Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hồ sơ và thực tế lô hàng tái nhập.

Chủ hàng phải xuất trình lô hàng tái nhập và bộ hồ sơ lô hàng (hồ sơ khi xuất khẩu và hồ sơ tái nhập).

Nếu hàng hoá xuất khẩu có mẫu lưu hoặc mẫu nguyên liệu lưu thì phải xuất trình mẫu lưu liên quan. Chủ hàng phải chịu sự kiểm tra hải quan và làm thủ tục hải quan theo quy định tại mục 3 dưới đây.

### **3. Thủ tục hải quan cụ thể:**

3.1 Đối với hàng hoá tái nhập để sửa chữa, tái chế, sau đó tái xuất:

- Chủ hàng khai báo hải quan như đối với hàng tạm nhập để tái xuất, nộp hồ sơ hải quan gồm:

+ Văn bản đề nghị tái nhập;

+ Tờ khai hàng hoá nhập khẩu, bản kê khai chi tiết hàng hoá (đối với lô hàng có nhiều chủng loại);

+ Vận tải đơn;

+ Văn bản từ chối nhận hàng của bên nước ngoài;

+ Xuất trình hồ sơ hải quan xuất khẩu lô hàng trước đây.

- Hải quan thực hiện công tác kiểm tra hải quan đối với lô hàng, đối chiếu với mẫu lưu (nếu có):

+ Nếu hàng tái nhập phù hợp hàng đã xuất khẩu thì ghi xác nhận vào phần kiểm tra hàng hoá của Cơ quan Hải quan trên tờ kê khai là: “Hàng thực nhập phù hợp với bộ hồ sơ hải quan khi xuất khẩu”. Trường hợp lô hàng khi xuất khẩu trước đây được miễn kiểm tra hải quan thì Hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục tái nhập phải kiểm tra chi tiết và xác nhận vào Tờ khai hàng hoá nhập khẩu, làm cơ sở cho Hải quan nơi làm thủ tục tái xuất sau này. Lấy mẫu hàng tái nhập lưu (nếu có) niêm phong giao chủ hàng bảo quản để xuất trình với hải quan khi làm thủ tục tái xuất lô hàng.

+ Nếu hàng tái nhập không phù hợp hàng đã xuất khẩu thì ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hoá trên tờ khai và làm thủ tục theo đúng chính sách quản lý đối với hàng hoá đó; lập biên bản vi phạm và xử lý theo quy định hiện hành.

- Sau quá trình sửa chữa, tái chế lại nếu có thay đổi về nội dung tính thuế lô hàng thì chủ hàng phải khai báo để hải quan tính thuế theo lô hàng thực thực tế tái xuất và điều chỉnh tăng giảm tiền thuế so với thực tế xuất khẩu thể hiện trên Tờ khai xuất khẩu trước đây.

- Hải quan cửa khẩu xuất cuối cùng kiểm tra hồ sơ lô hàng và thực tế hàng để làm thủ tục tái xuất.

### 3.2 Đối với hàng tái nhập để tiêu thụ nội địa.

*a/ Trường hợp lô hàng tái nhập đã được kiểm tra thực tế khi xuất khẩu:*

- Chủ hàng khai báo và làm thủ tục hải quan như đối với một lô hàng nhập khẩu, nộp hồ sơ hải quan gồm:

+ Văn bản đề nghị tái nhập;

+ Tờ khai hàng hoá nhập khẩu; Bản kê khai chi tiết hàng hoá (đối với lô hàng có nhiều chủng loại);

+ Vận tải đơn;

+ Văn bản từ chối nhận hàng của bên nước ngoài;

+ Xuất trình hồ sơ hải quan xuất khẩu lô hàng trước đây.

- Hải quan Cửa khẩu nơi lô hàng tái nhập căn cứ bộ hồ sơ xuất khẩu lô hàng có xác nhận của hải quan (Xác nhận kết quả kiểm hoá, tính thuế xuất khẩu) để kiểm tra nội dung khai báo tái nhập và các chứng từ liên quan của chủ hàng, kiểm tra hàng hoá tái nhập. Sau khi kiểm tra thực tế hàng tái nhập cần lưu ý:

+ Nếu hàng tái nhập hoàn toàn phù hợp với hàng đã xuất khẩu thì ghi xác nhận như ở phần 3.1 trên đây và tiến hành thủ tục cho thông quan.

+ Nếu hàng tái nhập không phải là lô hàng xuất khẩu trước đó theo khai báo của chủ hàng thì lập biên bản xử lý theo quy định hiện hành. Nếu trong Quyết định xử lý cho phép nhập khẩu thì làm thủ tục nhập khẩu như đối với một lô hàng nhập khẩu bình thường khác.

+ Nếu chủ hàng không chứng minh được lô hàng tái nhập đúng là lô hàng đã xuất khẩu thì coi như doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng khác. Hải quan làm thủ tục theo đúng chính sách quản lý đối với mặt hàng đó.

*b) Trường hợp khi xuất khẩu, hàng được miễn kiểm tra hải quan.*

- Thủ tục thực hiện như quy định tại điểm a nêu trên.

- Chính sách thuế đối với trường hợp này:

+ Nếu chủ hàng chứng minh được lô hàng tái nhập đúng là lô hàng đã xuất khẩu, thì chính sách thuế thực hiện như điểm a nêu trên.

+ Nếu chủ hàng không có đầy đủ căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học để chứng minh được lô hàng tái nhập đúng là lô hàng đã xuất khẩu thì coi như Doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng khác, Hải quan làm thủ tục theo đúng chính sách quản lý đối với mặt hàng đó.

### 3.3 Đối với hàng tái nhập để tiêu huỷ:

- Chủ hàng khai báo và làm thủ tục hải quan như đối với một lô hàng nhập khẩu, nộp hồ sơ hải quan gồm:

+ Văn bản đề nghị tái nhập;

+ Tờ khai hàng hoá nhập khẩu; Bản kê khai chi tiết hàng hoá (đối với lô hàng có nhiều chủng loại); vận tải đơn;

+ Văn bản từ chối nhận hàng của bên nước ngoài;

+ Xuất trình hồ sơ hải quan xuất khẩu lô hàng trước đây.

- Hải quan cửa khẩu tiếp nhận tờ khai hàng hoá nhập khẩu, kiểm tra thực hàng; đối chiếu giữa thực tế hàng hoá và hồ sơ liên quan, nếu phù hợp lô hàng đã xuất khẩu thì xác nhận vào Tờ khai như quy định tại phần 3.1 trên đây.

- Thực hiện giám sát hải quan cho đến khi hàng được tiêu huỷ. Thủ tục tiêu huỷ theo quy định hiện hành đối với từng trường hợp hàng hoá cụ thể.

**143. Xử lý trường hợp hồ sơ Hải quan (bản sao) nộp cho Hải quan địa phương không có ngày/tháng/năm sao lục.**

*Hải quan địa phương từ chối nhận hồ sơ Hải quan (bản sao) của doanh nghiệp với lý do không có ngày/tháng/năm sao lục, việc này có đúng không?*

**Giải đáp:** Đúng, bởi để đảm bảo sự đồng bộ và nhất quán của hồ sơ hải quan, kể từ tháng 5/2003, tất cả các bản sao hồ sơ hải quan mà doanh nghiệp sao nộp cho Hải quan kèm tờ khai Hải quan đều phải có ngày/tháng/năm sao lục. Công chức Hải quan làm nhiệm vụ tiếp nhận đăng ký hồ sơ hải quan sẽ không tiếp nhận Tờ khai của doanh nghiệp nếu văn bản sao lục không ghi rõ ngày/tháng/năm sao lục.

**144. Hàng đã làm thủ tục xuất khẩu nhưng có sự thay đổi cửa khẩu xuất.**

*Nếu đã xuất khẩu một phần hàng hoá, nhưng vì nhiều lý do, Doanh nghiệp muốn xuất khẩu số hàng còn lại tại cửa khẩu khác thì thủ tục như thế nào?*

**Giải đáp:** Hàng hoá đã xuất khẩu một phần nhưng vì lý do nào đó không xuất tiếp được, doanh nghiệp xin chuyển hàng còn lại đến cửa khẩu khác để xuất thì xử lý như sau:

- Doanh nghiệp yêu cầu cơ quan Hải quan cửa khẩu xuất xác nhận phần hàng thực xuất lên tờ khai hàng hoá xuất khẩu và chịu trách nhiệm việc xác nhận này.

- Doanh nghiệp có văn bản gửi cơ quan Hải quan nơi tiếp nhận, đăng ký tờ khai ban đầu xem xét hồ sơ và căn cứ tờ khai đã có xác nhận thực xuất một phần, nếu thấy hợp lý thì cơ quan hải quan cho đăng ký tờ khai mới để làm thủ tục xuất tiếp số hàng còn lại.

#### **145. Thủ tục huỷ tờ khai và nhận lại hàng xuất khẩu.**

*Trường hợp doanh nghiệp đã làm xong thủ tục chuyển cửa khẩu để xuất khẩu, nhưng vì nhiều lý do, doanh nghiệp muốn nhận lại hàng, huỷ tờ khai thì thủ tục quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Đối với các lô hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục chuyển cửa khẩu để xuất khẩu nhưng vì lý do nào đó, doanh nghiệp muốn nhận lại hàng, huỷ tờ khai đã làm thủ tục thì giải quyết như sau:

- Nếu doanh nghiệp đề nghị thay đổi cửa khẩu xuất khẩu lô hàng (không thay đổi về nội dung hàng hoá) thì doanh nghiệp có văn bản gửi đơn vị Hải quan nơi tiếp nhận, đăng ký tờ khai xác nhận và chuyển đến đơn vị Hải quan cửa khẩu xuất để phối hợp giải quyết. Trường hợp này, Hải quan không giải quyết cho huỷ tờ khai và nhận lại hàng.

- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị không tiếp tục xuất hàng vì cần phải thay đổi về nội dung hàng hoá như: số lượng, chủng loại, chất lượng, mẫu mã, bao bì .v.v... thì doanh nghiệp phải có văn bản giải trình, kèm theo văn bản yêu cầu điều chỉnh hàng hoá của bên mua gửi bên bán. Nếu bán giải trình xét thấy hợp lý và không phát hiện có dấu hiệu buôn lậu, gian lận trốn thuế thì Chi cục trưởng Hải quan nơi tiếp nhận, đăng ký tờ khai căn cứ hồ sơ và phối hợp với Hải quan cửa khẩu xuất xem xét hàng hoá thực tế để giải quyết việc huỷ tờ khai và cho nhận lại hàng. Khi xuất khẩu lô hàng, doanh nghiệp phải làm lại thủ tục Hải quan.

#### **146. Thủ tục hải quan đối với hàng uỷ thác xuất khẩu.**

*Thủ tục, hồ sơ đối với hàng hoá uỷ thác xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Cơ sở có hàng hoá uỷ thác xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hoá uỷ thác xuất khẩu phải có đầy đủ thủ tục hồ sơ theo quy định tại tiết 1.1 điểm 1, mục II, phần B Thông tư số 82/2002/TT-BTC ngày 18/09/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT). Cụ thể là:

- Hợp đồng uỷ thác xuất khẩu.
- Hóa đơn GTGT bán hàng.

- Hàng hóa xuất khẩu cho thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất phải thanh toán qua Ngân hàng. Chứng từ thanh toán với thương nhân nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Tờ khai hải quan về hàng xuất khẩu có xác nhận hàng đã xuất khẩu của cơ quan hải quan. Tờ khai hải quan về hàng hoá xuất khẩu của bên nhận uỷ thác, nếu là bản sao phải có đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu ký, đóng dấu.

Đối với trường hợp bên nhận uỷ thác xuất khẩu ký Hợp đồng mua bán ngoại thương xuất khẩu hàng hoá theo chuyển hàng bao gồm hàng hoá của nhiều đơn vị uỷ thác xuất khẩu ở Việt Nam nên không thể thể hiện hết trên ô số 3 Tờ khai Hải quan hàng hoá xuất nhập khẩu, thì ngoài việc phải có đầy đủ thủ tục, hồ sơ theo quy định trên, cơ sở có hàng hoá uỷ thác xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hoá uỷ thác xuất khẩu phải có hồ sơ sau:

- Bản sao hoá đơn thương mại;

- Bảng kê chi tiết tên hàng hoá, số lượng đơn giá và doanh thu hàng đã xuất cho từng đơn vị uỷ thác (bảng kê này do bên nhận uỷ thác kê khai có chữ ký và đóng dấu của người có trách nhiệm của bên nhận uỷ thác);

- Biên bản thanh lý hợp đồng uỷ thác xuất khẩu (bản chính).

**147. Nhập khẩu sản phẩm hoàn chỉnh để xuất khẩu cùng với sản phẩm gia công.**

*Chúng tôi là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nếu tiến hành nhập khẩu sản phẩm hoàn chỉnh sau đó đóng gói chung với sản phẩm gia công để xuất khẩu thì thủ tục quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhập khẩu sản phẩm hoàn chỉnh sau đó đóng gói chung với sản phẩm gia công xuất khẩu chỉ có thể làm thủ tục hải quan theo loại hình tạm nhập-tái xuất, không thể làm thủ tục theo loại hình sản xuất xuất khẩu.

Trường hợp này pháp luật chưa có quy định cụ thể, do vậy doanh nghiệp cần xin ý kiến của Bộ Thương mại để được thực hiện theo loại hình tạm nhập tái - xuất.

**148. Giá tính thuế và các biện pháp xử lý đối với hàng nhập khẩu thừa.**

*Lô hàng công ty chúng tôi nhập khẩu về thừa nhiều hơn so với số lượng ghi trên hợp đồng và khai báo với cơ quan Hải quan. Vậy giá tính thuế và các quy định xử lý áp dụng cho trường hợp này như thế nào ?*

**Giải đáp:** Về xác định giá tính thuế cho các lô hàng có hàng nhập khẩu thừa so với hợp đồng và khai báo, ngày 08/09/2003 Tổng cục Hải quan có hướng dẫn như sau:

**1. Đối với các lô hàng nhập khẩu có số lượng hàng hoá nhập khẩu thừa so với hợp đồng nhưng doanh nghiệp không khai báo Hải quan.**

- Về mặt xử lý vi phạm: Cục Hải quan tỉnh, thành phố căn cứ vào các quy định của pháp luật về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan và các văn bản pháp luật khác có liên quan để xử lý theo đúng quy định.

- Về giá tính thuế: căn cứ vào kết quả xử lý vi phạm nếu phải tính thuế thì việc xác định trị giá tính thuế như sau:

+ *Đối với doanh nghiệp vi phạm lần đầu:*

- Trường hợp không cố ý khai man số lượng: Đối với số lượng hàng hoá nhập khẩu phù hợp với số lượng ghi trên hợp đồng thì căn cứ các quy định hiện hành về quản lý giá tính thuế để xác định theo đúng quy định. Đối với số lượng hàng hoá nhập khẩu thừa so với số lượng ghi trên hợp đồng thì giá tính thuế là giá tối thiểu.

- Trường hợp doanh nghiệp cố ý khai man số lượng thì toàn bộ số lượng hàng hoá nhập khẩu của lô hàng được tính thuế theo giá tối thiểu.

+ *Đối với doanh nghiệp vi phạm lần thứ hai trở lên thì ngoài việc xử lý theo pháp luật, toàn bộ số lượng hàng hoá nhập khẩu trên hợp đồng cũng áp giá tối thiểu.*

**2 Đối với các lô hàng nhập khẩu có số lượng hàng hoá nhập khẩu thừa so với hợp đồng nhưng doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan hải quan:**

- Đối với lượng hàng hoá phù hợp với hợp đồng, nếu thỏa mãn các điều kiện quy định tại Thông tư 08/2002/TT/BTC ngày 23/01/2002 của Bộ Tài chính thì giá tính thuế là giá ghi trên hợp đồng.

- Đối với lượng hàng hoá thừa so với số lượng ghi trên hợp đồng mà doanh nghiệp đã khai báo với hải quan thì giá tính thuế là giá tối thiểu.

### **149. Phân loại hàng hoá trước khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá.**

*Phân loại hàng hoá áp dụng trong trường hợp nào? Thủ tục thực hiện và trách nhiệm của người khai hải quan được quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Căn cứ mục IV phần B Thông tư 85/2003/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2003 hướng dẫn thực hiện việc phân loại hàng hoá theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Biểu thuế xuất khẩu thì việc phân loại hàng hoá trước khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá (dưới đây gọi tắt là phân loại trước) được áp dụng trong trường hợp người khai hải quan chưa làm thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá.

#### **1. Phân loại hàng hoá trước trong trường hợp đã có mẫu hàng.**

##### **1.1. Thủ tục thực hiện:**

- Người khai hải quan có yêu cầu phân loại trước gửi Phiếu yêu cầu kèm mẫu hàng và tài liệu liên quan cho Chi cục Hải quan nơi dự kiến sẽ làm thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá để thực hiện phân loại.

- Chi cục Hải quan tiếp nhận yêu cầu trên, thực hiện việc phân loại và ra Thông báo kết quả phân loại cho người khai hải quan.

Trường hợp không phân loại được thì Chi cục Hải quan đề nghị Trung tâm PTPL thực hiện phân loại.

### ***1.2. Hiệu lực của thông báo kết quả phân loại trước:***

Thông báo kết quả phân loại trước có hiệu lực thực hiện trong 6 tháng kể từ ngày cơ quan hải quan ra Thông báo. Quá thời hạn trên mà người khai hải quan không làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thì Thông báo đó không còn giá trị thực hiện.

Đối với những mặt hàng nhanh thay đổi, biến chất thì thời hạn hiệu lực ngắn hơn (tùy tính chất mặt hàng và điều kiện bảo quản mẫu. Chi cục Hải quan thực hiện việc phân loại quyết định thời hạn hiệu lực của thông báo phù hợp đối với từng trường hợp cụ thể).

### ***1.3. Điều kiện áp dụng kết quả phân loại trước:***

- Mẫu lưu còn nguyên trạng. Mẫu này có thể được lưu tại Chi cục Hải quan hoặc tại doanh nghiệp hay kho của người vận tải nếu đáp ứng yêu cầu niêm phong hải quan và được Chi cục trưởng Chi cục Hải quan chấp nhận.

- Thực tế hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được Chi cục Hải quan xác định đúng là hàng hoá đã được phân loại trước;

- Trong thời gian từ khi cơ quan hải quan Thông báo kết quả phân loại trước đến khi người khai hải quan làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu thực tế hàng hoá, quy định của pháp luật về phân loại hàng hoá đối với mặt hàng phân loại trước không có sự thay đổi.

- Cơ quan hải quan không có phát hiện về sai sót hoặc khai báo không trung thực của người khai hải quan hoặc sai sót của cơ quan hải quan trong phân loại trước.

#### ***1.4. Quy định về lưu mẫu:***

- Trường hợp Chi cục Hải quan trực tiếp thực hiện việc phân loại thì thời gian lưu mẫu tại cửa khẩu là một năm kể từ ngày tiếp nhận mẫu. Đối với những mặt hàng nhanh bị thay đổi, biến chất thì thời gian lưu mẫu là thời hạn hiệu lực của Thông báo kết quả phân loại trước.

- Trường hợp Chi cục Hải quan đề nghị Trung tâm PTPL thực hiện việc phân loại thì thời gian lưu mẫu tại Chi cục Hải quan thực hiện theo quy định tại Quy chế phân tích, phân loại hàng hoá của Tổng cục Hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 710/TCHQ/QĐ/PTPL ngày 03/6/2003.

**2. Phân loại trước trong trường hợp có mẫu hàng nhưng không thể lấy và lưu mẫu (hàng có khối lượng, kích thước lớn, hàng có yêu cầu bảo quản đặc biệt).**

Thủ tục đề nghị phân loại trước thực hiện như quy định tại tiết 1.1 trên đây.

Sau khi chấp nhận đề nghị của người khai hải quan và các tài liệu, thông tin cần thiết cho việc phân loại hàng hoá. Chi cục Hải quan cử kiểm hoá viên trực tiếp kiểm tra, chụp ảnh hàng hoá và thực hiện phân loại hàng hoá, thông báo kết quả phân loại cho người khai hải quan.

Trường hợp không phân loại được thì Chi cục Hải quan đề nghị Trung tâm PTPL thực hiện phân loại.

### **3. Phân loại trước trong trường hợp không có mẫu hàng.**

Thủ tục đề nghị phân loại trước thực hiện như đối với trường hợp có mẫu hàng. Trường hợp này, người khai hải quan cần mô tả chi tiết hàng hoá tại phiếu yêu cầu phân loại trước và cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết cho Chi cục Hải quan. Nếu không đủ cơ sở phân loại, Chi cục Hải quan có quyền từ chối yêu cầu của người khai hải quan.

Thông báo kết quả phân loại trước trong trường hợp không có mẫu hàng lưu tại cơ quan hải quan có giá trị tham khảo khi làm thủ tục hải quan.

## **150. Miễn kiểm tra thực tế hàng hoá xuất nhập khẩu.**

*Điều kiện được miễn kiểm tra thực tế hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là gì ?*

**Giải đáp:**

**1. Điều kiện đối với chủ hàng hoá được miễn kiểm tra:**

- Chủ hàng hoá xuất khẩu có quá trình 01 (một) năm xuất khẩu kể từ ngày làm thủ tục hải quan không bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan với mức phạt trong thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng Hải quan.

- Chủ hàng hoá nhập khẩu có quá trình 02 (hai) năm nhập khẩu kể từ ngày làm thủ tục hải quan không bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan với mức phạt trong thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng Hải quan.

**2. Điều kiện đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được miễn kiểm tra thực tế:**

- *Đối với hàng hóa xuất khẩu:* hàng nông sản, thủy sản; hàng dệt may; giày dép, cao su tự nhiên; hàng thực phẩm tươi sống; hàng thực phẩm chế biến; hàng hóa cần phải được bảo quản đặc biệt; hàng cơ khí điện máy; hàng lông, hàng rời; các mặt hàng mà việc xác định khối lượng, chất lượng, chủng loại hàng hoá phải căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức giám định; hàng hoá xuất khẩu của doanh nghiệp trong khu chế xuất; hàng hoá xuất khẩu thường xuyên; hàng hoá khác do Chính phủ quy định.

- *Đối với hàng hóa nhập khẩu:* thiết bị, máy móc; hàng thực phẩm tươi sống; hàng hóa cần phải bảo quản đặc biệt;

hàng hoá gửi kho ngoại quan, kho bảo thuế; hàng hoá nhập khẩu để đưa vào khu chế xuất, bảo thuế hoặc khu vực ưu đãi hải quan khác; hàng lỏng, hàng rời và các mặt hàng mà việc xác định khối lượng, chất lượng, chủng loại phải căn cứ vào kết luận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc của tổ chức giám định; hàng hoá nhập khẩu thường xuyên; hàng hoá khác do Chính phủ quy định.

**151. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá của công ty còn nợ thuế nhập khẩu quá hạn. .**

*Công ty chúng tôi còn nợ thuế nhập khẩu một lô hàng đang chờ giải quyết khiếu nại về thuế, nay công ty lại nhập một lô hàng khác đã về đến cửa khẩu. Xin hỏi trường hợp Công ty còn nợ thuế nhập khẩu có được làm thủ tục hải quan nhập khẩu cho lô hàng tiếp theo hay không?*

**Giải đáp:** Trường hợp doanh nghiệp còn nợ thuế nhập khẩu quá hạn với lý do đang chờ giải quyết khiếu nại về thuế nhập khẩu, để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu, Tổng cục Hải quan đã có hướng dẫn, theo đó Công ty được tạm thời làm thủ tục hải quan nhập khẩu lô hàng tiếp theo đã về đến cửa khẩu với điều kiện:

- Công ty không có nợ thuế quá hạn của các lô hàng xuất nhập khẩu khác.
- Các lô hàng được phép nhập khẩu làm thủ tục nhập khẩu phải hợp pháp hợp lệ.

**152. Điều kiện được chậm nộp chứng từ thuộc hồ sơ hải quan:**

*Trong trường hợp nào doanh nghiệp được chậm nộp chứng từ thuộc hồ sơ hải quan khi làm thủ tục hải quan như Giấy chứng nhận xuất xứ, Tờ khai hải quan...?*

**Giải đáp:** Trường hợp được Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu chấp nhận, người khai hải quan được nộp chậm các chứng từ sau:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O). Thời hạn nộp chậm không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan;

b) Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan. Thời hạn nộp chậm không quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Riêng đối với tờ khai hải quan, doanh nghiệp phải nộp ngay khi làm thủ tục hải quan cho lô hàng xuất nhập khẩu, không được phép chậm nộp.

**153. Điều kiện để xác định là hàng hoá đã xuất khẩu.**

*Trường hợp công ty bán hàng hoá cho một công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài hoạt động và tiêu dùng tại Việt Nam theo chỉ định của một thương nhân khác ở nước ngoài có được xem là hàng đã xuất khẩu không?*

**Giải đáp:** Hàng hoá được coi là xuất khẩu nếu có đầy đủ các hồ sơ, chứng từ chứng minh là hàng thực tế xuất khẩu, trong đó bao gồm: hợp đồng mua bán hàng hoá, tờ khai hải quan về hàng xuất khẩu có xác nhận hàng đã xuất khẩu của cơ quan Hải quan.

Đối với trường hợp Công ty bán hàng cho Công ty 100% vốn nước ngoài khác tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài và được tiêu dùng tại Việt Nam thì các loại hàng hoá này không được coi là đã xuất khẩu.

**154. Thời hạn giá trị của Tờ khai hàng hoá xuất nhập khẩu.**

*Thời hạn của Tờ khai hàng hoá xuất nhập khẩu có giá trị trong bao lâu và doanh nghiệp phải kê khai lại trong trường hợp nào?*

**Giải đáp:** Theo Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 1998 của BTC, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp tờ khai hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan nhưng doanh nghiệp chưa có hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu thì tờ khai hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã nộp cho cơ quan Hải quan sẽ không còn giá trị.

Khi quá hạn trên mà doanh nghiệp mới có hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu thì doanh nghiệp phải làm lại thủ tục kê khai và nộp tờ khai hàng xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan. Thời điểm tính thuế là ngày nộp tờ khai lần sau.

• Khi quá hạn trên mà doanh nghiệp mới có hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu thì doanh nghiệp phải làm lại thủ tục kê khai và nộp tờ khai hàng xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan. Thời điểm tính thuế là ngày nộp tờ khai lần sau.

### **155. Điều kiện để được thông quan hàng hoá.**

*Doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hoá phải đảm bảo điều kiện gì để được thông quan hàng hoá?*

**Giải đáp:**

1. Hàng hoá xuất nhập khẩu được thông quan hàng hoá khi có đủ căn cứ sau:

a) Khai báo của người khai hải quan hoặc kết luận của cơ quan kiểm tra nhà nước, tổ chức giám định đối với hàng hoá miễn kiểm tra thực tế;

b) Kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa của cơ quan hải quan đối với hàng hoá phải kiểm tra thực tế;

c) Giấy xác nhận đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa của tổ chức giám định hoặc thông-báo miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá;

d) Kết quả giám định đối với hàng hóa có yêu cầu giám định.

2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không thuộc diện chịu các loại thuế do cơ quan hải quan thu, hàng được miễn thuế, hàng gia công, hàng đặc biệt khác được thông quan ngay sau khi có xác nhận của cơ quan hải quan trên tờ khai về kết quả kiểm tra thực tế hàng hoá.

3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện có thuế được thông quan sau khi người khai hải quan đã nộp thuế. Hàng hóa có thời gian ân hạn nộp thuế được thông quan sau khi cơ quan hải quan ra thông báo thuế.

## **156. Xác định thời điểm tính thuế hàng hoá xuất nhập khẩu.**

*Thời điểm tính thuế hàng hoá xuất nhập khẩu được xác định khi nào? Sự khác biệt so với quy định trước đây ra sao ?*

**Giải đáp:** Theo quy định trước đây, mặc dù doanh nghiệp được phép mở tờ khai trước, nhưng nếu trong khoảng thời gian từ khi doanh nghiệp đăng ký tờ khai đến khi hàng thực về đến cửa khẩu có sự thay đổi về chính sách thuế thì giá tính thuế lại được xác định tại thời điểm hàng về đến cửa khẩu.

Kể từ ngày 01/04/2003, thời điểm tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là ngày đối tượng nộp thuế nộp tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được tính theo thuế suất, giá tính thuế, tỷ giá tại ngày đối tượng nộp thuế nộp tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan.

Quá 15 ngày kể từ ngày nộp tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan Hải quan nhưng đối tượng nộp thuế chưa có hàng thực xuất khẩu, thực nhập, khẩu thì tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã nộp cho cơ quan Hải quan không có giá trị làm thủ tục Hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

### **157. Giá tính thuế hàng nhập khẩu có giảm giá.**

*Trong lô hàng vừa nhập khẩu, bên bán hàng có thoả thuận giảm phần trăm giá bán cho doanh nghiệp chúng tôi. Vậy khi tính thuế nhập khẩu số hàng này, chúng tôi có được trừ khoản giảm giá này không?*

**Giải đáp:** Đối với trường hợp người bán giảm giá cho người mua hàng, theo Thông tư số 08/2002/TT-BTC ngày 23/1/2002 thì giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu được trừ khoản giảm giá nếu đủ các điều kiện sau:

- Việc thoả thuận giảm giá phải được thực hiện bằng văn bản trước khi bên bán hàng hoàn thành thủ tục gửi hàng cho bên mua, phải ghi rõ nguyên nhân của việc giảm giá đó;

- Giá ghi trong hoá đơn thương mại phù hợp với mức giá đã được giảm theo thoả thuận;

- Giá thực tế phải thanh toán phù hợp với mức giá đã được giảm.

Theo đó, khoản giảm giá được khấu trừ khỏi giá tính thuế nhập khẩu tối đa không vượt quá 10% trên tổng giá của loại hàng hoá đó ghi trên hợp đồng.

Trường hợp hàng hoá nhập khẩu thuộc danh mục các mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế nhập khẩu mà có giá thực tế phải thanh toán sau khi đã khấu trừ khoản giảm giá thấp hơn giá ghi trong Bảng giá tính thuế tối thiểu do Bộ tài chính ban hành thì áp dụng theo bảng giá tối thiểu.

**158. Thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị là quà tặng.**

*Chúng tôi là một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có nhập khẩu quà tặng là máy móc thiết bị của Công ty mẹ tại Nhật Bản vừa ngừng sản xuất để chuyển hướng hoạt động. Trường hợp của chúng tôi có được nhập khẩu lô hàng quà tặng không, thủ tục nhập khẩu như thế nào?*

**Giải đáp:** Để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Doanh nghiệp, Bộ Thương mại có hướng dẫn cho phép Công ty được nhập khẩu lô hàng là quà tặng của Công ty mẹ. Khi tiến hành nhập khẩu lô hàng nói trên Công ty phải tuân thủ các quy định sau:

- Thông tư 172/1998/TT- BTC ngày 22/12/1998 hướng dẫn thi hành Nghị định 54/CP ngày 28/8/1993 quy định chi tiết thi hành luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Thông tư 28-TC/TCT ngày 17/7/1992 quy định định mức miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và chế độ quản lý đối với hàng hoá xuất nhập khẩu là quà biếu, quà tặng.

- Quyết định 46/2001/QĐ-TTg ngày 4/4/2001 về quản lý điều hành xuất nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001-2005.

Theo đó, đối với trường hợp lô hàng là quà tặng của Công ty được miễn thuế nhập khẩu nếu trị giá lô hàng không vượt quá 3,000

USD. Nếu lô hàng là quà tặng có trị giá trên 3,000 USD thì phải nộp thuế theo biểu thuế hiện hành.

Nếu lô hàng nằm trong danh mục hàng hoá nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ thương mại thì Doanh nghiệp phải xin phép Bộ thương mại.

**159. Hoá đơn đối với hàng xuất khẩu tại chỗ không chịu thuế GTGT.**

*Trường hợp Hải quan yêu cầu Doanh nghiệp phải xuất trình hoá đơn GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu tại chỗ không thuộc diện chịu thuế GTGT, như vậy có đúng không?*

**Giải đáp:** Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu tại chỗ hiện nay yêu cầu doanh nghiệp khi xuất trình bộ hồ sơ hải quan phải có hoá đơn GTGT. Tuy nhiên, điều kiện này chỉ áp dụng đối với những trường hợp hoặc những mặt hàng thuộc loại phải chịu thuế GTGT.

Những trường hợp hoặc những mặt hàng không phải chịu thuế GTGT nhưng phải chịu các loại thuế tương ứng khác thì trong hồ sơ Hải quan phải có hoá đơn thuế đối với loại thuế tương ứng đó. Cơ quan hải quan phải có trách nhiệm xác định các trường hợp hoặc các mặt hàng phải chịu thuế GTGT; không phải chịu thuế GTGT

nhưng phải nộp các loại thuế khác để kiểm tra hồ sơ hải quan theo đúng điều kiện nêu trên.

**160. Thủ tục hồ sơ để phân loại và tính thuế nhập khẩu theo máy chính.**

*Trình thủ tục và hồ sơ cần có để hàng hoá là thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ được tính thuế nhập khẩu theo máy chính bao gồm những gì?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại điểm 2 mục I phần B của Thông tư 85/2003/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2003 hướng dẫn thực hiện việc phân loại hàng hoá theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Biểu thuế xuất khẩu thì hàng hoá nhập khẩu là thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ được tính thuế nhập khẩu theo máy chính phải có đủ các hồ sơ sau đây:

Luận chứng kinh tế kỹ thuật hoặc Dự án đầu tư thiết bị toàn bộ hoặc thiết bị đồng bộ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ghi rõ tên máy móc thiết bị nhập khẩu, sản xuất hoặc mua trong nước. Doanh nghiệp xuất trình bản chính để cơ quan hải quan đối chiếu khi làm thủ tục nhập khẩu.

Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý chuyên ngành về máy chính của lô hàng thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ nhập khẩu. Doanh nghiệp nộp bản chính cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục. Cơ quan quản lý chuyên ngành là cơ quan quản lý có tính chất chuyên ngành đối với việc sử dụng máy móc, thiết bị nhập khẩu, có

thể cấp Bộ hoặc cấp Sở. Cơ quan quản lý chuyên ngành chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận của mình.

Trường hợp có vướng mắc trong việc xác nhận máy chính thì cơ quan quản lý chuyên ngành trao đổi với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan để xác định máy chính làm căn cứ tính thuế nhập khẩu các máy móc, thiết bị này.

Hợp đồng nhập khẩu (trực tiếp hoặc uỷ thác), Bảng kê chi tiết lô hàng nhập khẩu (Packing list) và các chứng từ khác (nếu có) ghi rõ tên các loại máy móc thiết bị nhập khẩu (nộp bản chính cho cơ quan hải quan).

## **161. Thủ tục Hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất.**

*Chúng tôi là doanh nghiệp chế xuất, vậy khi bán hàng cho các doanh nghiệp Việt Nam trong thị trường nội địa thì thủ tục như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định hiện hành, quan hệ trao đổi hàng hoá giữa các doanh nghiệp trong thị trường nội địa với các doanh nghiệp chế xuất được coi là quan hệ xuất, nhập khẩu và phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam về xuất khẩu, nhập khẩu.

Như vậy, khi doanh nghiệp của bạn bán hàng thì phải thực hiện các thủ tục Hải quan cần thiết để bán hàng vào nội địa và thực hiện

các nghĩa vụ thuế (nếu có) theo quy định của Luật thuế Xuất khẩu, nhập khẩu, Luật thuế GTGT... hiện hành của Việt Nam.

**162. Phân loại thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ để tính thuế nhập khẩu.**

*Doanh nghiệp nhập khẩu một lô hàng là tập hợp các máy móc thuộc chương 84, 85, 86, 88, 89, 90 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành thì có được áp dụng nguyên tắc phân loại theo máy chính để tính thuế nhập khẩu không?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Thông tư 85/2003/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2003 hướng dẫn thực hiện việc phân loại hàng hoá theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi. Biểu thuế xuất khẩu thì trường hợp nêu trên của doanh nghiệp được quy định như sau:

**Về nguyên tắc phân loại để tính thuế nhập khẩu:**

1. Hàng hoá nhập khẩu là một tập hợp các máy móc thuộc các nhóm, phân nhóm hàng của các Chương 84, 85, 86, 88, 89, 90 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành được áp dụng nguyên tắc phân loại theo máy chính để tính thuế nhập khẩu.

Đối với các trường hợp nhập khẩu lô hàng thiết bị toàn bộ gồm nhiều các tập hợp máy móc khác nhau hoặc nhiều dây chuyền khác nhau, trong đó mỗi tập hợp/dây chuyền này có một máy chính thì những trường hợp này cần phân loại lô hàng nhập khẩu thành

từng nhóm các máy móc thiết bị tương ứng với từng dây chuyền để tính thuế theo đúng nguyên tắc đã hướng dẫn nêu trên.

Trường hợp máy chính có mức thuế nhập khẩu cao hơn mức thuế nhập khẩu của các máy móc thiết bị khác trong tập hợp các máy móc nhập khẩu thì các doanh nghiệp được lựa chọn việc áp dụng cách phân loại theo máy chính hoặc phân loại theo từng máy.

Nếu lô hàng thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ nhập khẩu ngoài tập hợp các máy móc, thiết bị còn bao gồm cả vật tư, nguyên liệu, vật liệu, phụ liệu, nhiên liệu, nhà xưởng, ô tô thì chỉ áp dụng nguyên tắc phân loại theo máy chính để tính thuế nhập khẩu cho tập hợp các máy móc thuộc các Chương 84, 85, 86, 88, 89, 90 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành; không áp dụng nguyên tắc phân loại theo máy chính để tính thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu là các vật tư, nguyên liệu, vật liệu, phụ liệu, nhiên liệu, nhà xưởng, ô tô (những mặt hàng này thực hiện theo nguyên tắc: phân loại đúng mã số quy định cho mặt hàng đó tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành).

2. Tập hợp các máy móc được áp dụng nguyên tắc phân loại theo máy chính gồm ít nhất từ hai máy, thiết bị trở lên thuộc một hoặc nhiều nhóm, phân nhóm hàng của các Chương 84, 85, 86, 88, 89, 90 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành. Tập hợp các máy móc này có thể là một tổ hợp (ví dụ: tổ hợp các máy móc thiết bị truyền hình gồm thiết bị thu, thiết bị truyền, camera..., tổ hợp sản xuất thuốc lá điều gồm máy chế biến thuốc lá, máy vẽ thuốc, kèm thiết bị

đóng gói...) hoặc chúng có thể là một dây chuyền (Ví dụ: dây chuyền may quần áo gồm máy may, máy vắt sổ, máy thừa khuyết, máy đính cúc, máy thiết kế mẫu, bàn may, máy cắt, máy phát điện...). Các máy móc khác nhau của tập hợp các máy móc này có tính chất bổ trợ gắn kết với nhau để đồng thời hay gối đầu nhau nhằm thực hiện chức năng riêng của từng máy và của cả hệ thống.

3. Tập hợp các máy móc được áp dụng nguyên tắc phân loại theo máy chính nêu trên có thể là:

a. Được nhập khẩu từ một hoặc nhiều thị trường khác nhau, có xuất xứ từ một hoặc nhiều khu vực hoặc từ nhiều nước khác nhau, nhập về cùng chuyến hoặc không cùng một chuyến nhưng tập hợp các máy móc, thiết bị nhập khẩu tạo thành một tổ hợp hoặc một dây chuyền với một chuỗi các máy móc, thiết bị liên kết với nhau, có tính chất bổ trợ cho nhau để đồng thời hay gối đầu nhau thực hiện các chức năng riêng biệt của từng máy và của cả hệ thống.

b. Vừa nhập khẩu vừa tự sản xuất hoặc mua trong nước nhưng phải đáp ứng 3 điều kiện:

- Máy chính phải là máy được nhập khẩu;

- Tập hợp các máy móc, thiết bị vừa nhập khẩu vừa tự sản xuất hoặc mua trong nước tạo thành một tổ hợp hoặc một dây chuyền với một chuỗi các máy móc, thiết bị liên kết với nhau, có tính chất bổ trợ cho nhau để đồng thời hay gối đầu nhau nhằm thực hiện các chức năng riêng biệt của từng máy và của cả hệ thống;

- Đối tượng sử dụng tập hợp các máy móc vừa nhập khẩu vừa tự sản xuất hoặc mua máy móc do trong nước sản xuất phải tự kê

khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về loại máy móc tự sản xuất hoặc mua trong nước, tên đơn vị sản xuất hoặc đơn vị cung cấp máy và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai này. Trường hợp kê khai sai thì ngoài việc bị truy thu thuế nhập khẩu theo đúng mã số của từng máy móc thiết bị quy định của Biểu thuế nhập khẩu tại thời điểm truy thu còn bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định hiện hành của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **163. Hồ sơ hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.**

*Doanh nghiệp khi làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu hồ sơ hải quan phải nộp bao gồm chứng từ gì?*

**Giải đáp:** Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan phải nộp và xuất trình hồ sơ hải quan gồm các chứng từ sau:

#### **1. Đối với hàng hoá xuất khẩu:**

- Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu;
- Bản kê chi tiết hàng hóa đối với lô hàng có nhiều chủng loại;
- Giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu theo quy định của pháp luật;

- Hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng trong trường hợp cần thiết do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định;

- Các chứng từ khác theo quy định của pháp luật đối với từng mặt hàng cụ thể mà người khai hải quan phải nộp hoặc xuất trình cho cơ quan hải quan.

## **2. Đối với hàng hoá nhập khẩu:**

- Tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu;

- Hóa đơn thương mại;

- Hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng;

- Giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật;

- Bản sao vận tải đơn;

- Bản kê chi tiết hàng hóa đối với lô hàng có nhiều chủng loại;

- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) quy định tại khoản 2

Điều 10 Nghị định này;

- Giấy xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa của tổ chức giám định hàng hoá hoặc Giấy thông báo miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra nhà nước về chất lượng;

- Chứng từ khác theo quy định của pháp luật đối với từng mặt hàng cụ thể.

Các giấy tờ trên nếu là bản sao thì phải được người đứng đầu tổ chức kinh doanh hoặc người được người đứng đầu tổ chức kinh doanh ủy quyền xác nhận, ký tên, đóng dấu. Người xác nhận, ký tên, đóng dấu chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của các giấy tờ này.

#### **164. Kiểm tra xuất xứ hàng hoá xuất nhập khẩu.**

*Việc kiểm tra xuất xứ hàng hoá xuất nhập khẩu được quy định như thế nào?*

##### **Giải đáp:**

1. Việc kiểm tra xuất xứ hàng hoá phải căn cứ vào kết quả kiểm tra thực tế hàng hoá và hồ sơ hải quan.

2. Quy định đối với Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O).

a) Đối với hàng hoá xuất khẩu, người khai hải quan không phải nộp C/O;

b) Đối với hàng hoá nhập khẩu, nếu chủ hàng có yêu cầu được hưởng ưu đãi về xuất xứ phù hợp với các thoả thuận, cam kết của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước khác, tổ chức quốc tế, thì phải nộp C/O hoặc chứng từ có giá trị pháp lý tương đương và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của C/O;

c) Đối với hàng hóa mà Việt Nam hoặc tổ chức quốc tế thông báo đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây nguy hiểm đến sức khoẻ cộng đồng, sản xuất, vệ sinh môi trường thì khi nhập khẩu, người khai hải quan phải nộp C/O của hàng hóa đó.

## **165. Giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.**

*Trong trường hợp nào hàng hoá chịu sự giám sát của hải quan. Phương thức giám sát hải quan nào được áp dụng?*

### **Giải đáp:**

#### **1. Hàng hoá chịu sự giám sát hải quan gồm:**

- Hàng hoá đã làm xong thủ tục hải quan xuất khẩu nhưng chưa xuất khẩu;
- Hàng hoá đã làm xong thủ tục hải quan nhập khẩu nhưng chưa được thông quan;
- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chưa làm thủ tục hải quan được lưu giữ trong kho, bãi thuộc phạm vi địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan;
- Hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh;
- Hàng hoá, phương tiện vận tải chuyển cửa khẩu.

#### **2. Các phương thức giám sát hải quan.**

a) Sự giám sát hải quan được thực hiện theo các phương thức sau:

- Niêm phong hải quan, bao gồm: niêm phong bằng giấy niêm phong hải quan, niêm phong bằng dây hoặc khoá chuyên dụng hải quan;
- Giám sát trực tiếp của công chức hải quan;
- Giám sát bằng phương tiện kỹ thuật.

b) Không áp dụng phương thức giám sát trực tiếp của công chức hải quan đối với hàng hoá được lưu giữ, vận chuyển ở ngoài phạm vi, địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cần thiết do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định.

**166. Thay đổi thủ tục xuất khẩu hàng dệt may đi Mỹ.**

*Chúng tôi là doanh nghiệp dệt may, được biết Bộ Thương mại mới có thông báo hướng dẫn thay đổi thủ tục xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Mỹ. Vay hướng dẫn mới cụ thể như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định trước đây, thương nhân khi xuất khẩu hàng dệt may phải xuất trình bản chính thông báo giao hạn ngạch cho hải quan cửa khẩu khi làm thủ tục xuất khẩu hàng dệt may đi Mỹ và hạn ngạch còn lại ở phiếu để theo dõi trừ lùi.

Kể từ tháng 8/2003, điều kiện nêu trên bị bãi bỏ. Theo đó, thương nhân khi xuất khẩu hàng dệt may sang Mỹ sẽ không phải xuất trình bản chính thông báo giao hạn ngạch. Ngoài ra, không phải xuất trình thông báo giao hạn ngạch của Bộ Thương mại hoặc E/C tại cơ quan hải quan khi làm thủ tục xuất khẩu. Số lượng hàng xuất khẩu sau khi thương nhân đã hoàn thành thủ tục, Bộ Thương mại sẽ trừ lùi vào tiêu chuẩn hạn ngạch của thương nhân khi làm thủ tục cấp visa.

### **167. Thủ tục đối với máy móc, thiết bị tạm nhập-tái xuất.**

*Đơn vị nhập khẩu máy móc, thiết bị theo hình thức tạm nhập – tái xuất có phải xin phép Bộ Thương mại trước khi làm thủ tục nhập khẩu không?*

**Giải đáp:** Đối với trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu máy móc, thiết bị để thi công công trình, bảo hành sửa chữa theo hợp đồng dưới các hình thức tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập đều không phải xin giấy phép của Bộ Thương mại.

Tuy nhiên, đối với những máy móc, thiết bị, phương tiện thuộc các dự án đầu tư trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA; các dự án đầu tư ra nước ngoài và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đưa vào trong nước thi công hoặc đưa ra nước ngoài sửa chữa dưới hình thức tạm nhập-tái xuất, tạm xuất- tái nhập vẫn phải xin phép Bộ Thương mại theo các quy định hiện hành.

### **168. Tỷ giá hạch toán doanh số bán hàng xuất nhập khẩu.**

*Tỷ giá hạch toán doanh số bán hàng để tính thuế GTGT đối với hàng hoá xuất nhập khẩu được xác định như thế nào ?*

**Giải đáp:** Tỷ giá hạch toán doanh số bán hàng tính thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là tỷ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh hoạt động mua bán hàng hoá. Tỷ giá tính thuế xuất, nhập khẩu hàng hoá là tỷ giá trên tính tại thời điểm mở tờ khai hàng xuất, nhập khẩu.

**169. Xuất nhập khẩu tại chỗ hàng gia công và thanh lý hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài.**

*Điều kiện, trình tự thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ hàng gia công với thương nhân nước ngoài được quy định như thế nào? Thủ tục thanh lý hợp đồng gia công?*

**Giải đáp:**

**1. Điều kiện, thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ hàng gia công:**

1.1. Thương nhân Việt Nam và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (gọi tắt là doanh nghiệp FDI) đều được xuất khẩu tại chỗ sản phẩm gia công; máy móc thiết bị thuê hoặc mượn; nguyên liệu, phụ liệu; vật tư dư thừa; phế phẩm, phế liệu (gọi tắt là hàng hóa gia công) cho thương nhân Việt Nam hoặc doanh nghiệp FDI khác có nhu cầu nhập khẩu.

1.2. Cơ sở pháp lý của hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ hàng hóa gia công là hai hợp đồng riêng biệt:

- Hợp đồng gia công hoặc Phụ lục hợp đồng ký giữa thương nhân Việt Nam hoặc doanh nghiệp FDI với thương nhân nước ngoài đặt gia công, trong đó quy định rõ tên và địa chỉ giao hàng của thương nhân Việt Nam hoặc doanh nghiệp FDI nhập khẩu tại chỗ hàng hóa gia công thuộc quyền sở hữu của Bên đặt gia công.

- Hợp đồng mua bán ngoại thương ký giữa thương nhân nước ngoài đặt gia công và thương nhân Việt Nam hoặc doanh nghiệp FDI nhập khẩu tại chỗ hàng gia công.

**1.3. Điều kiện xuất nhập khẩu tại chỗ hàng hóa gia công:**

- Hàng hóa gia công không thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu.

- Đối với hàng nhập khẩu có giấy phép, trước khi ký hợp đồng thương nhân phải xin giấy phép nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với hàng nhập khẩu thuộc Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành phải đáp ứng các điều kiện về nhập khẩu hàng quản lý chuyên ngành.

- Hàng hóa đã qua sử dụng sau khi gia công; phế liệu, phế phẩm nhập khẩu tại chỗ phải tuân thủ quy định của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu đã qua sử dụng.

**1.4. Thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ hàng gia công:**

- Thương nhân Việt Nam hoặc doanh nghiệp FDI được ủy quyền xuất khẩu tại chỗ hàng hóa gia công phải làm thủ tục xuất khẩu lô hàng theo đúng quy định của Hải quan và làm thủ tục

thanh khoản hợp đồng với cơ quan Hải quan nhận đăng ký hợp đồng gia công.

- Thương nhân Việt Nam hoặc doanh nghiệp FDI nhập khẩu tại chỗ hàng hóa gia công phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định của Hải quan, nộp thuế nhập khẩu và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

## **2. Thanh lý hợp đồng gia công.**

Sau khi kết thúc một phần hoặc toàn bộ hợp đồng gia công, hàng hóa gia công được xử lý theo thỏa thuận của các Bên tham gia hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ, tái xuất, mua bán, biếu, tặng, tiêu hủy, chuyển sang thực hiện hợp đồng khác được thực hiện tại cơ quan Hải quan. Trường hợp mua bán, biếu, tặng, tiêu hủy hàng hóa gia công thuộc Danh mục hàng cấm nhập khẩu, Danh mục hàng nhập khẩu có giấy phép phải được Bộ Thương mại chấp thuận bằng văn bản.

## **170. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.**

*Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ được miễn thuế nhập khẩu trong những trường hợp nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Điều 57 Nghị định 24 và Nghị định 27/2003/NĐ-CP:

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định, bao gồm:

a) Thiết bị, máy móc;

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và phương tiện vận chuyển dùng để đưa đón công nhân (ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên, phương tiện thủy);

c) Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm với thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển và vận tải chuyên dùng quy định tại điểm b khoản này.

d) Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để chế tạo thiết bị, máy móc trong dây chuyền công nghệ hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm với thiết bị, máy móc;

đ) Vật tư xây dựng mà trong nước chưa sản xuất được.

2. Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để thực hiện dự án BOT, BTO, BT; giống cây trồng, vật nuôi, nông dược đặc chủng được phép nhập khẩu để thực hiện dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp được miễn thuế nhập khẩu.

3. Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu nêu tại khoản 1 và 2 Điều này được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế, đổi mới công nghệ.

4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên hợp doanh trong lĩnh vực khách sạn, văn phòng - căn hộ cho thuê, nhà ở, trung

tâm thương mại, dịch vụ kỹ thuật, siêu thị, sân golf, khu du lịch, khu thể thao, khu vui chơi giải trí, cơ sở khám chữa bệnh, đào tạo, văn hóa, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, dịch vụ tư vấn cũng được áp dụng việc miễn thuế như quy định tại khoản 1 và 3 Điều này, trừ các trang thiết bị chỉ được nhập khẩu miễn thuế nhập khẩu một lần theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

5. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh đầu tư vào dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư hoặc đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện trong 5 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất.

6. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh đầu tư sản xuất linh kiện, phụ tùng cơ khí, điện, điện tử được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất.

7. Nguyên liệu, bộ phận rời, phụ tùng và vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu.

8. Hàng hóa, vật tư khác dùng cho các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ được miễn thuế nhập khẩu.

9. Căn cứ vào Giấy phép đầu tư, giải trình kinh tế - kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật của dự án, Bộ Tài chính hoặc Cơ quan được Bộ Tài

chính uỷ quyền quyết định danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế. Hàng hóa nhập khẩu nêu trên không được nhượng bán tại thị trường Việt Nam. Trong trường hợp cần thiết, nếu nhượng bán tại thị trường Việt Nam thì phải được Bộ Thương mại chấp thuận và phải nộp các khoản thuế liên quan theo quy định của pháp luật.

10. Bộ Thương mại phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để ban hành văn bản hướng dẫn phân loại chi tiết nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện được miễn thuế nhập khẩu trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất nêu tại khoản 5 và 6 Điều này.

### **171. Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.**

*Kiểm tra sau thông quan là gì ? Áp dụng trong trường hợp nào?*

**Giải đáp:** Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan nhằm thẩm định tính chính xác, trung thực của nội dung các chứng từ mà chủ hàng hoá hoặc người được uỷ quyền, tổ chức, cá nhân trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây viết là đơn vị được kiểm tra) đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan, để ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, gian lận thuế, vi phạm chính sách quản lý xuất nhập khẩu đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan.

Đối tượng kiểm tra sau thông quan là các chứng từ, sổ sách kế toán, các chứng từ khác có liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập

khẩu đã được thông quan; hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan.

Việc kiểm tra sau thông quan chỉ được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan.

## **172. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tại chỗ.**

*Chúng tôi là doanh nghiệp sản xuất có bán hàng cho một công ty nước ngoài nhưng giao hàng cho một công ty khác tại Việt nam theo chỉ định của công ty đó. Vậy trong trường hợp này doanh nghiệp có được coi là đã xuất khẩu hàng hoá không và thủ tục như thế nào?*

### **Giải đáp:**

1. Trường hợp của Công ty nêu trên được coi là hoạt động xuất khẩu hàng tại chỗ. Theo quy định tại Quyết định 153/2002/QĐ-BTC của Bộ Tài chính thì hàng hóa xuất khẩu tại chỗ là hàng hoá do các doanh nghiệp (bao gồm cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) sản xuất tại Việt Nam bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài.

**2. Thủ tục xuất khẩu được quy định như sau:**

**Bước 1: Doanh nghiệp xuất khẩu:**

- Trên cơ sở hợp đồng ký với thương nhân nước ngoài có chỉ định giao hàng tại Việt Nam, kê khai đầy đủ các tiêu chí giành cho doanh nghiệp xuất khẩu trên cả 04 tờ khai. Giám đốc doanh nghiệp hoặc người được giám đốc doanh nghiệp uỷ quyền ký tên, đóng dấu.

- Giao hàng kèm 04 tờ khai hải quan cho doanh nghiệp nhập khẩu.

Đối với doanh nghiệp xuất khẩu nằm trong khu chế xuất: Trước khi giao, nhận hàng, doanh nghiệp có công văn đăng ký xuất, nhập khẩu tại chỗ với Hải quan Khu chế xuất (02 bản). Công văn ghi rõ số lượng, chủng loại, trị giá. Hải quan Khu chế xuất kiểm tra, xác nhận vào công văn, lưu 01 bản để theo dõi; chủ hàng giữ 01 bản kèm hồ sơ để xuất trình khi qua cổng khu chế xuất.

**Bước 2: Doanh nghiệp nhập khẩu:**

- Khai đầy đủ các tiêu chí giành cho doanh nghiệp nhập khẩu trên cả 04 tờ khai hải quan sau khi đã nhận đủ hàng hoá và 04 tờ khai hải quan đã kê khai, xác nhận, ký, đóng dấu của doanh nghiệp xuất khẩu.

- Đến Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu để đăng ký làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ theo quy định, phù hợp với từng loại hình. Kèm theo là mẫu hàng hoá nhập khẩu tại chỗ (Đối với hàng nhập khẩu tại chỗ làm nguyên liệu để gia công, sản xuất xuất khẩu).

Bước 3: *Chi cục Hải quan làm thủ tục cho doanh nghiệp nhập khẩu:*

- Tiếp nhận 04 tờ khai xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ và hồ sơ hải quan; Tiến hành các bước đăng ký tờ khai theo quy định phù hợp từng loại hình, kiểm tra tính thuế (đối với hàng có thuế) theo quy định hiện hành đối với hàng nhập khẩu, giá tính thuế là giá thực thanh toán ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng. Niêm phong mẫu (nếu có) giao doanh nghiệp tự bảo quản và xuất trình để đối chiếu khi làm thủ tục xuất khẩu.

- Xác nhận đã làm thủ tục hải quan, ký tên và đóng dấu vào cả 04 tờ khai.

- Lưu 01 tờ khai và chứng từ doanh nghiệp phải nộp, trả lại cho doanh nghiệp nhập khẩu 03 tờ khai và các chứng từ doanh nghiệp xuất trình.

- Doanh nghiệp nhập khẩu lưu 01 tờ khai; 02 tờ khai còn lại chuyển cho doanh nghiệp xuất khẩu.

- Có văn bản thông báo cho Cục Thuế địa phương nơi theo dõi thuế của doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ biết để theo dõi.

Bước 4: *Doanh nghiệp xuất khẩu:*

Sau khi nhận được 02 tờ khai xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ đã có đủ khai báo, xác nhận chữ ký, dấu của doanh nghiệp nhập khẩu và Hải quan làm thủ tục nhập khẩu, đến Chi cục Hải quan nơi

làm thủ tục xuất khẩu cho doanh nghiệp để đăng ký làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ.

***Bước 5: Chi cục Hải quan làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ:***

- Tiếp nhận 02 tờ khai hải quan (đã có đầy đủ khai báo, xác nhận, ký tên, đóng dấu của doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp nhập khẩu, và Hải quan làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ) và các chứng từ khác.

- Tiến hành các bước đăng ký tờ khai theo quy định, phù hợp từng loại hình, kiểm tra tính thuế (nếu có). Xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan, ký, đóng dấu vào tờ khai hải quan.

- Lưu 01 tờ khai cùng các chứng từ doanh nghiệp nộp, trả doanh nghiệp 01 tờ khai và các chứng từ do doanh nghiệp xuất trình.

### **173. Hoàn tiền thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi có nhập khẩu một số mặt hàng thuộc diện phải thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu. Tuy nhiên có một lô hàng gần đây, do sơ xuất chúng tôi đã nộp thừa số tiền thu chênh lệch giá vào kho bạc. Chúng tôi đã gửi hồ sơ lên Hải quan cửa khẩu nơi nhập hàng hoá để xin hoàn trả khoản tiền nộp thừa nhưng chưa được giải quyết. Vậy pháp luật quy định xử lý trường hợp này như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định hiện hành, việc hoàn trả tiền thu chênh lệch giá hàng xuất, nhập khẩu nộp thừa vào ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính thực hiện. Cơ quan Hải quan không thực hiện hoàn trả đơn vị bằng hình thức bù trừ vào số tiền thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu phải nộp vào Ngân sách nhà nước của lô hàng nhập khẩu kỳ sau. Do vậy, trường hợp của Quý công ty nộp hồ sơ để hoàn tiền thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu tại cơ quan Hải quan là không đúng thủ tục.

Do vậy, Công ty cần phải hoàn chỉnh hồ sơ gửi về Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách Nhà nước) để được xem xét và giải quyết cụ thể.

***Hồ sơ đề nghị hoàn trả bao gồm:***

- Quyết định hoàn trả (bản chính) của cơ quan thu (cơ quan Thuế, cơ quan Hải quân các tỉnh, thành phố được uỷ nhiệm thu).

- Công văn đề nghị được hoàn trả (bản chính) của cơ quan thu gửi cơ quan tài chính.

- Giấy xác nhận của kho bạc nhà nước (bản chính) xác nhận số tiền thuộc diện hoàn trả đã thực nộp vào ngân sách nhà nước. Trường hợp của công ty là đơn vị hoạt động xuất nhập khẩu thì có thể thay thế giấy xác nhận của kho bạc nhà nước bằng giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

## **174. Thủ tục xuất nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ.**

*Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ (kể cả hàng trang sức, mỹ nghệ mạ vàng) có phải xin giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không? Điều kiện đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh vàng?*

**Giải đáp:** Trước đây, hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu vàng mỹ nghệ có khối lượng lô hàng từ 03 kg trở lên cho mỗi lần xuất khẩu, nhập khẩu phải có giấy phép của Ngân hàng Nhà nước.

Ngày 16 tháng 9 năm 2003, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 10/2003/TT-NHNN hướng dẫn hoạt động kinh doanh vàng. Theo đó, chỉ có các hoạt động kinh doanh vàng sau đây mới phải có giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt nam: (i) xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng; và (ii) sản xuất vàng miếng.

Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh vàng gồm vàng trang sức, vàng mỹ nghệ, vàng miếng, vàng nguyên liệu được phép hoạt động mà không bắt buộc phải có vốn pháp định như trước đây. Các hoạt động sản xuất vàng dưới dạng miếng; xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng phải được phép của Ngân hàng Nhà nước.

### **175. Điều kiện chuyển cửa khẩu đối với hàng nhập khẩu.**

*Doanh nghiệp chúng tôi có nhập khẩu một số mặt hàng, trong đó có cả hàng siêu trường, siêu trọng. Nay chúng tôi muốn chuyển cửa khẩu lô hàng nhập này thì phải đáp ứng điều kiện gì?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Quyết định 53/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu thì điều kiện được chuyển cửa khẩu các lô hàng nêu trên của doanh nghiệp được quy định như sau:

- Hàng hoá phải được chứa trong con ten nơ hoặc phải được chứa trong các loại phuyong tiện, xe chuyên dùng đáp ứng được yêu cầu niêm phong hải quan.

- Đối với lô hàng siêu trường, siêu trọng không thể niêm phong được thì Chi cục trưởng Hải quan cửa khẩu nhập phải thông báo chi tiết cho Chi cục trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu biết về tình hình hàng hoá vận chuyển không niêm phong. Việc niêm phong hàng hoá do Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập tiến hành.

Doanh nghiệp có trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hoá, di đúng tuyến đường, đúng thời gian ghi trong hồ sơ, luân chuyển bộ hồ sơ hải quan cho Chi cục Hải quan nơi gửi, nơi nhận.

**176. Trường hợp hàng hoá xuất, nhập khẩu phải kiểm tra sau thông quan.**

*Chúng tôi được biết việc kiểm tra sau thông quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu chỉ được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan. Vậy những trường hợp nào được coi là có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan và bị kiểm tra sau thông quan?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Thông tư 96/2003/TT-BTC ngày 10/10/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 102/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết về kiểm tra sau thông quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu, thì cơ quan hải quan sẽ tiến hành kiểm tra sau thông quan áp dụng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan, cụ thể:

1. Khi phát hiện có dấu hiệu các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan không hợp pháp, hợp lệ theo quy định về hình thức, nội dung ghi chép, trình tự thời gian (như sự không khớp, không đúng, không thống nhất, thiếu tính hợp lý giữa các chứng từ đó trong hồ sơ hải quan liên quan đến các thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng, dung tích, thể tích, nhãn hiệu, mã số, thuế suất, tính chất, thành phần, cấu tạo, công dụng, quy cách đóng gói và các thuộc tính khác của hàng hoá.

2. Khi phát hiện có dấu hiệu khai trị giá tính thuế không hợp lý, không đúng chế độ quy định về quản lý giá tính thuế của nhà nước như:

- Khai sai giá tính thuế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, giá thực tế phải thanh toán hoặc đã thanh toán.

- Giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu quá bất hợp lý và chênh lệch thấp hơn so với:

- + Giá bán của hàng hoá trên thị trường nội địa Việt nam sau khi đã trừ thuế, các chi phí và lợi nhuận hợp lý sau nhập khẩu và/hoặc

- + Giá nhập khẩu của hàng hoá giống hệt, hàng hoá tương tự do các doanh nghiệp khác nhập khẩu tại cùng thời điểm, cùng thị trường, cùng phương thức giao hàng.

- Phương thức và thời gian thanh toán thực tế không phù hợp với việc khai trên hồ sơ hải quan và không đúng với quy định của nhà nước.

- Bất hợp lý trong việc khai phương thức vận tải, phương tiện vận tải, tuyến đường vận tải, cước phí vận tải.

- Bất hợp lý trong việc khai phí bảo hiểm.

3. Thông tin về xuất xứ, giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không đúng với quy định và thực tế hàng hoá hoặc có dấu hiệu giả mạo giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá nhằm hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và gian lận thương mại.

4. Có dấu hiệu gian lận trong việc hưởng ưu đãi về chính sách thuế, gian lận thương mại như: Sử dụng không đúng mục đích, gian lận định mức tiêu hao nguyên vật liệu, phụ liệu đối với hàng gia công, hàng nhập khẩu sản xuất hàng xuất khẩu, hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu được hưởng chế độ miễn, giảm hoàn thuế xuất, nhập khẩu theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các luật thuế khác.

5. Lô hàng có dấu hiệu vi phạm chính sách về quản lý hàng hoá xuất, nhập khẩu như: hàng cấm nhập khẩu, cấm xuất khẩu; hàng hoá nhập khẩu phải có giấy phép nhưng không có giấy phép; hàng hoá xuất nhập khẩu theo diện quản lý chuyên ngành nhưng không đủ điều kiện để xuất khẩu, nhập khẩu...

6. Có thông tin về nội dung kết luận của chứng thư giám định, kết quả phân tích, phân loại lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu do các cơ quan, tổ chức giám định, phân tích, phân loại hàng hóa không đúng với tính chất và công dụng thực tế của hàng hóa, thẩm quyền, chức năng, phạm vi giám định... không đúng quy định nhằm lợi dụng để gian lận, trốn thuế.

## **177. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu phải dán tem.**

*Xin cho biết các mặt hàng phải dán tem hàng nhập khẩu? Các mặt hàng này khi nhập khẩu có được miễn kiểm tra thực tế hàng hoá khi làm thủ tục hải quan không? Thủ tục hải quan quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Theo quy định tại Thông tư số 91/2003/TT-BTC ngày 25/9/2003 có 17 mặt hàng thuộc danh mục hàng phải dán tem nhập khẩu, cụ thể:

- Rượu chai (bao gồm cả hũ, bình);
- Xe đạp nguyên chiếc;
- Quạt điện các loại;
- Máy thu hình nguyên chiếc (cũ và mới);
- Đầu Video nguyên chiếc (cũ và mới);
- Tủ lạnh nguyên chiếc dùng cho gia đình (cũ và mới);
- Máy điều hoà không khí loại lắp vào cửa sổ hoặc lắp vào tường hoạt động độc lập (cũ và mới);
- Động cơ nổ (cũ và mới);
- Sứ vệ sinh: Bệ xí;
- Gạch ốp lát các loại nguyên bao bì bao gồm cả gạch ốp tường và gạch lát nền;
- Máy bơm nước điện các loại;
- Bếp ga các loại;
- Nồi cơm điện các loại;
- Khung xe đạp;
- Phích và ruột nóng lạnh các loại;

- Động cơ nổ cùng với máy công tác thành các máy hoàn chỉnh, đồng bộ.

Tất cả các mặt hàng phải dán tem nhập khẩu nêu trên không được miễn kiểm tra thực tế hàng hoá khi làm thủ tục hải quan để nhập khẩu. Hàng chỉ được thông quan sau khi chủ hàng đã dán tem cho toàn bộ lô hàng. Căn cứ số lượng hàng do người khai hải quan khai, Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu cho lô hàng sẽ cấp đầy đủ tem nhập khẩu cho chủ hàng. Chủ hàng phải tổ chức dán tem tại nơi kiểm tra thực tế hàng hoá dưới sự giám sát của công chức hải quan và phải đảm bảo tem đã dán không thể bóc ra sử dụng lại.

### **178. Thủ tục hải quan đối với hàng nhập khẩu chuyển cửa khẩu.**

*Trường hợp hàng nhập khẩu được dỡ xuống cảng khác với cảng đích ghi trong vận tải đơn, sau đó được vận chuyển đến cảng đích bằng phương tiện vận tải khác thì có được coi là hàng chuyển cửa khẩu không? Thủ tục hải quan trong trường hợp hàng được vận chuyển đến địa điểm thông quan nội địa?*

**Giải đáp:** Hàng hoá nhập khẩu chuyển cửa khẩu là hàng hoá nhập khẩu đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan, được vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến:

- Địa điểm thông quan nội địa (ICD),
- Địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu,

- Cửa khẩu không phải là cửa khẩu nhập hàng,
- Địa điểm kiểm tra hàng hoá ngoài cửa khẩu.

Theo quy định tại Quyết định 53/2003/QĐ-BTC thì trường hợp hàng nhập khẩu được dỡ xuống cảng khác cảng đích ghi trong vận tải đơn và được vận chuyển đến cảng đích bằng phương tiện vận tải khác cũng được coi là hàng chuyển cửa khẩu. Thủ tục hải quan thực hiện như hàng chuyển cửa khẩu đến địa điểm thông quan nội địa, cụ thể chủ hàng phải có trách nhiệm:

- Nộp tờ khai hải quan và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan tại Chi cục Hải quan ICD;
- Bảo đảm nguyên trạng hàng hoá, niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận tải trong thời gian lưu giữ hàng tại ICD và trong quá trình vận chuyển giữa cửa khẩu nhập và ICD;
- Luân chuyển hồ sơ giữa Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập và Chi cục Hải quan ICD.

### **179. Tạm nhập, tái xuất xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi.**

*Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu ô tô dưới 9 chỗ phục vụ cho giai đoạn thực hiện dự án đầu tư có phải là tạm nhập tái xuất không? Thủ tục, hồ sơ nhập khẩu như thế nào?*

**Giải đáp:**

Về vấn đề này, Bộ Thương mại hướng dẫn như sau:

Hàng tạm nhập - tái xuất là loại hàng được kinh doanh theo phương thức tạm nhập - tái xuất hoặc là máy móc, thiết bị, vật tư thuộc sở hữu nhà thầu nước ngoài được tạm nhập để phục vụ thi công công trình theo một dự án đã được phê duyệt và tái xuất khi xây dựng xong công trình.

Theo đó, xe ô tô nhập khẩu để làm phương tiện đi lại phục vụ cho hoạt động của dự án đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam không thuộc loại hàng tạm nhập tái xuất đã nêu ở trên.

Theo Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 4/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001-2005 thì phương tiện vận chuyển hành khách từ 9 chỗ ngồi trở xuống thuộc Danh mục hàng nhập khẩu phải có Giấy phép của Bộ Thương mại. Riêng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nếu nhập khẩu để tạo tài sản cố định thì số lượng, chủng loại và vốn phân bổ nhập khẩu xe ô tô phải được quy định trong Giải trình kinh tế kỹ thuật và việc nhập khẩu phải được phép của Bộ Thương mại.

Trong trường hợp này doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Bộ Thương mại xem xét giải quyết (đối với việc nhập khẩu xe ô tô từ 9 chỗ ngồi chở xuống).

**Hồ sơ xin phép nhập khẩu xe ô tô gồm:**

- Văn bản đề nghị nhập khẩu của doanh nghiệp;

- Danh mục hàng hoá nhập khẩu (tên hàng, số lượng, quy cách kỹ thuật, giá trị);
- Bản sao giấy phép đầu tư;
- Giải trình kinh tế kỹ thuật của dự án đầu tư.

**180. Thủ tục tạm nhập hàng hoá tham gia hội chợ triển lãm.**

*Doanh nghiệp tạm nhập hàng hoá là ô tô, xe máy để tham gia triển lãm có phải xin phép Bộ Thương mại không? Số lượng và điều kiện, thủ tục đối với hàng nhập khẩu trong trường hợp này?*

**Giải đáp:** Căn cứ Thông tư số 18/2001/TT-BTM ngày 12/7/2001 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện hoạt động hội chợ triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 32/1999/NĐ-CP ngày 5/5/1999 của Chính Phủ thì hàng hóa nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Hàng hoá không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, cấm lưu thông của Việt Nam.
- Hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành tạm nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại được thực hiện theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành.

Về số lượng hàng hóa nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại được quy định không quá 5 đơn vị cho một loại sản phẩm. Trong trường hợp này, doanh nghiệp chỉ cần khai báo khi làm thủ tục tạm nhập khẩu tại cơ quan Hải quan cửa khẩu mà không cần có sự chấp thuận của Bộ Thương mại. Trong trường hợp vượt quá 5 đơn vị cho một loại sản phẩm phải được Bộ Thương mại cho phép.

Như vậy, trường hợp doanh nghiệp tạm nhập khẩu ô tô, xe máy, động cơ xe máy mới để tham gia hội chợ triển lãm được thực hiện tại cơ quan Hải quan và không phải xin giấy phép của Bộ Thương mại trong trường hợp đáp ứng điều kiện về số lượng hàng nhập khẩu không vượt quá 5 đơn vị cho mỗi loại ô tô, xe máy.

### **181. Thủ tục hải quan đối với tài sản cho thuê tài chính nhập khẩu.**

*Đối với hàng hoá nhập khẩu là tài sản cho thuê tài chính thì theo quy định của pháp luật, ai sẽ là người khai hải quan và thủ tục, hồ sơ bao gồm những gì ?*

**Giải đáp:** Về vấn đề này, Tổng cục hải quan ban hành Công văn số 5415/GSHQ hướng dẫn một số quy định đặc thù về thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và động sản khác dưới dạng tài sản cho thuê tài chính nhập khẩu.

Cụ thể, người khai hải quan là công ty cho thuê tài chính trong nước hoặc có thể là doanh nghiệp thuê tài chính khi được thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính hoặc phụ lục hợp đồng này. Về mặt hồ sơ, ngoài các chứng từ theo quy định người khai hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu phải nộp thêm một bản hợp đồng cho thuê tài chính, văn bản cho phép thuê máy móc, thiết bị để tạo tài sản cố định của cơ quan cấp giấy phép đầu tư, văn bản duyệt kế hoạch nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền và giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

Chi cục hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu sẽ cấp phiếu theo dõi hàng hoá nhập khẩu và thực hiện quy trình thủ tục hàng hoá theo hợp đồng mua bán ban hành kèm theo Quyết định số 56/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

## **182. Thủ tục hải quan xuất nhập khẩu qua đường bưu điện và chuyển phát nhanh.**

*Trường hợp doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hoá qua đường bưu điện và chuyển phát nhanh thì thủ tục hải quan quy định như thế nào ?*

### **Giải đáp:**

1. Bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan Bưu điện quốc tế (Bưu cục ngoại dịch, Bưu cục cửa khẩu biên giới).

2. Vật phẩm, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh (CPN) thì:

- Trường hợp do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính kinh doanh thì làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan Bưu cục ngoại dịch hoặc Chi cục Hải quan sân bay quốc tế.
- Trường hợp do doanh nghiệp khác kinh doanh thì làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan sân bay quốc tế.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh sẽ thay mặt Công ty trực tiếp làm thủ tục hải quan cho hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và phải thực hiện các quyền, nghĩa vụ thay cho Công ty như:

- Khai hải quan;
- Xuất trình hàng hoá để Hải quan kiểm tra;
- Nộp thuế, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có);
- Nhận hàng xuất khẩu để xuất ra nước ngoài hoặc hàng nhập khẩu để chuyển trả cho Công ty;

- Thông báo cho Công ty liên hệ trực tiếp với Chi cục Hải quan Bưu cục ngoại dịch hoặc Chi cục Hải quan sân bay quốc tế để giải quyết trường hợp hàng không được xuất khẩu, nhập khẩu, hàng phải xử lý theo quy định của pháp luật.

**183. Thủ tục Hải quan đối với hàng hoá, vận chuyển bằng đường hàng không quốc tế theo thẻ hành lý.**

*Thủ tục Hải quan đối với hàng hoá vật phẩm xuất nhập khẩu được vận chuyển bằng đường hàng không quốc tế theo thẻ hành lý quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Căn cứ Luật Hải quan ngày 29/6/2001, Nghị định 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục Hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện như sau:

**1. Về thủ tục khai Hải quan:**

Doanh nghiệp làm nhiệm vụ giao nhận hàng hoá là người khai Hải quan và làm thủ tục Hải quan đối với hàng hoá, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu (dưới đây gọi chung là hàng hoá) được vận chuyển bằng đường hàng không quốc tế theo thẻ hành lý, chịu trách nhiệm thực hiện các quy định Pháp luật về quản lý hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và thuế, lệ phí đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

**2. Về Hồ sơ hải quan:**

Khi làm thủ tục Hải quan cho hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, ngoài các chứng từ phải nộp theo quy định đối với từng loại hình

xuất nhập khẩu, doanh nghiệp phải nộp thêm các chứng từ sau cho Hải quan:

- Bản được khai hàng hoá, vật phẩm;
- Thông báo của người gửi cho người nhận (thể hiện rõ họ tên, địa chỉ của người gửi, người nhận; tên hàng hoá; lượng hàng; trị giá ...);
- Thông báo của đối tác nước ngoài (đối với hàng hoá nhập khẩu), hoặc của doanh nghiệp (đối với hàng hoá xuất khẩu) về số lượng túi/thùng chuyên dùng chứa đựng hàng hoá, số ký hiệu thẻ hành lý gắn trên từng túi /thùng, số ký hiệu và thời gian từng chuyến bay.

Khi Hải quan yêu cầu, doanh nghiệp phải xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề phù hợp (bản sao có công chứng).

### **3. Về địa điểm làm thủ tục Hải quan.**

Hàng hoá làm thủ tục hải quan tại nơi làm thủ tục cho hành khách xuất cảnh (đối với hàng hoá xuất khẩu), tại nơi làm thủ tục cho hành khách nhập cảnh (đối với hàng hoá nhập khẩu) hoặc 01 địa điểm kiểm tra hải quan trong khu vực sân bay quốc tế theo quy định của Chi cục trưởng Hải quan sân bay.

4. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu phải được chứa đựng trong các túi/thùng chuyên dùng.

- Bên ngoài túi thùng chuyên dùng phải thể hiện được các nội dung: tên, địa chỉ của đối tác nước ngoài hoặc của doanh nghiệp để xuất, nhập hàng hoá.

- Mỗi túi/thùng chuyên dùng đều phải được gắn thẻ hành lý.

- Số lượng túi /thùng chuyên dùng thể hiện trên hồ sơ chuyển bay phải đảm bảo phù hợp với số lượng túi/thùng thực tế có gắn thẻ hành lý. Trường hợp không phù hợp phải tiến hành lập biên bản tại chỗ và báo cáo lãnh đạo Chi cục để xử lý theo quy định hiện hành.

#### **184. Thủ tục tái xuất hàng nhập khẩu tham gia triển lãm.**

*Doanh nghiệp chúng tôi tạm nhập khẩu hàng hoá để tham gia hội chợ triển lãm trong nước, trong thời hạn bao lâu chúng tôi phải tái xuất và thủ tục quy định như thế nào?*

**Giải đáp:** Hàng hoá tạm nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại phải được tái xuất khẩu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm. Nếu không tái xuất khẩu trong thời hạn nói trên thì trước khi hết thời hạn, doanh nghiệp phải có văn bản đề nghị gia thời hạn gửi Sở Thương mại nơi tổ chức hội chợ, triển lãm. Thời gian gia hạn cho mỗi lần không được quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết hạn và không được gia hạn quá 03 (ba) lần.

Trường hợp đã hết 03 (ba) lần gia hạn mà vẫn chưa tái xuất khẩu, doanh nghiệp phải có văn bản đề nghị gia hạn gửi Bộ Thương mại. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn của doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời doanh nghiệp bằng văn bản được chấp thuận hoặc không chấp thuận (có nêu rõ lý do), đồng thời gửi cho cơ quan Hải quan cửa khẩu nơi doanh nghiệp làm thủ tục tạm nhập khẩu.

**185. Áp mã hàng nhập khẩu trong trường hợp khác với mã hàng của nước xuất khẩu.**

*Trường hợp mã số HS trên C/O form D khác với mã số do cơ quan hải quan phân loại đối với hàng hoá nhập khẩu thực tế thì quy định của pháp luật xử lý như thế nào? Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) trong trường hợp này có được coi là hợp lệ khi làm thủ tục hải quan không?*

**Giải đáp:** Tổng cục Hải quan hướng dẫn một số đơn vị Hải quan *không chấp nhận C/O mẫu D khi hải quan áp mã hàng nhập khẩu thực tế khác với mã HS ghi trên C/O do nước xuất khẩu phát hành.* Căn cứ qui định tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc phân loại hàng hoá theo danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, biểu thuế xuất khẩu, thì việc phân loại hàng hoá phải căn cứ vào thực tế hàng hoá và danh mục hàng hoá XK, NK của Việt Nam.

Theo đó, các mã HS do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu là thành viên ASEAN phát hành, thể hiện trên C/O mẫu D hiện nay còn có sự chưa thống nhất trong phân loại giữa các nước ASEAN đối với một số mặt hàng cụ thể nên ***mã HS ghi trên C/O chỉ được sử dụng để các chi cục Hải quan tham khảo khi phân loại hàng hoá nhập khẩu.***

Tuy nhiên, *riêng về xác định xuất xứ hàng hoá*, khi có sự khác biệt của mã HS ghi trên giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D do cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu ban hành và mã HS do Hải quan phân loại trong quá trình làm thủ tục hàng hoá nhập khẩu thì *hải quan chưa coi đó là lý do để từ chối tính hợp lệ và hiệu lực của giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D* nếu như lô hàng đáp ứng đầy đủ điều kiện qui định của Bộ Tài chính, Chính phủ và cơ quan hải quan không có cơ sở chứng minh lô hàng gian lận về xuất xứ.

# MỤC LỤC

## CHƯƠNG I - VƯỚNG MẮC VỀ THUẾ XUẤT - NHẬP KHẨU

|                                                                                             | Trang |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1. Miễn thuế, hoàn thuế đối với hàng xuất khẩu buộc phải nhập khẩu trở lại.                 | 10    |
| 2. Hoàn thuế nhập khẩu đối với trường hợp thất lạc hồ sơ.                                   | 12    |
| 3. Hoàn thuế trong trường hợp đối tác nước ngoài thanh toán bằng đồng đô la (USD) tiền mặt. | 14    |
| 4. Hoàn thuế nhập khẩu trong trường hợp xuất khẩu hàng tại chỗ.                             | 15    |
| 5. Hoàn thuế đối với hàng vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.         | 17    |
| 6. Điều kiện được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu.                 | 21    |
| 7. Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để mở rộng quy mô sản xuất.       | 22    |
| 8. Nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định.                                         | 23    |
| 9. Điều kiện miễn thuế nhập khẩu đối với hàng mẫu.                                          | 25    |
| 10. Điều kiện để được miễn truy thu thuế nhập khẩu.                                         | 26    |
| 11. Điều kiện để được áp giá tính thuế theo hợp đồng ngoại thương.                          | 28    |
| 12. Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu nhập khẩu sản xuất hàng xuất khẩu.              | 29    |
| 13. Áp dụng Thuế nhập khẩu ưu đãi.                                                          | 30    |
| 14. Áp dụng Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt.                                       | 30    |
| 15. Áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu thông thường.                                          | 31    |

|     |                                                                            |    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|----|
| 16. | Điều kiện được miễn thuế xuất nhập khẩu.                                   | 32 |
| 17. | Các trường hợp hàng hoá không chịu thuế xuất, nhập khẩu.                   | 35 |
| 18. | Thời hạn nộp hồ sơ để được hoàn thuế nhập khẩu.                            | 37 |
| 19. | Các trường hợp được hoàn thuế xuất nhập khẩu.                              | 38 |
| 20. | Hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu nhập khẩu phải tái xuất.       | 40 |
| 21. | Nộp hồ sơ hoàn thuế nhập khẩu quá thời hạn quy định.                       | 41 |
| 22. | Thời điểm tính thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.                       | 42 |
| 23. | Điều kiện áp dụng thời hạn nộp thuế nhập khẩu là 275 ngày.                 | 43 |
| 24. | Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu.                   | 44 |
| 25. | Hoàn thuế đối với hàng tạm nhập - tái xuất.                                | 45 |
| 26. | Điều kiện hàng nhập khẩu hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi.            | 47 |
| 27. | Hoàn thuế nhập khẩu trong trường hợp hàng nhập khẩu phải tái xuất.         | 48 |
| 28. | Giảm thuế nhập khẩu hàng do tổn thất trong vận chuyển.                     | 50 |
| 29. | Các trường hợp không được áp giá tính thuế theo hợp đồng ngoại thương.     | 51 |
| 30. | Xác định giá tính thuế hàng hoá xuất nhập khẩu.                            | 53 |
| 31. | Điều kiện được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng quà biếu, quà tặng.        | 56 |
| 32. | Áp dụng giá tính thuế hàng nhập khẩu.                                      | 57 |
| 33. | Xác định giá tính thuế nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm. | 61 |
| 34. | Xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu đối với doanh                        | 63 |

ngành liên doanh.

- |     |                                                                                 |    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|----|
| 35. | Phương pháp xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu từ giá EXW.                   | 64 |
| 36. | Xây dựng bổ sung giá tính thuế trong trường hợp nào?                            | 65 |
| 37. | Giá tính thuế hàng nhập khẩu từ khu chế xuất vào thị trường nội địa.            | 67 |
| 38. | Thuế suất thuế nhập khẩu, theo tỷ lệ nội địa hoá.                               | 67 |
| 39. | Trình tự kê khai Hải quan tính thuế hàng hóa nhập khẩu.                         | 68 |
| 40. | Thời hạn nộp hồ sơ và xét hoàn thuế xuất, nhập khẩu.                            | 69 |
| 41. | Thời hạn thông báo thuế.                                                        | 70 |
| 42. | Thời hạn nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.                                    | 72 |
| 43. | Thuế đối với linh kiện nhập khẩu để sản xuất lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh.       | 75 |
| 44. | Thuế nhập khẩu linh kiện và chi tiết phục vụ sản xuất thử.                      | 77 |
| 45. | Thuế đối với hàng xuất khẩu tại chỗ thanh toán đối trừ công nợ.                 | 77 |
| 46. | Thủ tục xóa nợ thuế.                                                            | 79 |
| 47. | Xác định thuế nhập khẩu đối với thiết bị đồng bộ, thiết bị toàn bộ tháo rời.    | 80 |
| 48. | Hoàn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị tạm nhập tái xuất.                | 81 |
| 49. | Thời hạn nộp thuế nhập khẩu đối với máy móc và hàng tiêu dùng.                  | 82 |
| 50. | Thủ tục hoàn thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu. | 83 |
| 51. | Miễn thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với hàng viện trợ không hoàn lại.            | 85 |

|     |                                                                                     |    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 52. | Miễn thuế nhập khẩu đối với ô tô tải và máy điều hoà nhập khẩu tạo tài sản cố định. | 86 |
| 53. | Giảm thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu từ Lào.                              | 88 |
| 54. | Thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với phần mềm nhập khẩu qua mạng Internet.             | 89 |
| 55. | Phân loại và tính thuế nhập khẩu, thuế GTGT thiết bị đồng bộ, toàn bộ.              | 90 |
| 56. | Truy thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.                                            | 91 |
| 57. | Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế xuất nhập khẩu.                      | 92 |
| 58. | Xử phạt vi phạm về thuế đối với hàng hoá nhập khẩu.                                 | 94 |
| 59. | Điều kiện, thủ tục hồ sơ đối với hàng nhập khẩu thuộc diện xét miễn thuế.           | 96 |

## **CHƯƠNG II - VƯỚNG MẮC VỀ THUẾ GTGT ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XUẤT, NHẬP KHẨU**

|     |                                                                        | <b>Trang</b> |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 60. | Hoàn thuế GTGT trong trường hợp uỷ quyền ký kết hợp đồng xuất khẩu.    | 106          |
| 61. | Điều kiện hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá uỷ thác xuất khẩu.           | 107          |
| 62. | Thủ tục thanh toán tiền hàng xuất khẩu để được hoàn thuế GTGT đầu vào. | 108          |
| 63. | Hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu bán chậm, tồn kho.           | 109          |
| 64. | Hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu chưa có đủ                       | 110          |

các chứng từ thanh toán.

|     |                                                                                                  |     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 65. | Khấu trừ thuế GTGT đối với hoá đơn ghi thiếu chỉ tiêu.                                           | 111 |
| 66. | Hoàn trả thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa.                                                      | 112 |
| 67. | Cách tính thuế GTGT đối với hoạt động uỷ thác nhập khẩu.                                         | 114 |
| 68. | Khấu trừ thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa.                                                      | 115 |
| 69. | Thuế GTGT trong trường hợp hàng xuất khẩu không thu được tiền.                                   | 116 |
| 70. | Hoàn thuế GTGT trong trường hợp nộp thuế hai lần.                                                | 116 |
| 71. | Khấu trừ thuế đối với hoá đơn mua hàng của đơn vị bỏ trốn.                                       | 117 |
| 72. | Thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu thanh toán theo phương thức hàng đổi hàng.                      | 118 |
| 73. | Thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu được thanh toán một phần qua ngân hàng, một phần bằng tiền mặt. | 119 |
| 74. | Hàng hoá nhập khẩu không chịu thuế GTGT                                                          | 119 |
| 75. | Thu hồi thuế GTGT đã được hoàn đối với hàng hoá xuất khẩu.                                       | 123 |
| 76. | Hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu uỷ thác.                                             | 124 |
| 77. | Thuế GTGT đối với sản phẩm gia công xuất khẩu.                                                   | 125 |
| 78. | Thuế suất thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu theo hình thức phi mậu dịch.                          | 126 |
| 79. | Thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.                      | 127 |

|     |                                                                                                     |     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 80. | So sánh những quy định pháp luật về xử lý hoàn thuế GTGT vào thời điểm trước và sau ngày 1/10/2002. | 129 |
| 81. | Thuế suất thuế GTGT đối với hàng gia công chuyển tiếp để xuất khẩu.                                 | 133 |
| 82. | Khấu trừ thuế GTGT, đầu vào đối với doanh thu xuất khẩu không đủ điều kiện hưởng thuế suất 0%.      | 137 |
| 83. | Thuế GTGT đối với dịch vụ bảo hiểm tàu biển.                                                        | 138 |
| 84. | Thuế suất thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam.                      | 139 |
| 85. | Thuế GTGT đối với khách hàng thuộc đối tượng miễn trừ ngoại giao.                                   | 141 |
| 86. | Thuế GTGT 0% đối với hàng xuất khẩu theo phương thức hàng đổi hàng.                                 | 141 |
| 87. | Thanh toán tiền hàng uỷ thác xuất khẩu.                                                             | 143 |
| 88. | Miễn thuế GTGT đối với máy móc xây dựng nhập khẩu.                                                  | 144 |
| 89. | Khấu trừ thuế GTGT nộp thừa do được giảm thuế.                                                      | 144 |
| 90. | Điều kiện, thủ tục hưởng thuế GTGT 0% đối với hàng hoá dịch vụ xuất khẩu thanh toán bằng hàng.      | 145 |
| 91. | Thuế GTGT và Thuế nhập khẩu đối với tài sản của công ty liên doanh giải thể.                        | 149 |
| 92. | Thuế GTGT đối với hàng hoá bán vào khu công nghiệp.                                                 | 150 |
| 93. | Khấu trừ thuế GTGT khâu nhập khẩu đã được điều chỉnh giảm.                                          | 150 |

|      |                                                                                                       |     |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 94.  | Hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu uỷ quyền ký kết hợp đồng và thanh toán tại Việt Nam.            | 151 |
| 95.  | Thuế GTGT đối với máy móc thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng nhập khẩu để tạo tài sản cố định. | 152 |
| 96.  | Thuế GTGT đối với phần mềm và dịch vụ phần mềm nhập khẩu.                                             | 154 |
| 97.  | Điều kiện được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hoá xuất khẩu tại chỗ.                       | 154 |
| 98.  | Hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu sang các nước có chung đường biên giới.                         | 156 |
| 99.  | Các hành vi được xem là gian lận trong hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu.                                 | 157 |
| 100. | Quy định về kiểm tra, thanh tra khi hoàn thuế giá trị gia tăng.                                       | 159 |

### **CHƯƠNG III - VƯỚNG MẮC VỀ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN**

|      |                                                                        | <b>Trang</b> |
|------|------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 101. | Hạch toán đối với hoá đơn GTGT ghi bằng ngoại tệ.                      | 166          |
| 102. | Hồ sơ, chứng từ để hàng xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. | 167          |
| 103. | Chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu để xét hoàn thuế nhập khẩu.         | 168          |
| 104. | Lập hoá đơn tăng, giảm giá bán khi hàng không                          | 169          |

đạt quy cách, chất lượng.

|      |                                                                                           |     |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 105. | Ký duyệt và đóng dấu trên hoá đơn.                                                        | 171 |
| 106. | Xử lý vi phạm đối với hàng hoá nhập khẩu không đủ hoá đơn, chứng từ                       | 172 |
| 107. | Hạch toán các khoản chiết khấu bán hàng.                                                  | 174 |
| 108. | Ghi giảm trên hoá đơn GTGT khoản tiền hoa hồng môi giới.                                  | 175 |
| 109. | Chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu theo hình thức bù trừ công nợ.                         | 176 |
| 110. | Điều kiện thanh toán để được hoàn thuế nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu. | 177 |
| 111. | Xử phạt đối với trường hợp làm mất hoá đơn.                                               | 178 |
| 112. | Xác định chi phí hợp lệ cho các khoản công tác phí.                                       | 179 |
| 113. | Hồ sơ xem xét xoá nợ thuế phải truy thu do nguyên nhân khách quan.                        | 180 |
| 114. | Xử lý đối với trường hợp huỷ hoá đơn không đúng quy định.                                 | 181 |
| 115. | Thanh toán qua Ngân hàng đối với hàng xuất khẩu.                                          | 182 |
| 116. | Xử lý hoá đơn với các liên có ngày tháng ghi không khớp nhau.                             | 183 |
| 117. | Khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hoá đơn ghi lệch ngày, tháng giữa các liên.            | 183 |
| 118. | Hoá đơn, chứng từ trong trường hợp vận chuyển hàng hoá nhập khẩu                          | 184 |
| 119. | Hoá đơn chứng từ đối với trường hợp nhập khẩu uỷ thác                                     | 185 |

|      |                                                                                     |     |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 120. | Chứng từ cần có để hoàn thuế nhập khẩu                                              | 186 |
| 121. | Căn cứ xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá nhập khẩu.               | 188 |
| 122. | Hạch toán chi phí phát sinh tại nước ngoài.                                         | 189 |
| 123. | Hợp đồng hợp lệ tính thuế nhập khẩu.                                                | 190 |
| 124. | Xử lý khai man, trốn thuế đối với các đơn vị được hưởng ưu đãi đầu tư.              | 191 |
| 125. | Chứng từ đối với việc hỗ trợ tiếp thị, thưởng khuyến mại.                           | 192 |
| 126. | Chứng từ thanh toán đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu.                            | 193 |
| 127. | Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tiền thưởng xuất khẩu.                           | 196 |
| 128. | Hướng dẫn trích khấu hao tài sản cố định do thành viên góp vốn.                     | 199 |
| 129. | Hạch toán các chi phí môi giới.                                                     | 200 |
| 130. | Các hình thức vay ngoại tệ.                                                         | 201 |
| 131. | Hoàn tiền chênh lệch giá đối với nguyên vật liệu nhập khẩu.                         | 202 |
| 132. | Bên thứ ba ở nước ngoài được chỉ định nhận hàng và thanh toán.                      | 203 |
| 133. | Khách hàng nước ngoài thanh toán tiền hàng qua tài khoản của công ty Việt Nam khác. | 204 |
| 134. | Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu                                       | 205 |
| 135. | Đối tác nước ngoài thanh toán tiền hàng qua tài khoản                               | 206 |

của thương nhân nước ngoài khác tại Việt Nam.

|      |                                                                         |     |
|------|-------------------------------------------------------------------------|-----|
| 136. | Điều khoản thanh toán trên hợp đồng mua bán ngoại thương.               | 207 |
| 137. | Lập hoá đơn hàng xuất khẩu tại chỗ.                                     | 208 |
| 138. | Thuế đối với hoa hồng môi giới chi trả cho đối tác nước ngoài.          | 209 |
| 139. | Ghi hoá đơn trong trường hợp bán lẻ hàng hoá có giá trị dưới 100.000 đ. | 210 |
| 140. | Điều chỉnh giảm giá trên hoá đơn cho đại lý.                            | 211 |
| 141. | Sử dụng hoá đơn đối với các khoản chi hộ cho bên uỷ thác nhập khẩu.     | 212 |

|                          |                                                                                       |     |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <b><u>Tham khảo:</u></b> | Hàng hoá và thị trường trọng điểm xúc tiến thương mại quốc gia của Việt Nam năm 2004. | 214 |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----|

## CHƯƠNG IV - VƯỚNG MẮC VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN

|      |                                                                                                        | Trang |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 142. | Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại Việt Nam.                        | 222   |
| 143. | Xử lý trường hợp hồ sơ Hải quan (bản sao) nộp cho Hải quan địa phương không có ngày/tháng/năm sao lục. | 227   |
| 144. | Hàng đã làm thủ tục xuất khẩu nhưng có sự thay đổi cửa khẩu xuất.                                      | 227   |
| 145. | Thủ tục huỷ tờ khai và nhận lại hàng xuất khẩu.                                                        | 228   |
| 146. | Thủ tục hải quan đối với hàng uỷ thác xuất khẩu.                                                       | 229   |
| 147. | Nhập khẩu sản phẩm hoàn chỉnh để xuất khẩu                                                             | 230   |

|      |                                                                              |     |
|------|------------------------------------------------------------------------------|-----|
|      | cùng với sản phẩm gia công.                                                  |     |
| 148. | Giá tính thuế và các biện pháp xử lý đối với hàng nhập khẩu thừa.            | 231 |
| 149. | Phân loại hàng hoá trước khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá.                  | 233 |
| 150. | Miễn kiểm tra thực tế hàng hoá xuất nhập khẩu.                               | 236 |
| 151. | Thủ tục hải quan đối với hàng hoá của công ty còn nợ thuế nhập khẩu quá hạn. | 238 |
| 152. | Điều kiện chậm nộp chứng từ thuộc hồ sơ hải quan.                            | 239 |
| 153. | Điều kiện để xác định là hàng hoá đã xuất khẩu.                              | 240 |
| 154. | Thời hạn giá trị của Tờ khai hàng hoá xuất nhập khẩu.                        | 240 |
| 155. | Điều kiện để được thông quan hàng hoá.                                       | 241 |
| 156. | Xác định thời điểm tính thuế hàng hoá xuất nhập khẩu.                        | 242 |
| 157. | Giá tính thuế hàng nhập khẩu có giảm giá.                                    | 243 |
| 158. | Thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị là quà tặng.                             | 245 |
| 159. | Hoá đơn đối với hàng xuất khẩu tại chỗ không chịu thuế GTGT.                 | 246 |
| 160. | Thủ tục hồ sơ để phân loại và tính thuế nhập khẩu theo máy chính.            | 247 |
| 161. | Thủ tục Hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất.                              | 248 |
| 162. | Phân loại thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ để tính thuế nhập khẩu.         | 249 |
| 163. | Hồ sơ hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.                              | 252 |
| 164. | Kiểm tra xuất xứ hàng hoá xuất nhập khẩu.                                    | 254 |

|      |                                                                                                |     |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 165. | Giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.                                                        | 255 |
| 166. | Thay đổi thủ tục xuất khẩu hàng dệt may đi Mỹ.                                                 | 256 |
| 167. | Thủ tục đối với máy móc, thiết bị tạm nhập-tái xuất.                                           | 257 |
| 168. | Tỷ giá hạch toán doanh số bán hàng xuất nhập khẩu.                                             | 257 |
| 169. | Xuất nhập khẩu tại chỗ hàng gia công và thanh lý hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài. | 258 |
| 170. | Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.                | 260 |
| 171. | Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.                                       | 263 |
| 172. | Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tại chỗ.                                      | 264 |
| 173. | Hoàn tiền thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu.                                                   | 267 |
| 174. | Thủ tục xuất nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ.                                                | 269 |
| 175. | Điều kiện chuyển cửa khẩu đối với hàng nhập khẩu.                                              | 270 |
| 176. | Trường hợp hàng hoá xuất, nhập khẩu phải kiểm tra sau thông quan.                              | 271 |
| 177. | Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu phải dán tem.                                      | 273 |
| 178. | Thủ tục hải quan đối với hàng nhập khẩu chuyển cửa khẩu.                                       | 275 |
| 179. | Tạm nhập, tái xuất xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi.                                                    | 276 |
| 180. | Thủ tục tạm nhập hàng hoá tham gia hội chợ triển lãm.                                          | 278 |
| 181. | Thủ tục hải quan đối với tài sản cho thuê tài chính nhập khẩu.                                 | 279 |

|      |                                                                                               |     |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 182. | Thủ tục hải quan xuất nhập khẩu qua đường bưu điện và chuyển phát nhanh.                      | 280 |
| 183. | Thủ tục Hải quan đối với hàng hoá, vận chuyển bằng đường hàng không quốc tế theo thẻ hành lý. | 282 |
| 184. | Thủ tục tái xuất hàng nhập khẩu tham gia triển lãm.                                           | 284 |
| 185. | Áp mã hàng nhập khẩu trong trường hợp khác với mã hàng của nước xuất khẩu.                    | 285 |

# **185 VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI ĐÁP VỀ THUẾ, THỦ TỤC HẢI QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU**

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

\*\*\*\*\*

- |                              |                 |
|------------------------------|-----------------|
| ❖ Chịu trách nhiệm xuất bản: | LÊ PHÚ HOÀNH    |
| ❖ Biên tập:                  | NGUYỄN KIM CHII |
| ❖ Sửa bản in:                | NGUYỄN THỊ MAI  |
| ❖ Kỹ thuật vẽ hình:          | NGUYỄN KIM CHII |

---

*In 2.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Nông nghiệp. Giấy phép xuất bản số 98/275/XB-QLXB của Cục Xuất bản cấp ngày 5/11/2003. In xong, nộp lưu chiểu tháng 11/2003*

# TỦ SÁCH **NHÀ QUẢN LÝ**

CÁC LĨNH VỰC ĐƯỢC ĐỀ CẬP:

- Quản lý doanh nghiệp
- Quản lý dự án
- Quản lý các quá trình phát triển
- Quản lý công nghệ và môi trường
- Quản lý chất lượng
- Quản lý tài chính

**Sách được phát hành tại:**

**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN LÝ**

VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS

**INSTITUTE OF MANAGEMENT**

38 Bà Triệu - Hà Nội \* Tel: (04) 9.361913 - 9.348151 \* Fax: (04) 9.360084  
Email: vimbic@hn.vnn.vn

**Giá: 45.000đ**